

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã được Chính phủ thành lập 04 Khu kinh tế, trong đó có 03 Khu kinh tế cửa khẩu gồm Móng Cái (KKTCK Móng Cái bao gồm toàn bộ thành phố Móng Cái và 9 xã thuộc huyện Hải Hà), Hoành Mô – Đồng Văn, và Bắc Phong Sinh. Khu kinh tế cửa khẩu (KKTCK) Móng Cái không những là KKTCK mà còn là KKT ven biển. Trong bối cảnh mới và được sự ủy quyền của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 1663/BKHĐT-KTDV ngày 14 tháng 3 năm 2013, giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh chủ trì lập, tổ chức thẩm định và trình Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái. Được sự chỉ đạo của Chính phủ tại công văn số 2190/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 3 năm 2013 về việc thuê tư vấn nước ngoài lập các quy hoạch của tỉnh Quảng Ninh, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã phối hợp với Tập đoàn tư vấn McKinsey lập dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030. Đây là nhiệm vụ quan trọng, nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh Quảng Ninh trong năm 2014.

2. Mục đích: “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội KKTCK Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” là căn cứ cho phát triển kinh tế - xã hội của khu kinh tế nhằm nâng cao chất lượng sống của nhân dân trên tất cả các mặt kinh tế, xã hội, môi trường và đảm bảo quốc phòng và an ninh.

(1). Làm rõ các ưu tiên và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của KKTCK Móng Cái, giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường quan trọng nhất, phát triển cơ sở hạ tầng và các chiến lược đầu tư. (2). Quy hoạch tổng thể sẽ tạo điều kiện cho KKTCK Móng Cái phát triển trở thành một KKT công nghiệp và dịch vụ mạnh, góp phần vào quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa của Việt Nam. (3). Làm cơ sở xây dựng các kế hoạch hàng năm và kế hoạch 5 năm nhằm hỗ trợ công tác quản lý và điều hành quá trình phát triển kinh tế - xã hội của KKTCK Móng Cái; (4). Cung cấp các thông tin cần thiết về định hướng chiến lược, tiềm năng kinh tế, cơ hội đầu tư và các nhu cầu phát triển của KKTCK Móng Cái tới các nhà đầu tư, nhà tài trợ cũng như người dân trên địa bàn. (5). Đảm bảo công tác bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

3. Căn cứ chủ yếu để lập quy hoạch

- Nghị quyết số 54/NQ-TW ngày 14/9/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;

- Kết luận số 47-KL/TW ngày 6/5/2009 của Bộ Chính trị sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X;

- Thông báo số 108-TB/TW ngày 01/10/2012 của Bộ Chính trị về Đề án “Phát triển kinh tế-xã hội nhanh, bền vững, bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh và thí điểm xây dựng hai đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn, Móng Cái”;

- Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 sửa đổi Nghị định số 29/2008/NĐ-CP quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

- Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 sửa đổi, bổ sung một số điều trong Nghị định 92/2006/NĐ-CP về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

- Quyết định số 19/2012/QĐ-TTg ngày 10/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập KKTCK Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh;

- Quyết định số 99/2009/QĐ-TTg ngày 29/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thành phố cửa khẩu quốc tế Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020;

- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 28/6/2010 của Ban thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Quảng Ninh về xây dựng và phát triển thành phố Móng Cái đến năm 2020;

- Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung tỉnh Quảng Ninh đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

- Công văn số 861/CV-UBND ngày 17/7/2012 của UBND thành phố Móng Cái về việc triển khai Quy hoạch KKTCK Móng Cái;

- Công văn số 1663/BKHĐT-KTDV ngày 14 tháng 3 năm 2013 về việc lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội các khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Công văn số 2190/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 3 năm 2013 về việc thuê tư vấn nước ngoài lập các quy hoạch của tỉnh Quảng Ninh.

4. Báo cáo gồm bốn phần:

Phần I: Các yếu tố, điều kiện và thực trạng phát triển kinh tế-xã hội KKTCK Móng Cái đến năm 2013;

Phần II: Định hướng phát triển kinh tế-xã hội KKTCK Móng Cái đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Phần III: Các giải pháp thực hiện quy hoạch tổng thể;

Phần IV: Đề xuất, kiến nghị.

PHẦN I: CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI KKTCK MÓNG CÁI ĐẾN NĂM 2013

I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ PHÁT TRIỂN

KKTCK MÓNG CÁI

Vị trí địa kinh tế: KKTCK Móng Cái bao gồm thành phố Móng Cái và chín xã của huyện Hải Hà¹, có diện tích đất tự nhiên khoảng 69.504² ha, chiếm 11,1% tổng diện tích đất của Tỉnh. Trong KKTCK Móng Cái, diện tích đất tự nhiên của thành phố Móng Cái là 51.836 ha (74,6% tổng diện tích của KKTCK Móng Cái; 9 xã của Hải Hà có tổng diện tích đất tự nhiên là 17.668 ha chiếm 25,4% tổng diện tích của toàn khu).

Khí hậu: Đặc trưng khí hậu tại KKTCK Móng Cái là khí hậu nhiệt đới duyên hải, tương đối ôn hòa, trong năm thường chia làm hai mùa rõ rệt: mùa Hè nóng ẩm, mưa nhiều từ tháng 4 đến tháng 10; mùa Đông khô lạnh, có gió Đông Bắc kéo dài từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau.

Tài nguyên đất: Theo Quyết định số 19/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thành lập KKTCK Móng Cái và trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh, tổng diện tích của KKTCK Móng Cái là 121.197 ha trong đó diện tích đất liền là 66.197 ha và diện tích mặt biển là 55.000 ha. Theo số liệu thống kê thực tế của địa phương, tổng diện tích của KKTCK Móng Cái bao gồm cả 9 xã Hải Hà là 69.504 ha. Theo đó, phần lớn diện tích đất được sử dụng vào mục đích nông nghiệp (xấp xỉ 70% tổng diện tích đất). Khoảng 15% diện tích đất còn chưa được sử dụng có thể được đưa vào sử dụng cho mục đích công nghiệp, nông nghiệp, hoặc mục đích khác.

Tài nguyên biển: KKTCK Móng Cái có đường bờ biển dài khoảng 85 km. Diện tích bãi triều KKTCK lớn, có Bãi biển Trà Cổ dài và đẹp, đảo Cái Chiên là một tài nguyên du lịch tiềm năng, cảng khẩu Vạn Gia, cảng Hải Hà.

Sông suối: Sông Ka Long bắt nguồn từ Trung Quốc, có 2 nhánh lớn chảy qua KKTCK Móng Cái là Ka Long và Bắc Luân. Sông Tràng Vinh bắt nguồn từ các đỉnh núi cao 700 - 800m ở phía Tây Bắc thành phố Móng Cái; Sông Hà Cối bắt nguồn từ vùng núi cao trên 500m; Sông Tài Chi bắt nguồn từ vùng núi phía Bắc.

Tài nguyên nước: Lượng mưa hàng năm khá cao nhưng không đều, trung bình 3.120 mm/năm; năm có lượng mưa lớn nhất đạt 3.311mm/năm, năm có lượng mưa nhỏ nhất 1.926 mm. KKTCK Móng Cái đã xây dựng các hồ đập để điều tiết dòng chảy như: Hồ Tràng Vinh, Hồ Quất Đông, Hồ Kim Tinh, Hồ Đoan Tĩnh, trong đó Hồ Tràng Vinh và Hồ Quất Đông là lớn nhất, Hồ Chúc Bái Sơn, Hồ Khe Đình và Hồ Khe Dầu-Cái Chiên và các đập nước.

Dân số: KKTCK Móng Cái có dân số trẻ với số lượng ngày càng tăng.

¹09 xã, thị trấn của huyện Hải Hà gồm các xã Quảng Điền, Quảng Phong và Phú Hải, thị trấn Quảng Hà, các xã Quảng Thắng, Quảng Thành, Quảng Minh, Quảng Trung, Cái Chiên

²Số liệu có sự chênh lệch so với số liệu trong Quyết định QĐ 19/2009/QĐ-TTg do trước đây chỉ tính diện tích 5.000 ha tại các xã của Hải Hà nằm trong KCN Hải Hà, phần diện tích còn lại của các xã (Quảng Điền, Quảng Phong, Phú Hải) là 3.307 ha chưa được đưa vào trong Tờ trình trình Chính phủ.

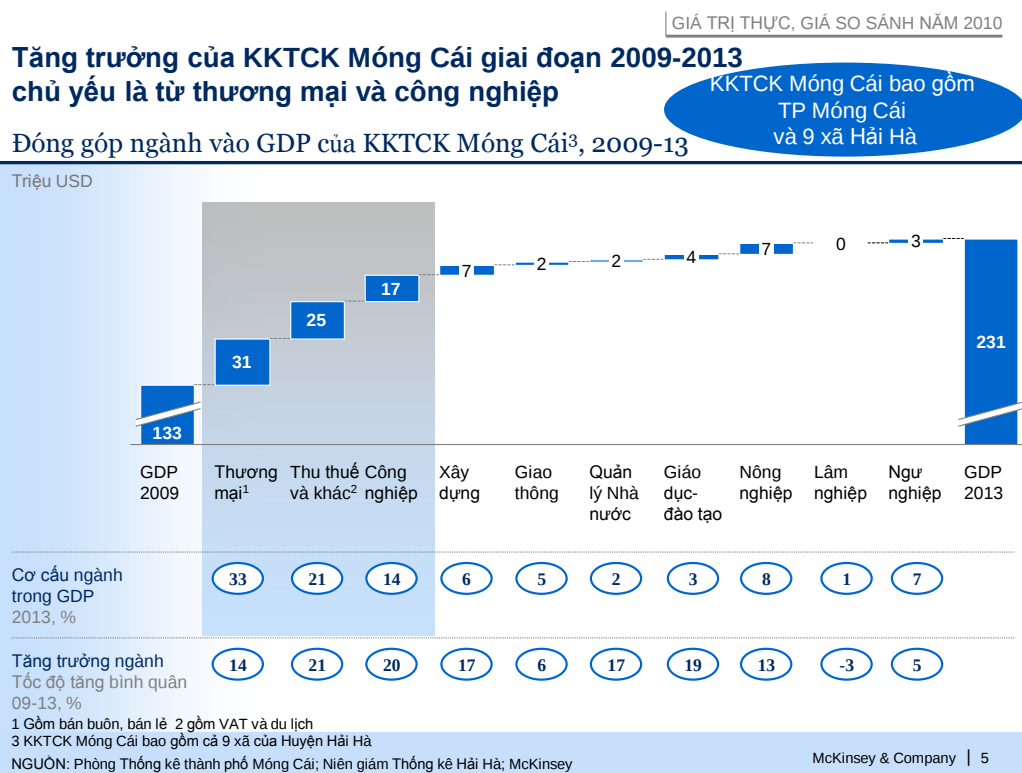
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KT-XH KKTCK MÓNG CÁI

1. Xuất phát điểm của KKTCK Móng Cái

1.1. Tăng trưởng kinh tế nhanh. Trong giai đoạn 2009-2013, theo số liệu thống kê do Móng Cái và 9 xã Hải Hà cung cấp, tốc độ tăng trưởng kinh tế của KKTCK Móng Cái đạt 14%/năm, nhanh hơn so với tốc độ tăng trưởng trung bình của cả nước (chỉ xấp xỉ 6%/năm).

Năm 2013, GDP bình quân đầu người tính theo giá cố định 2010 của KKTCK Móng Cái khoảng 1.818 USD, cao hơn 20% so với GDP bình quân đầu người của cả nước (1.516 USD).

Thương mại và công nghiệp đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng



1.2. Chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp và dịch vụ. KKTCK Móng Cái đang chuyển dịch sang một nền kinh tế hiện đại và đô thị hóa. Tỷ trọng khu vực công nghiệp tăng dần, tỷ trọng khu vực nông nghiệp giảm dần. Trong 10 năm trở lại đây, cơ cấu kinh tế của KKTCK Móng Cái ngày càng đa dạng, đã xuất hiện một số ngành sản xuất mới như chế biến nông sản, xây dựng và dịch vụ. Năm 2013, khu vực dịch vụ đóng góp 64% vào GDP và đang tăng nhanh, trong đó thương mại đóng góp 34% vào GDP và có tốc độ tăng trưởng bình quân 14%/năm trong giai đoạn 2009-2013; khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 20% do dệt may phát triển nhanh, trong đó Texhong đã đầu tư 515³ triệu USD và tuyển dụng 4500 lao động mới⁴, và khu

³Theo Giấy chứng nhận đầu tư của Tỉnh Quảng Ninh, Texhong đầu tư 300 triệu USD vào hạ tầng, 215 triệu USD vào nhà máy dệt

⁴Dữ liệu về quy mô khoản đầu tư và số lượng nhân viên của Texhong do Ban Quản lý KCN Hải Yên cung cấp.

vực nông nghiệp đóng góp 15% vào GDP.

Cơ cấu GDP của 9 xã Hải Hà: Ngành đóng góp chính vào GDP của Hải Hà từ năm 2009 là công nghiệp và nông nghiệp. Năm 2013, tỷ trọng của hai ngành này trong GDP lần lượt là 20% và 19% trong khi thương mại đóng góp 17% và ngư nghiệp 14% trong tổng GDP. Nhìn chung, 9 xã Hải Hà đóng góp khoảng 25% vào tổng GDP của KKTCK Móng Cái.

2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

2.1. Thương mại – du lịch

Thương mại là ngành đóng góp lớn nhất vào tổng GDP của địa phương, đạt giá trị 76,5 triệu USD năm 2013, tương đương 33% GDP. Trong nhóm ngành dịch vụ, các ngành đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế của Móng Cái và Hải Hà bao gồm: bán lẻ, giáo dục và dịch vụ ăn uống. Song hiện tại phát triển thương mại ở địa phương này vẫn đối mặt một số khó khăn chủ yếu như: Kết nối giao thông vận tải vùng còn yếu kém; Quy định hải quan của Trung Quốc thiếu nhất quán; Năng lực hạn chế của lao động địa phương.

Du lịch là một ngành kinh tế đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế, nhưng ngành du lịch tại địa phương vẫn tồn tại nhiều hạn chế như: Mức chi tiêu và thời gian lưu trú bình quân của du khách thấp; Còn thiếu một chiến lược du lịch nhất quán; Chưa có các nhà đầu tư lớn; Hạ tầng du lịch còn thiếu và yếu; Các dịch vụ du lịch như nhà hàng chất lượng cao; Bất lợi về thời tiết.

2.2. Công nghiệp-Tiểu thủ công nghiệp

Thành tựu phát triển: Công nghiệp là một ngành phát triển nhanh nhất trong KKTCK Móng Cái với tốc độ tăng trưởng hàng năm trên 20% trong giai đoạn 2009-2013. Ngành này đóng góp gần 14% vào GDP của KKTCK Móng Cái. Những ngành đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng là dệt may, chế biến thực phẩm, điện nước. Hiện nay, KKTCK Móng Cái có 2 khu công nghiệp lớn là KCN Hải Yên và KCN Cảng biển Hải Hà – với tổng diện tích trên 5.000 ha. **KCN Hải Yên** cách trung tâm thành phố Móng Cái 6 km, rộng hơn 184 ha đất, trong đó đã cho thuê gần 72 ha. **KCN Cảng biển Hải Hà:** rộng 4.988 ha. Dự kiến xây dựng một nhà máy nhiệt điện 2000 MW và dịch vụ kho chứa riêng.

Khó khăn và hạn chế: Phát triển công nghiệp ở KKTCK Móng Cái cũng sẽ phải đối mặt với một số thách thức như: Cơ sở hạ tầng hạn chế, nhất là hệ thống giao thông; Thiếu nhân tài; Tình hình Việt Nam - Trung Quốc.

Tiềm năng phát triển: Trong KKTCK Móng Cái có bốn ngành mũi nhọn là dệt may, thực phẩm và đồ uống và linh kiện ô tô phụ trợ có nhiều triển vọng phát triển. Đánh giá ban đầu cho thấy, nếu các ngành công nghiệp mũi nhọn này phát triển, thì đến năm 2020, sẽ đóng góp khoảng 238 triệu USD vào GDP của KKTCK Móng Cái (tính theo giá hiện hành năm 2014).

2.3. Khu vực nông nghiệp

Khu vực nông nghiệp bao gồm sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, đã có bước phát triển khá nhanh. Trong giai đoạn 2009-2013, GTTT (GDP) tăng trung bình 7,7%/năm, trong đó thành phố Móng Cái tăng 8%, 9 xã và thị trấn huyện Hải Hà tăng trung bình 6,8%/năm. Rừng ở KKTCK Móng Cái có hai loại, gồm rừng phòng hộ và rừng sản xuất, trong đó rừng phòng hộ đóng vai trò quan trọng đối với bảo vệ nguồn sinh thủy. Trên thực tế, mô hình nuôi lợn Móng Cái đã có kết quả tốt. KKTCK Móng Cái có thế mạnh về nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi (lợn, bò sữa, bò thịt), phát triển lâm nghiệp (cây thông) và trồng trọt (cây chè).

3. Các lĩnh vực xã hội

Phát triển nguồn nhân lực: Lực lượng lao động tương đối dồi dào, tăng hàng năm. Hạn chế là tỷ lệ tham gia lao động trên tổng dân số trong độ tuổi từ 15 trở lên còn thấp hơn so với bình quân cả nước. Năm 2013, tỷ trọng lao động có trình độ tay nghề cao trong tổng lực lượng lao động khoảng 7%.

Giáo dục và đào tạo: đã có bước phát triển khá tốt. Hệ thống hạ tầng giáo dục các cấp tương đối hoàn chỉnh; số lượng giáo viên tương đối đầy đủ; tỷ lệ đi học đã tăng đáng kể ở cả Móng Cái và Hải Hà trong giai đoạn 2009-2013. Hạn chế và khó khăn: Mạng lưới trường THPT phân bố chưa đồng đều, chỉ có ba trường THPT trên toàn thành phố Móng Cái, tất cả đều nằm tập trung trong trung tâm thành phố; tỷ lệ học sinh học nghề sau khi tốt nghiệp THCS thấp; học sinh ở KKTCK Móng Cái hiện không quan tâm đến việc học tiếp sau THPT.

Y tế: Hạ tầng y tế tại KKTCK Móng Cái tương đối đầy đủ để hỗ trợ nhu cầu chăm sóc y tế cơ bản của người dân. KKTCK Móng Cái đã đạt được các chỉ số tương đối cao so với mức bình quân chung của cả nước. Hạn chế và khó khăn: Thiếu hụt đội ngũ bác sỹ; Mất cân bằng trong sử dụng đội ngũ bác sỹ.

Văn hóa và thể dục thể thao: diễn ra khá phong phú và đa dạng, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của đại bộ phận người dân. Khó khăn và hạn chế là Công tác tuyên truyền, cổ động chưa được quan tâm đúng mức, chưa xứng tầm với một thành phố cửa khẩu quốc tế lớn như Móng Cái, chưa có cơ chế ưu đãi, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho lĩnh vực này, thiết chế văn hóa từ cấp cơ sở đến cấp thành phố còn hạn chế, chưa được quan tâm đầu tư; công tác quy hoạch còn bất cập.

Phát triển khoa học công nghệ: đã đạt được một số thành tựu đáng khích lệ trên các lĩnh vực: Triển khai nghiên cứu áp dụng mô hình khảo nghiệm tập đoàn giống lúa lai mới; Triển khai mô hình điểm cánh đồng đạt giá trị trên 30 triệu/ha/năm; Triển khai dự án, mô hình: trồng thử nghiệm ổi trắng, chuối tiêu hồng, v.v; Áp dụng khá phổ biến trong việc đăng ký thủ tục

hải quan điện tử, đăng ký sử dụng chữ ký số trong giao dịch, cấp phép, đăng ký kinh doanh, thanh quyết toán thuế ... Hạn chế và khó khăn: chưa áp dụng một cách toàn diện; chưa hình thành thị trường KHCN, chưa mang tính đột phá; hàm lượng KHCN trong một số sản phẩm chủ lực của địa phương còn thấp.

4. Kết cấu hạ tầng

Giao thông vận tải: Hạn chế và khó khăn: Với nhu cầu phát triển của Móng Cái trong những năm tới cầu Bắc Luân sẽ trở nên quá tải, không đáp ứng nhu cầu sử dụng giao thông phát triển kinh tế - xã hội giữa hai nước nói chung và của địa phương nói riêng. Giao thông kết nối với các tỉnh, thành phố khác trong vùng và cả nước đã được cải thiện nhưng khoảng cách về thời gian từ Móng Cái đến các trung tâm kinh tế khác vẫn còn mất nhiều thời gian.

Hạ tầng cấp điện: hiện nay kết nối khá tốt với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020. Hạn chế và khó khăn: phải đáp ứng sự gia tăng nhu cầu sử dụng điện, đặc biệt cho phát triển công nghiệp; mức độ ổn định trong cấp điện còn hạn chế so với các quốc gia Châu Á khác; xã đảo Cái Chiên vẫn chưa có điện lưới. Thách thức trong thời gian tới sẽ là đảm bảo độ ổn định cần thiết để hỗ trợ tăng trưởng nhanh trong các ngành thương mại và công nghiệp.

Cấp, thoát nước, và thủy lợi: hiện nay có 1 nhà máy sản xuất nước sạch với công suất 5.400 m³/ng.đ, đáp ứng đủ nhu cầu phục vụ nước sinh hoạt cho 100% số hộ trong khu vực nội thị. Hiện nay, Tập đoàn Texhong đang triển khai đầu tư hạ tầng KCN Hải Hà theo giấy chứng nhận đầu tư được Ban Quản lý Khu kinh tế cấp, nhu cầu sử dụng nước, theo tính toán khoảng 498,4 nghìn m³/ngày đêm (Công văn số 1455/TNMT-TNN, ngày 22/5/2014). Tuy nhu cầu rất lớn, song Sở Tài nguyên môi trường và Tập đoàn Texhong đã có giải pháp đảm bảo đủ nước.

Hệ thống thoát nước KKTCK Móng Cái mới chỉ được tập trung đầu tư ở các khu vực nội thị như trung tâm thành phố Móng Cái và thị trấn Quảng Hà (thuộc huyện Hải Hà). Hệ thống thủy lợi trên địa bàn đã chủ động đáp ứng được khoảng 85% diện tích đất canh tác và sinh hoạt của thành phố. Hệ thống kênh, mương tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp đang tiếp tục được đầu tư nâng cấp, cải tạo. Hệ thống đê trên địa bàn KKTCK Móng Cái đã được nâng cấp khả năng chống chịu của đê lúc triều cường có bão ở cấp 9. Hạn chế và khó khăn: khoảng 70% diện tích là đồi núi; nhu cầu đầu tư lớn cho các công trình cấp nước, thoát nước và nhất là các công trình thủy lợi; Nhân lực về khoa học công nghệ còn thiếu; nguồn sinh thủy ở KKTCK Móng Cái nhỏ; Rừng bị cạn kiệt do đó khả năng giữ nước nhỏ.

Thông tin liên lạc-bưu chính viễn thông: mạng lưới phát thanh, truyền thanh, truyền hình trên địa bàn KKTCK Móng Cái thời gian qua đã có những bước phát triển khá tích cực, bên cạnh những mặt tích cực vẫn tồn tại những hạn chế như: cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, máy móc còn thiếu so với yêu cầu phát triển, nhân lực mỏng, đầu tư cho công tác phát thanh,

truyền hình còn hạn chế ...

5. Đánh giá hiện trạng không gian lâm nghiệp và dải cây xanh KKTCK Móng Cái

- Hiện trạng sử dụng đất lâm nghiệp: KKTCK Móng Cái chia ra gồm hai loại rừng như sau: Rừng phòng hộ: Diện tích là 9.662,6 ha, chiếm 41,2% diện tích đất lâm nghiệp; Rừng sản xuất: Diện tích là 13.795,9 ha, chiếm 58,8% tổng diện tích đất lâm nghiệp. Trong đó, rừng đặc dụng (Khu Ramsar Móng Cái mới được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt) có diện tích là 13.759 ha, chiếm 38,1% diện tích đất lâm nghiệp.

Dải cây xanh gồm: Thứ nhất, các hàng cây xanh ven đường quốc lộ, đường phố đô thị Móng Cái, xung quanh cơ quan và ven bờ ruộng; Thứ hai, cây xanh trong công viên, nơi sinh hoạt cộng đồng và trong trường học, bệnh viện, v.v...

III. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

KKTCK Móng Cái đang phải đối mặt với những thách thức về môi trường trong ngắn và trung hạn. Những thách thức ngắn hạn như xói mòn đất, ô nhiễm nguồn nước, không khí và vấn đề chất thải. Những thách thức trung hạn gồm việc sử dụng tài nguyên kém hiệu quả và ứng phó với biến đổi khí hậu, cũng như yêu cầu phát triển kinh tế xanh, thân thiện môi trường và tiết kiệm năng lượng - một xu hướng chung cần thiết. KKTCK Móng Cái cần bắt đầu giải quyết ngay những thách thức ngắn hạn và sau đó là các thách thức trung hạn khi đã đạt được tiến bộ nhất định trong giải quyết thách thức ngắn hạn, nhưng muộn nhất là năm 2018. Mọi ngành công nghiệp ưu tiên theo đề xuất đã tính đến các quan ngại về môi trường. Trên thực tế, quy hoạch tổng thể cũng đã đưa ra nhiều khuyến nghị để đảm bảo các ngành này thân thiện môi trường ở mức tối đa. Ví dụ, các biện pháp cụ thể liệt kê cho ngành dệt may có thể giúp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước và tiêu tốn năng lượng. Nếu thực hiện hết các khuyến nghị này, KKTCK Móng Cái sẽ có một nền kinh tế xanh. Thân thiện môi trường và tiết kiệm năng lượng là cơ sở và xuất phát điểm cho mọi hoạt động - tạo thành một yếu tố kết nối các ngành.

IV. ĐỊNH HƯỚNG CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Các hoạt động đối ngoại đã góp phần đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh của các mặt hàng xuất khẩu chủ lực có lợi thế của Việt Nam, mở rộng đầu tư sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường. Theo đó, tốc độ tăng trưởng thương mại cao. Tuy vậy, công tác đối ngoại nói chung và hoạt động kinh tế đối ngoại trên địa bàn KKTCK Móng Cái còn không ít hạn chế, bất cập. Những vấn đề chủ yếu đang đặt ra như sau: Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động kinh tế đối ngoại của Trung ương ban hành chưa đồng bộ; Các chính sách vĩ mô còn bất cập, thiếu thống

nhất giữa hai nước Việt Nam-Trung Quốc, làm hạn chế hiệu quả hợp tác; Tình hình an ninh trật tự khu vực biên giới diễn biến phức tạp.

V. QUỐC PHÒNG - AN NINH

Quốc phòng, an ninh được giữ vững, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, biển đảo của Tổ quốc. Tuy vậy, Móng Cái là một trong ba trọng điểm của tỉnh về tình hình phức tạp của tội phạm, công tác quản lý người nước ngoài, bảo đảm an ninh thông tin ... khó khăn, phức tạp. Có thể nảy sinh mâu thuẫn nội bộ do sự chênh lệch phát triển giữa các vùng, khiếu kiện đất đai ...; mâu thuẫn giữa quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội với quy hoạch quốc phòng, an ninh.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN VÙNG CỦA KKTCK MÓNG CÁI

Bối cảnh quốc tế:

(1). *Trung Quốc tăng trưởng nhanh và liên tục:* có thể ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam nói chung và KKTCK Móng Cái nói riêng.

(2). *Nhiều công ty toàn cầu đang rút khỏi Trung Quốc.* Nhiều công ty toàn cầu đang chuyển dần mảng gia công và sản xuất ra khỏi Trung Quốc do chi phí nhân công và lạm phát gia tăng. Kết quả là, tỷ trọng FDI từ các nước Nhật Bản và Mỹ vào Trung Quốc đang giảm xuống và ít hơn so với đổ vào các nước ASEAN.

(3). *Liên tục thảo luận về thương mại tự do.* Việc tham gia Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP) (hiện chiếm khoảng 25% thương mại toàn cầu tương đương với 6 nghìn tỷ USD) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) (chiếm khoảng 40% thương mại toàn cầu, tương đương với 9 nghìn tỷ USD) có thể giúp mở rộng phạm vi tiếp cận của Việt Nam và KKTCK Móng Cái có thể tận dụng cơ hội này.

(4). *Tăng cường chú trọng đến phát triển bền vững và năng lượng sạch:* Phát triển bền vững và sử dụng năng lượng sạch được các nhà đầu tư đến người tiêu dùng ưu tiên chú trọng. Việc này có thể tạo ra tác động lớn đến các hoạt động du lịch cũng như phát triển các ngành sản xuất chế biến.

(5) *Mối quan hệ chính trị giữa Việt Nam và Trung Quốc:* Mối quan hệ giữa Việt Nam với Trung Quốc giữ cân bằng trong nhiều năm. Mặc dù vậy, gần đây nhất, mối quan hệ này đã trở nên xấu đi. Tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông đang đe dọa và tạo thách thức lên toàn khu vực.

Bối cảnh trong nước:

(1). *Viễn cảnh kinh tế vĩ mô của cả nước:* Với dân số trẻ và đông, Việt Nam được Goldman Sachs dự báo sẽ trở thành nền kinh tế lớn thứ 17 thế giới

trước năm 2025 tính theo GDP⁵.

(2). Viễn cảnh vùng Đồng bằng Sông Hồng (ĐBSH) và Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ: Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là vùng kinh tế lớn thứ hai tại Việt Nam và Quảng Ninh được coi là trung tâm của Vùng. Vùng có tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ. Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ sẽ tập trung phát triển Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh trở thành những đầu tàu phát triển kinh tế của Vùng.

(3). Mối liên hệ vùng giữa KKTCK Móng Cái với các KKT quan trọng khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, gồm KKT Vân Đồn, KKTCK Bắc Phong Sinh, KKTCK Hoành Mô - Đồng Văn. Liên kết các cửa khẩu thành một hệ thống cửa khẩu; Liên kết về giao lưu quốc tế bằng đường biển; Liên kết trong bảo vệ an ninh-quốc phòng.

VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KKTCK MÓNG CÁI

1. Lợi thế so sánh và cơ hội phát triển

(1). *Thế mạnh về vị trí địa lý*: KKTCK Móng Cái có vị trí chiến lược cho hoạt động thương mại đường bộ sang miền Nam Trung Quốc và các tỉnh thành khác của Việt Nam. Các khu kinh tế cửa khẩu khác dọc theo biên giới với Trung Quốc không có lợi thế về đường biển, do đó KKTCK Móng Cái càng có thế mạnh chiến lược.

(2). *Tài nguyên thiên nhiên và nhân lực*: Giá nhân công và giá điện cạnh tranh; Móng Cái nằm gần các mỏ (than) trữ lượng lớn và khoáng sản phi kim (đất sét) chất lượng cao; Tài nguyên du lịch khác biệt, nổi trội và gần các điểm du lịch hấp dẫn mang tầm thế giới của Quảng Ninh để phát triển kinh tế; Hạ tầng xã hội về giáo dục và y tế hiện đang đáp ứng đầy đủ cho người dân.

2. Khó khăn và thách thức

(1). *Khó khăn và thách thức về điều kiện tự nhiên/kết cấu hạ tầng*

- *Khí hậu biến đổi theo mùa* không thuận lợi để phát triển khu du lịch nghỉ dưỡng là loại hình du lịch mà du khách nước ngoài đặc biệt ưa thích.

- *Kết cấu hạ tầng giao thông chưa thuận tiện* đặt khu kinh tế vào thế bất lợi hơn so với các cửa khẩu khác ở miền Bắc Việt Nam. *Kết nối với Trung Quốc* thông qua Cầu Bắc Luân thường xảy ra tắc nghẽn và sẽ quá tải trong vòng 4 năm tới. *Kết nối với các tỉnh thành khác* với thời gian di chuyển hiện rất dài (cụ thể, 6-8 giờ từ Móng Cái về Hà Nội).

(2). *Khó khăn và thách thức về kinh tế*

⁵ Dựa theo Báo cáo Kinh tế Toàn cầu của Goldman Sachs số 134, xuất bản tháng 12/2005, Việt Nam được đánh giá nằm trong nhóm 11 Quốc gia Tiếp theo (N-11) với tiềm năng tăng trưởng như các nước BRIC (Braxin, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc)

- *Tăng trưởng chậm hơn các khu kinh tế khác:* Quảng Ngãi và Quảng Nam đạt tốc độ tăng trưởng hàng năm lần lượt là 24% và 21% trong giai đoạn 2008-2012, trong khi KKTCK Móng Cái tốc độ tăng trưởng chỉ đạt 18%/năm. Thu hút vốn đầu tư FDI (tính đến 2013 đạt gần 0,5 tỷ USD), thấp hơn hẳn so với các KKT khác như KKT Vũng Áng (FDI 16,4 tỷ USD) và Nghi Sơn 12 tỷ USD vào năm 2013.

- *Phụ thuộc vào Trung Quốc:* Kinh tế Móng Cái chưa ổn định do xuất khẩu bị phụ thuộc nhiều vào các biến động kinh tế chính trị của Trung Quốc.

- *Khó khăn trong việc thu hút đầu tư nước ngoài:* Các điều kiện kinh tế toàn cầu hiện nay đặt ra thêm nhiều khó khăn thách thức vì vốn đầu tư quốc tế khan hiếm và nhiều nền kinh tế trong khu vực đang cạnh tranh để thu hút các khoản đầu tư này.

(3). Khó khăn và thách thức về khoa học công nghệ

- Thiếu đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có kinh nghiệm để quản lý, giám sát và đánh giá máy móc nhập khẩu vào KKTCK;

- Thiếu các thiết bị đo lường dùng để kiểm tra các máy móc nhập khẩu vào KKTCK;

- Thiếu các nhà khoa học có kinh nghiệm, để áp dụng KHCN vào các ngành sản xuất mà địa phương có lợi thế như: nông nghiệp sinh học, nông nghiệp công nghệ cao, vào công nghệ bông vải sợi, nước giải khát,...,

PHẦN II: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KT-XH KKTCK MÓNG CÁI ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

(1). Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái phải bảo đảm thống nhất với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Quảng Ninh, của vùng Đồng bằng sông Hồng, quy hoạch phát triển hai hành lang một vành đai ven biển Vịnh Bắc Bộ và với cả nước; đồng thời, phát huy những giá trị khác biệt về địa kinh tế, địa chính trị của Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái.

(2). Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái một cách bền vững trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, khai thác và sử dụng tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả.

(3). Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái trở thành KKTCK tự do, hướng ngoại, có độ mở cao, nhằm khai thác có hiệu quả lợi thế vị trí địa lý, hợp tác phát triển trong khối ASEAN trên cơ sở kết nối với các thị trường lớn. Đặt mối quan hệ chung giữa phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái với các KKT trong Tỉnh, cả nước và khu vực..., tạo thành sức mạnh liên kết, giải quyết tốt các vấn đề phát triển, vấn đề xã hội, không ngừng nâng cao mức sống, đời sống văn hoá, tinh thần cho nhân dân.

(4). Phát triển KKTCK Móng Cái bảo đảm hiệu quả tổng hợp cả về kinh tế, xã hội, chính trị, quốc phòng và an ninh, gìn giữ cảnh quan thiên nhiên, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu, chăm lo bảo vệ sức khỏe người dân và du khách, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, mở rộng quan hệ đối ngoại khu vực và quốc tế.

2. Các mục tiêu phát triển

a). Mục tiêu tổng quát:

Đến năm 2020, Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái là địa bàn động lực quan trọng; xây dựng Móng Cái trở thành một cực tăng trưởng kinh tế năng động của vùng Đồng bằng sông Hồng thành một trung tâm kinh tế phát triển trên vành đai kinh tế ven biển vịnh Bắc Bộ. Đến năm 2030, Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái là một Khu kinh tế tự do có dịch vụ, công nghiệp hiện đại, bền vững; là phòng tuyến vững chắc về kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh và chủ quyền biên giới quốc gia, góp phần tích cực vào tiến trình mở cửa, hội nhập quốc tế.

b). Các mục tiêu cụ thể:

(1). Các mục tiêu kinh tế

- Giai đoạn 2015- 2020:

- Trong giai đoạn 2015-2020, theo kịch bản kỳ vọng, GDP bình quân hàng năm tăng trưởng nhanh và ổn định ở mức trên 17,7%/năm; Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành dịch vụ: khoảng từ 18 - 20%/năm; công nghiệp từ 20- 22%/năm; nông nghiệp 6-8%/năm; Trong kịch bản tham vọng nhất, đến năm 2020, phần đầu GDP bình quân đầu người danh nghĩa đạt khoảng 10.000 USD (tương đương với khoảng 5.700 USD/người theo giá so sánh năm 2010). Cơ cấu GDP là: Dịch vụ - 59%, Công nghiệp - 35% và Nông nghiệp - 6%.

- Đến năm 2030:

- Đến năm 2030, GDP bình quân đầu người danh nghĩa đạt khoảng 22.000 USD. Cơ cấu GDP: Dịch vụ (60%), Công nghiệp (37%) và Nông nghiệp (3%)

(2). Các mục tiêu xã hội

Quy mô dân số vào năm 2020 được dự báo đạt trên 177.000 người. Trong giai đoạn 2014-2020, tạo thêm 26.300 việc làm; trong đó, 19.200 lao động từ nguồn tại chỗ thông qua chuyển dịch lao động từ các ngành nông lâm ngư nghiệp sang các ngành khác; thu hút từ bên ngoài khoảng 7.100 lao động.

Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi từ năm 2015; Đến năm 2020, ít nhất 40% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 92% trẻ em trong

độ tuổi mẫu giáo được đi học và được chăm sóc giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non; Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99%, cấp THCS đạt 95% trở lên; Phần đầu có 30% số học sinh tốt nghiệp THCS đi học nghề. Tuổi thọ bình quân là 78 tuổi và đạt 7,2 bác sĩ/vạn dân.

- Phần đầu có 95% số gia đình đạt chuẩn văn hóa; 100% số lượng di tích cấp quốc gia và cấp tỉnh nếu nằm ngoài ranh giới các công trình kinh tế quan trọng, được bảo tồn; 100% số thiết chế văn hóa được bảo tồn; các điểm thể thao và điểm vui chơi trẻ em tại các khu công nghiệp được xây dựng đáp ứng nhu cầu.

(3). Các mục tiêu môi trường

Phần đầu đến năm 2020: 90% chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường; 90% chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường; 90-100% chất thải rắn nguy hại trong các khu công nghiệp sẽ được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường; 100% lượng chất thải rắn y tế không nguy hại và nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế, bệnh viện được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường; 90-100% lượng chất thải rắn phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường; 70% lượng nước thải sinh hoạt đô thị, 100% nước thải công nghiệp được thu gom, xử lý đảm bảo môi trường. Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP đạt 1 - 1,5% mỗi năm; Áp dụng công nghệ sạch hơn 50%.

3. Luận chứng các phương án tăng trưởng kinh tế

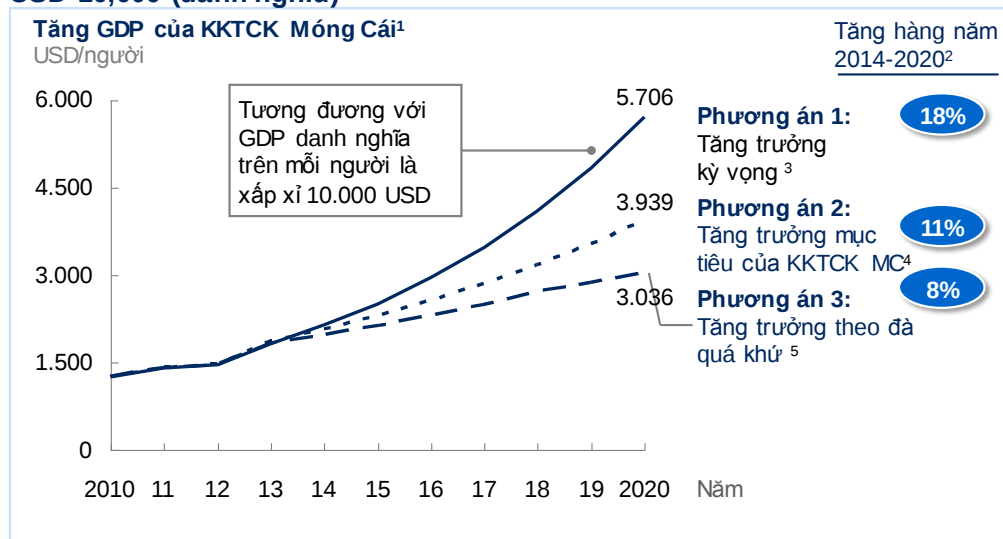
- **Phương án 1 – Cao hơn mức phần đầu của tỉnh Quảng Ninh:** Trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh, mục tiêu GDP bình quân đầu người kỳ vọng đến năm 2020 của tỉnh là 8.100 USD (danh nghĩa). KKTCK Móng Cái sẽ vượt cao hơn mức phần đầu đó. Mục tiêu của KKTCK Móng Cái là phần đầu đạt GDP bình quân đầu người khoảng 10.000 USD (danh nghĩa) (giá so sánh 2010, đảm bảo GDP/đầu người đạt 5.700USD) trong kịch bản kỳ vọng quyết liệt nhất. Theo kịch bản kỳ vọng, KKTCK Móng Cái phần đầu đạt GDP 8.600 USD/người (danh nghĩa) vào năm 2020 – vẫn cao hơn 500 USD so với mức mục tiêu tham vọng nhất của tỉnh. Để đạt được mục tiêu này, KKTCK Móng Cái sẽ cần có tốc độ tăng trưởng hàng năm rất cao, duy trì ở mức 17,7%/năm hoặc cao hơn với điều kiện nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ hơn từ tỉnh và trung ương, triển khai nhanh các giải pháp then chốt và bảo đảm tiến độ xây dựng các dự án kết cấu hạ tầng đã được phê duyệt.

- **Phương án 2 - Phương án mục tiêu hiện tại** (dựa trên các mục tiêu 2011-2015 của Móng Cái): Đến năm 2020, tính theo giá so sánh năm 2010, GDP bình quân đầu người của KKTCK Móng Cái dự kiến đạt 3.900 USD với tốc độ tăng GDP bình quân 11,3%/năm.

Hướng tới 2020, 3 phương án tăng GDP/đầu người

GIÁ TRỊ THỰC, GIÁ SO SÁNH 2010

Hướng đến năm 2020, KKTCK Móng Cái cần phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng GDP/người ở mức ~18% để hoàn thành mục tiêu GDP/người xấp xỉ USD 10,000 (danh nghĩa)



1 Tất cả các phương án dựa trên giả định dân số Móng Cái tăng 2,1%/năm và 9 xã Hải Hà tăng 2,3 % với tổng số dân xấp xỉ 147.000 người vào năm 2020; 2 Đối với GDP/người; 3 Căn tăng GDP/người bình quân 15,2%/năm để đạt GDP/người khoảng 4.900 USD (tương đương với mức danh nghĩa là 8.600 USD/người vào năm 2020); 4 Các mục tiêu tăng trưởng hiện có của Móng Cái, dự kiến tăng trưởng (GDP) thực tế hàng năm của nông nghiệp là 3%, công nghiệp là 12% và thương mại là 16%; 5 Giả định tăng trưởng thương mại giảm sút sau năm 2018 do hạn chế về hạ tầng

NGUỒN: Niên giám thống kê thành phố Móng Cái và huyện Hải Hà; Phân tích của tổ dự án

0

- Phương án 3 – Phương án tăng trưởng theo xu thế (theo Niên giám Thống kê thành phố Móng Cái): Đến năm 2020, dự kiến GDP bình quân đầu người của KKTCK Móng Cái đạt 3.036 USD (giá so sánh năm 2010) và tốc độ tăng GDP bình quân 8,5%/năm (giá so sánh năm 2010).

Kịch bản xấu nhất giả định suy thoái kinh tế toàn cầu trong giai đoạn 2017-2020 cũng đã được lập.

Trong 3 phương án kể trên, phương án 1 và 2 được cho là có khả năng cao nhất. Trong hai phương án này, KKTCK Móng Cái sẽ cần xác định rõ mức độ hỗ trợ cần có và khả năng triển khai các giải pháp cần thiết khác nhau để đảm bảo tăng trưởng năng động. KKTCK Móng Cái cam kết sẽ đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế để từ đó thúc đẩy kinh tế và phát triển xã hội trong tỉnh. Để phản ánh điều này, Phương án 1 “Phương án kỳ vọng” được lựa chọn là phương án mục tiêu trong Quy hoạch tổng thể này. KKTCK Móng Cái đặt kỳ vọng và quyết tâm vạch ra con đường trở thành một trong những đầu tàu đẩy mạnh tăng trưởng của tỉnh Quảng Ninh. Những định hướng phát triển trình bày trong Quy hoạch tổng thể này đều dựa trên phương án đã được lựa chọn.

4. Luận chứng các phương án cơ cấu kinh tế

Cơ cấu GDP của KKTCK Móng Cái dự kiến sẽ thay đổi do tác động chủ yếu của các ngành thương mại, du lịch và công nghiệp – đây là các ngành đóng góp chính vào GDP như minh họa ở hình trên. Theo phương án xu thế, đến năm 2020, tỷ trọng của các ngành này dự kiến đóng góp 94% vào GDP

theo kịch bản kỳ vọng quyết liệt. Nông nghiệp sẽ tiếp tục giảm về giá trị và tỷ trọng, từ 15% năm 2013 xuống 6% năm 2020 (theo kịch bản kỳ vọng, GDP danh nghĩa sẽ là 8.600 USD/người, Nông nghiệp chiếm 6%, Công nghiệp chiếm 36% và Dịch vụ chiếm 58%). Các định hướng phát triển của từng khu vực kinh tế sẽ được trình bày chi tiết trong phần II về quy hoạch các ngành kinh tế.

5. Tầm nhìn đến năm 2030

Đến năm 2030, KKTCK Móng Cái sẽ có một nền kinh tế công nghiệp – dịch vụ sáng tạo, hiện đại, đặc biệt là khai thác các ngành thương mại điện tử và du lịch, công nghệ cao, sản xuất đồ nội thất cao cấp, lắp ráp ô tô, thực phẩm và đồ uống, sản xuất dệt may tiên tiến. GDP bình quân đầu người sẽ khoảng 22.000 USD (danh nghĩa), cao hơn 2000 USD so với mức mục tiêu của Quảng Ninh trong kịch bản tham vọng nhất của Tỉnh (17.000 USD/người).

KKTCK Móng Cái sẽ củng cố vị thế là trung tâm du lịch trọng điểm của tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam và Đông Nam Á. Các nguyên tắc bền vững sẽ trở thành chuẩn mực trong tất cả các khía cạnh phát triển của KKT, quá trình phát triển của các ngành dịch vụ, công nghiệp chế tạo – chế biến và nông nghiệp cũng như trong các thông lệ và nguyên tắc phát triển đô thị.

KKTCK Móng Cái sẽ có một nền kinh tế đa dạng dựa trên hai nền tảng chính đảm bảo tăng trưởng vững chắc trước bối cảnh bất ổn kinh tế trong tương lai, duy trì vai trò là một trong ba đầu tàu kinh tế đưa miền Bắc Việt Nam tiến lên phía trước.

II. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ

Phương hướng phát triển của KKTCK Móng Cái gồm 03 trụ cột là thương mại, du lịch và công nghiệp chế biến-chế tạo.

1. Định hướng phát triển thương mại

1.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển

- *Thương mại* là hoạt động cốt lõi trong định hướng phát triển của KKTCK Móng Cái, trong đó xuất nhập khẩu là ưu tiên hàng đầu và có đóng góp lớn vào kinh tế của KKTCK Móng Cái, dựa trên các ngành phân phối thiết bị, ngành trữ lạnh, dịch vụ dệt may, thương mại điện tử, và các hỗ trợ về hạ tầng giao thông đi kèm.

- *Dịch vụ tài chính*: Liên quan tới sự ra đời của trung tâm dịch vụ tài chính tại KKTCK Móng Cái vào năm 2030, hoạt động kinh doanh tài trợ thương mại hiện nay là điều kiện chính hỗ trợ sự tăng trưởng này.

- Năm 2020, dự kiến đóng góp của ngành thương mại vào GDP ước

tính khoảng 108 triệu USD .

1.2. Nhiệm vụ và giải pháp

(1). Ngành thương mại

Để phát triển thương mại và đẩy mạnh xuất nhập khẩu trong thời gian tới, Móng Cái và Hải Hà cần thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu dưới đây: i) Duy trì tốc độ tăng GDP thương mại và vận tải cao, vào khoảng 20-22%/năm trong giai đoạn đến năm 2020; ii) Phát huy tăng trưởng trong ngành công nghiệp mới để thúc đẩy thương mại; iii) Tăng cường đầu tư vào các cơ sở thương mại hiện đại hơn phục vụ vận tải và kho vận⁶; iv) Sớm đầu tư xây dựng một trung tâm hội chợ thương mại quốc tế tại KKTCK Móng Cái; v) Chú trọng theo dõi hoạt động xuất nhập khẩu và thu thập dữ liệu chi tiết; vi) Xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm địa phương và quốc gia thông qua các hội nghị, triển lãm và tăng hiện diện trên thị trường quốc tế⁷. Ngoài ra, cần chú trọng nâng cấp cơ sở hạ tầng để tăng hiệu quả thương mại như giao thông và kho chứa.

Về mặt lựa chọn ngành nghề trọng tâm trong lĩnh vực thương mại cho KKTCK Móng Cái, ngành thương mại điện tử sẽ là cơ hội lớn để tạo đột phá, đồng thời các ngành phân phối thiết bị công nghiệp, trữ lạnh, và mua sắm dệt may là các cơ hội bổ sung. Trong ngành thương mại điện tử, KKTCK Móng Cái có thể phát triển hai mảng sau:

(i) Thu hút các công ty thương mại điện tử ở phía Nam Trung Quốc xây dựng trung tâm logistics, kho chứa ở KKTCK Móng Cái

(ii) Giới thiệu, đào tạo, và khuyến khích các doanh nghiệp và tiêu thụ trên địa bàn sử dụng các sản phẩm thương mại điện tử hiện có trên thị trường nhằm tăng quy mô và biên độ lợi nhuận

(2). *Phát triển kết cấu hạ tầng thương mại và các trung tâm dịch vụ của KKTCK Móng Cái*, do: KKTCK Móng Cái hiện còn thiếu các cơ sở hạ tầng lớn, hiện đại để phục vụ thương mại (như đường cao tốc; kho ngoại quan; bến bãi.); KKTCK Móng Cái nên đầu tư xây dựng một Trung tâm Triển lãm và Thương mại Quốc tế để quảng bá các sản phẩm của Việt Nam và nước ngoài tiêu thụ trên thị trường Việt Nam.

1.3. Dự án ưu tiên đầu tư

STT	Dự án ưu tiên	Nguồn vốn	Thời gian triển khai
1	Tổ chức các hoạt động giáo dục và đào tạo về thương mại điện tử cho các	Vốn tư nhân (các doanh nghiệp)	2014-2015

⁶ Tham khảo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 với tầm nhìn đến năm 2030

⁷ Tham khảo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 với tầm nhìn đến năm 2030

	doanh nghiệp địa phương	thương mại)	
2	Thu hút nhà đầu tư kho lạnh	Ngân sách nhà nước	2014-2016
3	Thu hút nhà đầu tư thương mại điện tử	Ngân sách nhà nước	2014-2016
4	Thu hút nhà đầu tư kinh doanh thiết bị	Ngân sách nhà nước	2014-2020
5	Xây dựng chiến dịch thông tin trực tuyến và truyền thống cho ngành thương mại	Ngân sách nhà nước và/hoặc ODA	2014-2020
6	Xây dựng hệ thống thông tin thị trường để chia sẻ thông tin với các doanh nghiệp thương mại	Ngân sách nhà nước và/hoặc ODA	2014-2020
7	Giảm nạn buôn lậu và gian lận trong thương mại	Ngân sách nhà nước và/hoặc ODA	2014-2020

1.4. Các chương trình hành động về thương mại

Ở tầm khái quát, dưới đây là các giải pháp phát triển ngành thương mại.

STT	Loại hình	Giải pháp	Cơ sở
1	Giải pháp chính	Phát triển kinh doanh phân phối trang thiết bị công nghiệp tại địa phương	Thị trường nhập khẩu thiết bị công nghiệp nặng có quy mô 2 tỷ USD qua Móng Cái (2012)
2	Giải pháp chính	Phát triển các doanh nghiệp kho vận thực phẩm địa phương có kho lạnh và vận chuyển kho lạnh	Chi phí cạnh tranh đối với các doanh nghiệp kho vận đường bộ tại Quảng Tây và là thị trường lớn về thực phẩm đông gói (43 tỷ USD) tại miền Nam Trung Quốc (2013)
3	Giải pháp chính	Phát triển các nhà cung cấp dịch vụ mua sắm dệt may tại địa phương	Thị trường toàn cầu lớn về marketing dệt và may mặc, bán lẻ (1.000 tỷ USD so với 60-80 tỷ USD nếu chỉ quay sợi)
4	Điều kiện	Tổ chức đào tạo về thương mại điện tử cho các doanh nghiệp địa phương	Rất ít doanh nghiệp địa phương có năng lực về thương mại điện tử (theo một khảo sát nhóm trọng tâm, chỉ có 1 trong số 5 doanh nghiệp có sử dụng thương mại điện tử)
5	Giải pháp chính	Phát triển thương mại điện tử là kênh mới cho hoạt động thương mại và kho vận	Hoạt động thương mại điện tử tăng trưởng nhanh tại thị trường Quảng Tây, từ 3,8 tỷ USD năm 2012 lên hơn 20 tỷ USD vào năm 2020 (tốc độ tăng bình quân 25%/năm)
6	Giải pháp	Củng cố, tăng cường quy mô kinh doanh kho vận	Chi phí kho bãi tại Móng Cái hiện cao hơn 10-15% so với các tỉnh miền Nam ⁸

⁸ Phòng vấn chuyên gia, chuyên gia kho bãi Việt Nam

STT	Loại hình	Giải pháp	Cơ sở
	chính	và vận tải tại Móng Cái và Hải Hà	
7	Điều kiện	Xúc tiến thương mại thông qua cơ quan xúc tiến thương mại địa phương	Theo thông lệ tốt nhất của các quốc gia thương mại hàng đầu, ví dụ: TAITRA của Đài Loan
8	Điều kiện	Tăng cường tính minh bạch trong môi trường kinh doanh tại Móng Cái	Tính minh bạch được đánh giá là vấn đề then chốt tại Việt Nam ⁹
9	Điều kiện	Thiết lập đại diện của Móng Cái trong các cuộc thảo luận về Khu hợp tác kinh tế biên giới (ở cấp chính quyền Trung ương, tỉnh Quảng Ninh và Đông Hưng)	Vận động các cơ quan quản lý khác của Việt Nam và Đông Hưng để Móng Cái được hưởng ưu đãi khi đồng quản lý Khu hợp tác kinh tế
10	Điều kiện	Xây dựng các cơ quan quản lý hành chính công phối hợp với Đông Hưng như cơ quan xúc tiến đầu tư Khu hợp tác kinh tế	Triển khai các chính sách chung như cơ chế khuyến khích đầu tư chung
11	Điều kiện	Vận động chính phủ đưa ra chính sách xuất nhập khẩu rõ ràng hơn với Trung Quốc	Chính sách nhập khẩu của Trung Quốc khó dự đoán, thường xuyên dẫn tới tình trạng hàng hóa bị chậm trễ hay hư hỏng ngay tại biên giới
12	Điều kiện	Xây dựng chiến dịch thông tin trực tuyến và truyền thống cho ngành thương mại	Nhận thức thị trường về các sản phẩm (và thương hiệu) của Móng Cái hiện còn thấp
13	Điều kiện	Xây dựng hệ thống thông tin thị trường để chia sẻ thông tin với các doanh nghiệp thương mại	Chính quyền (trung ương và tỉnh Quảng Ninh) có thể tạo điều kiện phổ biến thông tin về thương mại tích cực hơn
14	Điều kiện	Giảm nạn buôn lậu và gian lận trong thương mại	Thu hồi doanh thu thuế bị mất và củng cố danh tiếng của KKTCK Móng Cái là yếu tố then chốt để tăng quy mô hoạt động thương mại

2. Định hướng phát triển Du lịch

2.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển

- Phát triển du lịch biển, du lịch văn hóa kết hợp mua sắm, du lịch biên

⁹ Phòng vấn nhà đầu tư, tập đoàn Nhật Bản

giới, du lịch sinh thái núi - hồ (gọi tắt là tứ du, gồm: Du Hải - Du Thị - Du Ngoại - Du Sơn).

- Phát triển du lịch toàn diện cả du lịch quốc tế và du lịch nội địa, gắn liền với sự phát triển du lịch Hạ Long; đảm bảo đạt hiệu quả cao về kinh tế, chính trị và xã hội; kết hợp với xóa đói giảm nghèo trên cơ sở phát triển du lịch sinh thái.

- Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch và không ngừng nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch..., cần chú trọng công tác đào tạo để không ngừng nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khách sạn, nhà hàng.

- Phát triển du lịch Móng Cái - Quảng Ninh gắn với việc khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên du lịch, kết hợp với bảo tồn các giá trị văn hóa và tự nhiên, coi trọng việc bảo vệ môi trường du lịch, đảm bảo cho việc phát triển du lịch bền vững.

- Ngành này cũng sẽ hỗ trợ công tác bảo tồn môi trường đặc biệt là đảo Cái Chiên, Vĩnh Thực và các tài sản văn hóa của KKTCK Móng Cái. Du lịch cũng hỗ trợ bảo tồn các làng chài trên đảo Cái Chiên nhờ tạo ra nguồn thu nhập mới.

2.2. Mục tiêu phát triển

- Phát triển ngành du lịch trở thành ngành đóng góp chính, đến năm 2020 là 115 triệu USD vào GDP, chiếm tỷ trọng xấp xỉ 8% tổng GDP của KKTCK Móng Cái, tích cực đóng góp vào quá trình tái cơ cấu của KKTCK Móng Cái và thúc đẩy các ngành kinh tế khác.

- Vào năm 2020, đón tiếp 1,4 triệu du khách

- Đến năm 2020, tạo ra doanh thu từ ngành du lịch đạt gần 220 triệu USD.

- Xác định đúng phân khúc để tạo ra sản phẩm du lịch phù hợp.

- Phát triển sản phẩm du lịch dựa trên khai thác tiềm năng văn hóa, tự nhiên.

- Xác định rõ trọng điểm ưu tiên đầu tư phát triển du lịch. Đầu tư du lịch ở KKTCK Móng Cái cần ưu tiên một số địa điểm chính (bao gồm: bãi biển Trà Cổ, đảo Cái Chiên, đảo Vĩnh Thực và các khu mua sắm).

- Chú trọng phát triển toàn diện các sản phẩm du lịch.

- Chú trọng thu hút khu vực tư nhân vào phát triển, kinh doanh du lịch.

2.3. Nhiệm vụ và các giải pháp ưu tiên cho ngành du lịch

(1). Nâng cấp bãi biển Trà Cổ sôi động kết nối WiFi miễn phí và một địa điểm mới để ngắm bắt nét độc đáo tinh túy của một KKTCK Móng Cái

hiện đại

(2). Cải thiện trải nghiệm mua sắm và giải trí ngay cạnh bãi biển Trà Cổ

(3). Phát triển du lịch sinh thái: gồm du lịch biển, ngũ hồ và núi

(4). củng cố hệ thống lưu trú, bổ sung các khách sạn 3 và 4 sao và nâng cao các lựa chọn ẩm thực

(5). Cải cách quy trình cấp thị thực/giấy thông hành cho du khách Trung Quốc

(6). Xây dựng chiến lược marketing bao gồm trang web quảng bá, quảng cáo trên phương tiện truyền thông của Trung Quốc, cơ chế thu thập dữ liệu/ý kiến

(7). Kết nối miễn phí đến các điểm du lịch chính

(8). Phát triển KKTK Móng Cái trở thành một khu vực đa ngôn ngữ (3 thứ tiếng) trong các biển báo, cửa hiệu và các loại tài liệu cung cấp thông tin

(9). Phát triển du lịch văn hóa gắn với tâm linh

2.4. Các dự án ưu tiên cho ngành du lịch

STT	Dự án ưu tiên	Nguồn vốn	Thời gian triển khai
1	Nâng cấp bãi biển Trà Cổ sôi động kết nối WiFi miễn phí và một địa điểm mới để ngắm bắt nét độc đáo tinh túy của một KKTK Móng Cái hiện đại	Ngân sách nhà nước và nguồn vốn tư nhân	2014 – 2015
2	Cải thiện trải nghiệm mua sắm và giải trí ngay cạnh bãi biển Trà Cổ	Chủ yếu là nguồn vốn tư nhân có sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	2014 – 2016
3	Phát triển du lịch sinh thái bao gồm du lịch biển, ngũ hồ và núi	Ngân sách nhà nước và nguồn vốn tư nhân	2014 – 2016
4	Củng cố hệ thống lưu trú, bổ sung các khách sạn 3 và 4 sao và cải thiện các lựa chọn ẩm thực	Nguồn vốn tư nhân	2014 – 2016
5	Cải cách quy trình cấp giấy thông hành cho du khách Trung Quốc	Ngân sách nhà nước	2014 – 2015
6	Xây dựng chiến lược marketing bao gồm trang web quảng bá và cơ chế thu thập dữ liệu/ý kiến	Chủ yếu là ngân sách nhà nước, có sự hỗ trợ từ nguồn vốn tư nhân	2014
7	Cung cấp xe đưa đón miễn phí đến các điểm du lịch chính	Ngân sách nhà nước và nguồn vốn tư nhân	2014 – 2015

STT	Dự án ưu tiên	Nguồn vốn	Thời gian triển khai
		nhân	
8	Phát triển KKTCK Móng Cái thành một khu vực đa ngôn ngữ sử dụng cả 3 ngôn ngữ trên các biển hiệu, cửa hàng và phiếu thông tin	Chủ yếu là ngân sách nhà nước, có sự hỗ trợ từ nguồn vốn tư nhân	2014 – 2015
9	Phát triển du lịch văn hóa gắn với tâm linh	Ngân sách nhà nước và nguồn vốn tư nhân	2014 – 2017

Tác động tổng thể của các giải pháp này sẽ lên tới gần 40 triệu USD vào năm 2020. Yếu tố đóng góp lớn nhất cho tổng thể tác động này là việc phát triển trung tâm thương mại dạng outlet với tác động 23 triệu USD, tiếp theo là giải pháp xây dựng khách sạn với tác động 8 triệu USD.

3. Định hướng phát triển Công nghiệp

3.1. Khu vực công nghiệp

(1). Quan điểm phát triển

- Phát triển bền vững, toàn diện ngành công nghiệp của KKTCK Móng Cái với 3 trụ cột chính (i) công nghiệp dệt may (ii) công nghiệp thực phẩm & đồ uống, và (iii) công nghiệp ô tô là các ngành ưu tiên, còn chế biến gỗ và sản xuất đồ nội thất cũng như công nghệ cao sẽ là các ngành bổ sung khác có thể cân nhắc trong tầm nhìn đến năm 2030.

- Đảm bảo phát triển công nghiệp Móng Cái phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh.

- Phát triển các cụm ngành công nghiệp trong KKTCK Móng Cái. Đảm bảo sự liên kết hiệu quả và tác động lan tỏa kinh tế giữa thành phố Móng Cái và 9 xã Hải Hà về phát triển công nghiệp.

- Phát triển công nghiệp phải được nghiên cứu, tính toán đến yếu tố thị trường tiêu thụ, thị trường nguyên liệu và đặt trong bối cảnh hợp tác biên giới Việt – Trung.

- Phát triển có chọn lọc những ngành, lĩnh vực mang lại giá trị gia tăng cao, đặc biệt là các lĩnh vực công nghiệp xanh, sạch, ít gây tác động xấu đến môi trường.

- Ưu tiên phát triển những ngành, lĩnh vực, sản phẩm công nghiệp tạo nên giá trị thương hiệu riêng cho tỉnh và KKT.

(2). Mục tiêu phát triển (ngành công nghiệp)

- Đến năm 2020: Phần đầu ngành công nghiệp đóng góp khoảng 40% vào tổng GDP của KKTCK (cao gấp đôi so với hiện nay). Ba phân ngành lớn gồm:

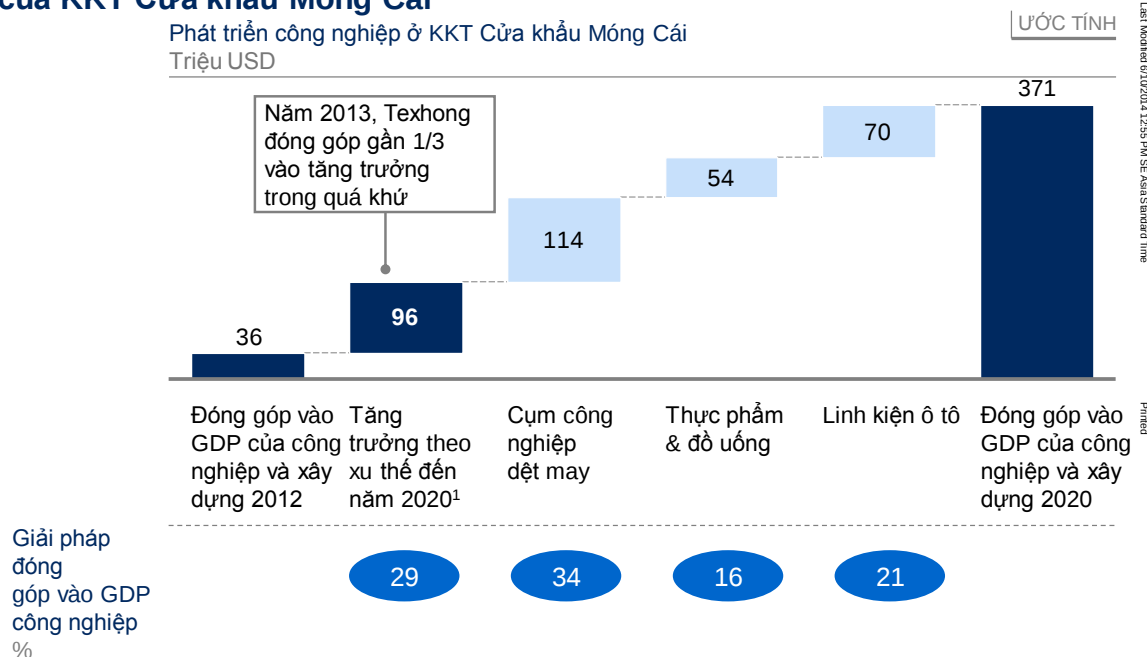
(1) Ngành dệt đóng góp khoảng 115 triệu USD trong tổng GDP của KKTCK.

(2) Ngành đồ uống và thực phẩm đóng góp gần 55 triệu USD.

(3) Ngành linh kiện ô tô phụ trợ đóng góp xấp xỉ 70 triệu USD.

+ Đến năm 2030, chế biến gỗ và sản phẩm thủ công/nội thất có thể đóng góp 30 triệu USD vào trong GDP, công nghệ cao có thể đóng góp thêm 38 triệu USD vào GDP.

Nếu triển khai 3 giải pháp đã đề xuất và duy trì tốc độ tăng trưởng hiện tại, đến năm 2020, ngành công nghiệp sẽ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của KKT Cửa khẩu Móng Cái



(3). Nhiệm vụ và giải pháp ngành công nghiệp

- Xây dựng cụm công nghiệp dệt may tại KKTCK Móng Cái, tập trung vào những phân khúc cao cấp hơn trong chuỗi giá trị như sản xuất may mặc, bán lẻ, v.v;

- Mở rộng ngành công nghiệp chế biến thực phẩm và khởi động ngành sản xuất đồ uống, đặc biệt là sử dụng thảo dược tại KKTCK Móng Cái, coi đây là điểm tạo sự khác biệt then chốt và nguyên liệu đầu vào có giá trị;

- Hình thành các cụm ngành công nghiệp linh kiện ô tô phụ trợ;

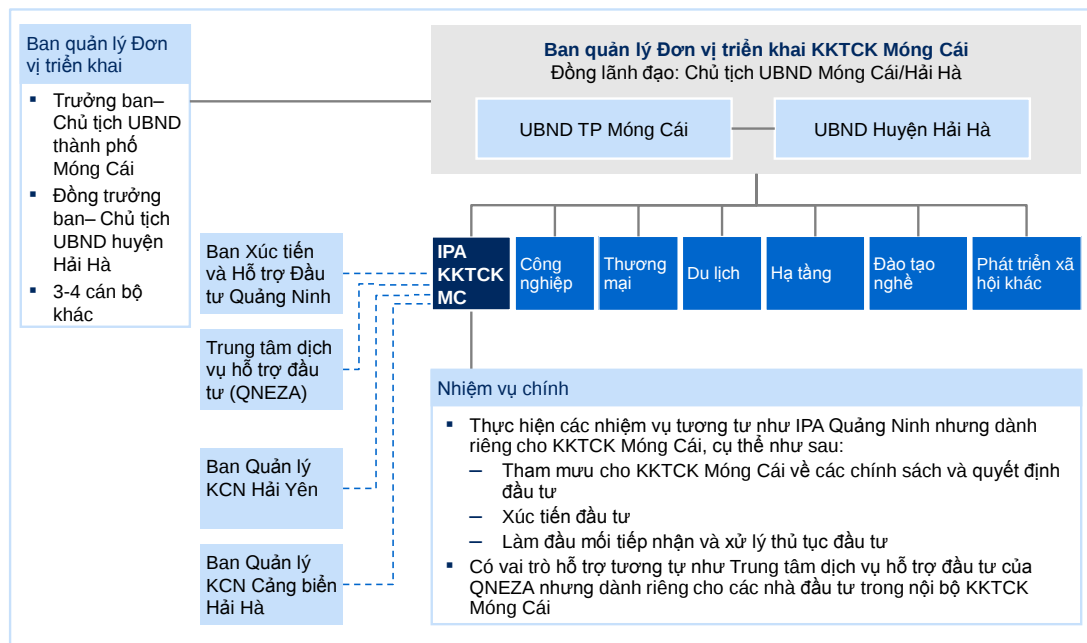
- Xây dựng ngành sản xuất đồ gỗ nội thất cho KKTCK Móng Cái, đặc biệt là đồ gỗ tự nhiên cao cấp

- Với tầm nhìn đến năm 2030, hình thành khu công nghiệp công nghệ cao và đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành.

Bên cạnh đó, một giải pháp then chốt để phát triển ngành công nghiệp là thành lập Ban Xúc tiến Đầu tư (IPA) của KKTCK Móng Cái đặt dưới Đơn vị triển khai KKT và xây dựng một chiến lược xúc tiến đầu tư dài hạn xác định cụ thể các ngành ưu tiên và các bước đi cụ thể, đặc biệt để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ các quốc gia thành viên ASEAN và các khu vực khác trên thế giới.

Ban Xúc tiến Đầu tư của KKTCK Móng Cái sẽ hoạt động dưới hình thức một cơ quan trong Đơn vị triển khai KKTCK Móng Cái và báo cáo trực tiếp lên Ban quản lý Đơn vị triển khai KKTCK Móng Cái do Chủ tịch UBND Móng Cái và Chủ tịch UBND Hải Hà đồng lãnh đạo. Cơ quan này sẽ thống nhất và phối hợp với các bên liên quan khác như Ban xúc tiến và hỗ trợ đầu tư tỉnh Quảng Ninh, Trung tâm dịch vụ hỗ trợ đầu tư tỉnh Quảng Ninh (QNEZA), Ban Quản lý KCN Hải Yên và Ban Quản lý KCN Cảng biển Hải Hà.

Chúng tôi đề xuất thiết lập một Ban Xúc tiến Đầu tư (IPA) độc lập riêng cho KKTCK Móng Cái đặt dưới Đơn vị triển khai -- Mọi quan hệ đồng thuận và phối hợp



NGUỒN: Phân tích của đội dự án

McKinsey & Company | 3

Ban Xúc tiến Đầu tư sẽ triển khai 3 hoạt động sau: Phát triển kinh doanh, hành chính và xúc tiến đầu tư. Chi tiết về hoạt động và trách nhiệm của Ban được trình bày trong Báo cáo quy hoạch tổng thể.

3.2. Các ngành công nghiệp lựa chọn

3.2.1. Định hướng phát triển ngành dệt may

(1). *Quan điểm phát triển:* Thu hút các doanh nghiệp dệt may đang hoạt động ở khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị (như tham gia vào sản xuất hàng may mặc), đầu tư vào khu công nghiệp Hải Yên và khu công nghiệp Hải Hà để phát triển cụm công nghiệp dệt may. Những công ty đầu tư này có thể đến từ nhiều quốc gia trên thế giới.

Hiện nay, do tình hình căng thẳng giữa Việt Nam và Trung Quốc, KKTCK Móng Cái cần đa dạng hóa các doanh nghiệp trên thế giới đầu tư vào KKT.

(2). *Mục tiêu phát triển:*

- Mở rộng quy mô của ngành dệt từ 4 triệu USD hiện nay lên 114 triệu USD vào năm 2020 (tính theo giá so sánh 2010).

- Từ nay đến năm 2020, thu hút ít nhất được một công ty đang hoạt động ở khâu có giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị dệt may (sản xuất may mặc) với doanh thu bán hàng đạt 90 triệu USD .

3.2.2. Định hướng phát triển ngành đồ uống

(1). *Quan điểm phát triển*

- Phát triển ngành đồ uống tại KKTCK Móng Cái là một cơ hội lớn để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và khẳng định danh tiếng của KKT. Đây cũng là ngành phù hợp với trình độ phát triển ở mức GDP bình quân đầu người danh nghĩa đạt 10.000 USD .

- Có thể có cơ hội thu hút một số doanh nghiệp nước giải khát từ Trung Quốc là các nhà đầu tư lớn. Song, để giảm phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc, không nên chỉ tiếp cận với các công ty đồ uống của Trung Quốc.

- Các công ty hàng đầu nên tiếp cận để thu hút đầu tư bao gồm Coca Cola, Anheuser Busch Inbev, Pepsi, SABMiller hoặc Diageo.

(2). *Mục tiêu phát triển*

- Đến năm 2020, các doanh nghiệp đồ uống tại KKTCK Móng Cái có thể đóng góp khoảng 25 triệu USD vào GDP.

- Thu hút các doanh nghiệp đồ uống tới KKTCK Móng Cái nếu có thể.

3.2.3. Định hướng phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm

(1). *Quan điểm phát triển*

- Phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm và phát triển cụm công nghiệp chế biến thực phẩm theo hướng sử dụng nguồn nguyên liệu nông nghiệp địa phương, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại và giảm nhẹ tác động môi trường xung quanh. Nguyên liệu tại chỗ gồm: thịt lợn, hải sản, đặc biệt là tôm, và sữa (bò).

- Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung quy mô lớn và khu

dịch vụ chế biến thủy sản.

(2). Mục tiêu phát triển

- Đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp chế biến thực phẩm nước ngoài đến KKTCK Móng Cái, đặc biệt là những doanh nghiệp có tiềm lực lớn của Trung Quốc và ASEAN.

- Đến năm 2020, chế biến thực phẩm đóng góp khoảng 29 triệu USD vào GDP.

3.2.4. Định hướng phát triển ngành công nghiệp linh kiện ô tô phụ trợ

(1). Quan điểm phát triển

- Từ nay đến năm 2020, phát triển ngành công nghiệp linh kiện ô tô phụ trợ (bánh xe, lốp xe và phanh), và xây dựng một cụm công nghiệp linh kiện ô tô phụ trợ tại KKTCK Móng Cái, tốt nhất là kêu gọi một doanh nghiệp Quảng Tây hoặc từ phương Tây làm nhà đầu tư lớn đang nhắm tới thị trường Trung Quốc.

- Với tầm nhìn đến năm 2030, phát triển ngành bán lẻ phương tiện tại KKTCK Móng Cái.

- Các dây chuyền sản xuất linh kiện ô tô phụ trợ dự kiến sử dụng công nghệ thấp do KKTCK Móng Cái chưa có kinh nghiệm trong ngành này.

- Các sản phẩm sản xuất để ‘gia nhập’ thị trường thông thường gồm có bánh xe, lốp xe và phanh. Kính cũng là sản phẩm công nghệ thấp nhưng khó xuất khẩu do rất dễ vỡ. Sản xuất bánh xe, lốp xe và phanh tốn chi phí điện thấp, phù hợp với KKTCK Móng Cái. Ngoài ra, chi phí nhân công hợp lý sẽ đẩy nhanh phát triển ngành, đây cũng là lợi thế của KKTCK Móng Cái.

- Vật liệu đầu vào để sản xuất bánh xe là thép hoặc nhôm, cao su tự nhiên hoặc nhân tạo và các loại phụ gia hóa chất cần thiết, là những nguyên liệu đầu vào mà KKTCK có thể mua từ trong nước và ngoài nước với số lượng lớn và ổn định (Có thể mua cao su từ các tỉnh miền Đông Nam Bộ như Đồng Nai, Bình Phước hay Tây Nguyên (Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng)). Thép có thể nhập từ Trung Quốc ở mức giá hợp lý. Các loại phụ gia hóa chất cần thiết có thể tìm nguồn từ Singapore hoặc Trung Quốc.

- Để nhập khẩu vật liệu ở mức giá cạnh tranh thì cần hoàn thiện KCN Cảng biển Hải Hà càng sớm càng tốt.

- Mất khoảng 2-5 năm để xây dựng một nhà máy sản xuất bánh xe, lốp xe hoặc phanh xe lớn tại Đông Nam Á (bao gồm thời gian xin giấy phép cần thiết).

(2). Mục tiêu phát triển:

Năm 2020, ngành này đóng góp khoảng 70 triệu USD vào GDP.

3.3. Các ngành công nghiệp khác cần quan tâm – tầm nhìn đến năm 2030

3.3.1. Định hướng phát triển ngành đồ gỗ nội thất

(1) Quan điểm phát triển

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, ngành đồ gỗ nội thất chưa được xem là một ngành chiến lược tại KKTCK Móng Cái, do biến động lớn của thị trường đồ gỗ nội thất, và do thiếu hụt lực lượng lao động trong ngành này tại KKTCK Móng Cái và Quảng Ninh và do hạn chế khai thác gỗ để tái trồng rừng.

Trong giai đoạn đến năm 2030, nên cân nhắc bổ sung ngành đồ gỗ nội thất là một ngành chiến lược tại KKTCK Móng Cái do trình độ kỹ năng trong những năm tới được nâng cao và/hoặc các nhà đầu tư xây dựng các công ty nội thất tại KKTCK Móng Cái.

(2) Mục tiêu phát triển

- Phát triển ngành công nghiệp đồ gỗ nội thất cao cấp ván ép và đồ gỗ tự nhiên tại KKTCK Móng Cái có nhiều triển vọng phát triển, do người Trung Quốc cũng như Hàn Quốc, Nhật Bản và Singapore đặc biệt ưa thích các sản phẩm này.

- Đến năm 2030, ngành chế biến gỗ và đồ nội thất tại KKTCK Móng Cái có thể đóng góp lên tới 30 triệu USD vào GDP.

3.3.2. Ngành công nghệ cao (thiết bị thông tin liên lạc, bán dẫn và màn hình LCD)

Đến năm 2030, một số sản phẩm công nghiệp công nghệ cao có thể được sản xuất ở KKTCK Móng Cái như: Sản xuất thiết bị thông tin liên lạc (như ti vi, máy tính bảng) và sản xuất thiết bị bán dẫn, bản mạch và màn hình tinh thể lỏng (LCD) có thể tạo ra thêm khoảng 38 triệu USD, với một số lý do sau đây:

- Theo phân tích cơ hội toàn cầu, đến năm 2030 tiềm năng GDP của ngành sản xuất thiết bị thông tin liên lạc (như ti vi, máy tính bảng) và sản xuất thiết bị bán dẫn, bản mạch và màn hình tinh thể lỏng (LCD) có thể tạo ra thêm khoảng 38 triệu USD. Mặc dù những con số này có thể thấp hơn nhiều trong ước tính từ dưới lên dựa trên điều kiện riêng của KKT, và ngành công nghệ cao thường không phải là động lực tăng trưởng GDP chính tại các quốc gia có GDP bình quân đầu người 10.000 USD song không thể bỏ qua những cơ hội này. Công nghệ cao cũng có thể bổ sung vào cụm ngành sản xuất linh kiện ô tô phụ trợ sẽ được xây dựng tại KKTCK Móng Cái vào năm 2020.

- Với tầm nhìn đến năm 2030, KKTCK có thể sản xuất thiết bị dẫn đường ô tô hoặc radio trên ô tô. KKTCK Móng Cái có thể khai thác mối quan hệ với các doanh nghiệp sản xuất linh kiện ô tô phụ trợ trong các phân ngành đề xuất (bán xe, lắp xe, phanh) để thu hút các nhà đầu tư vào ngành sản xuất

ô tô công nghệ cao. Đồng thời, ngành bán lẻ ô tô sôi động cũng đã phát triển tại KKTCK Móng Cái.

3.4. Các giải pháp phát triển các ngành công nghiệp

(1) *Ý tưởng:* Thành lập Ban Xúc tiến đầu tư (IPA) của KKTCK Móng Cái, nằm trong Đơn vị triển khai của KKTCK và xây dựng Chiến lược xúc tiến đầu tư mang tính dài hạn, trong đó xác định rõ những ngành nghề cần đẩy mạnh xúc tiến đầu tư để có những bước đi mang tính cụ thể, đặc biệt là để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ các nước ASEAN cũng như các quốc gia khác trên thế giới.

Hiện có hai cơ quan thuộc chính quyền tỉnh Quảng Ninh chịu trách nhiệm thu hút đầu tư: Ban Xúc tiến và Hỗ trợ Đầu tư tỉnh Quảng Ninh (IPA) chủ yếu chịu trách nhiệm về các hoạt động quảng bá, Trung tâm dịch vụ hỗ trợ đầu tư thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Ninh thực hiện phát triển kinh doanh và các công việc hành chính, ví dụ: hỗ trợ nhà đầu tư tìm kiếm đất đai phù hợp để mở công ty, đồng thời hỗ trợ nhà đầu tư trong quy trình xin giấy phép làm việc và giấy phép xây dựng.

3.5. Các chương trình, dự án đầu tư ưu tiên

Trong số tất cả các ngành sản xuất công nghiệp, trước hết cần lựa chọn những ngành có tác động lớn nhất đến tăng trưởng GDP, nhưng lại yêu cầu đầu tư ít nhất, đó là những ngành sau:

(1). Ngành linh kiện ô tô phụ trợ sẽ là ngành trọng tâm cần lựa chọn, do cần khoản đầu tư tư nhân ban đầu khoảng 123 triệu USD, đồng thời tạo ra khoảng 70 triệu USD /năm. Để đạt được tác động như vậy, chỉ cần đến 4 công ty linh kiện ô tô phụ trợ nhỏ xây dựng cơ sở tại KKTCK Móng Cái, đầu tư 35 triệu USD /công ty. Gần đây, đã có công ty sản xuất linh kiện ô tô phụ trợ Nhật Bản, Yazaki đầu tư vào tỉnh Quảng Ninh.

(2) Ngành thực phẩm và đồ uống cần thu hút các nhà đầu tư với số vốn đầu tư ban đầu gần 292 triệu USD, và dự kiến sẽ tạo ra khoảng 54 triệu USD vào năm 2020. Để đạt được tác động như vậy, chỉ cần 3 công ty xây dựng cơ sở tại KKTCK Móng Cái với quy mô đầu tư 86 triệu USD/công ty. Một ví dụ gần đây là khoản đầu tư của công ty đồ uống Baosteel tại tỉnh Bình Dương.

(3) Để xây dựng một cụm công nghiệp dệt may cần các nhà đầu tư với vốn đầu tư ban đầu gần 671 triệu USD và dự kiến tạo ra giá trị gia tăng khoảng 114 triệu USD/năm. Để đạt được tác động như vậy, chỉ cần 2 công ty dệt may xây dựng nhà máy tại KKTCK Móng Cái với quy mô đầu tư tương tự khoản đầu tư 300 triệu USD gần đây của Texhong tại KCN Hải Yên.

4. Định hướng phát triển khu vực nông nghiệp

4.1. Quan điểm phát triển nông nghiệp

- Nông nghiệp góp phần ổn định xã hội, giải quyết việc làm cho những

lao động chưa thể chuyển đổi sang các ngành phi nông nghiệp.

- Phát triển nông nghiệp bền vững trên cơ sở phát triển nông nghiệp công nghệ cao và đổi mới mô hình sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang mô hình sản xuất tập trung đảm bảo tăng cường năng lực cạnh tranh, phù hợp với Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh.

- Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới trên cơ sở phát triển sản xuất nông-lâm-thủy sản hàng hóa, tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái.

- Sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường với sự quản lý của nhà nước trên cơ sở hình thành mô hình liên kết từ khâu sản xuất-chế biến-phân phối-tiêu thụ. Đồng thời xây dựng chuỗi liên kết cung ứng thực phẩm an toàn giữa Việt Nam - Trung Quốc qua KKTCK Móng Cái;

- Về lâm nghiệp, bảo vệ nghiêm ngặt, không chuyển đổi mục đích sử dụng diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ hiện có.

4.2. Mục tiêu phát triển

- Mục tiêu là khai thác tiềm năng sẵn có của KKTCK Móng Cái, trên cơ sở xác định các sản phẩm nông nghiệp có thế mạnh để xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.

- Xác định các vùng sản xuất tập trung: vùng trồng lúa, vùng sản xuất rau an toàn, vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung, vùng nuôi ong mật, vùng nuôi trồng thủy sản, vùng nguyên liệu gỗ, góp phần tăng nhanh sản phẩm nông nghiệp hàng hóa;

- Phân đầu đến năm 2020 tăng trưởng ngành trồng trọt khoảng 6-8%/năm. Kết hợp giữa phát triển kinh tế rừng với mục tiêu giảm nghèo bền vững, du lịch sinh thái.

- Đảm bảo phát triển nông nghiệp bền vững trên cơ sở nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ đất nông nghiệp, góp phần thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

4.3. Nhiệm vụ và giải pháp

- Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, có hiệu quả kinh tế cao trên cơ sở hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp an toàn tập trung theo hướng VietGAP.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi. Chăn nuôi lợn Móng Cái đã có thương hiệu, lợn rừng lai theo quy mô trang trại hộ gia đình tại các xã vùng rừng núi; chăn nuôi gia cầm ở nông thôn theo mô hình trang trại và hộ gia đình.

- Hình thành 2 vùng sản xuất lâm nghiệp: (1) Vùng sản xuất tập trung, cây nguyên liệu gỗ cho chế biến và vùng cây lâm nghiệp đặc sản kết hợp cây

dược liệu (thông, cây dược liệu khác, mà quy hoạch này đề xuất là trồng cây dó bầu cho trầm hương, cây sinh địa, cây mã kích). (2) Trồng cây phân tán, do nhân dân tự trồng ở đất tận dụng.

- Nuôi trồng thủy sản thâm canh gắn với chế biến những loại thủy sản có sản lượng đủ lớn.

- Hình thành liên kết từ khâu sản xuất-chế biến-phân phối-tiêu thụ.

- Từng bước hình thành các khu nông nghiệp công nghệ cao. Xây dựng các cơ sở cung cấp giống cây trồng, vật nuôi, chuyển giao công nghệ cho nông dân.

- Để góp phần giải quyết các nhiệm vụ nêu trên, trong các năm tới cần (i) đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và (ii) tập trung tổ chức lại sản xuất, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả để tạo sức cạnh tranh cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

4.4. Các sản phẩm nông nghiệp chính

Các sản phẩm nông nghiệp chính có giá trị kinh tế cao, phân theo tiểu vùng địa hình:

(1) *Vùng đồi núi trung bình và thấp*: chủ yếu rừng sản xuất kinh doanh (keo, thông, cây dược liệu khác: cây dó bầu, cây sinh địa, cây mã kích), cây ăn quả, đồi cỏ chăn thả gia súc.

(2) *Vùng đất bằng thấp*: Cây lúa, rau, màu, mía, chăn nuôi gia súc, gia cầm.

(3) *Vùng bãi triều ven biển*: Nuôi tôm, cá, ghẹ Trà Cỏ, nhuyễn thể.

4.5. Phân bố sản xuất theo hướng tập trung

KKTCK Móng Cái có thể xây dựng các vùng sản xuất tập trung như: vùng sản xuất cây lương thực tập trung, chủ yếu là lúa; vùng cây công nghiệp tập trung, chủ yếu là mía, chè; vùng cây lâm nghiệp tập trung; vùng chăn nuôi tập trung; vùng nuôi trồng hải sản tập trung; vùng nuôi ong tập trung. Sau khi phân tích đánh giá thực trạng và lợi thế cạnh, đề án này chọn ra năm sản phẩm chủ lực có lợi thế và tiềm năng phát triển thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung là:

(1). *Vùng trồng chè tập trung* có diện tích 270-275 ha. Để phát triển thành vùng chè có quy mô lớn nhằm tăng khả năng cạnh tranh, thì vùng chè của KKTCK Móng Cái là một bộ phận cấu thành của vùng chè tập trung huyện Hải Hà (Các xã vùng chè không nằm trong KKTCK Móng Cái như xã: Quảng Long, Quảng Thịnh, Quảng Đức, Quảng Sơn ...). Đồng thời cần liên kết với KKTCK Bắc Phong Sinh, bởi vì theo định hướng phát triển, thì chế biến chè là một trong các sản phẩm chế biến nông sản có quy mô khá lớn của KKTCK này.

(2). Vùng chăn nuôi lợn tập trung: Trong chăn nuôi tập trung phát triển đàn lợn thịt và lợn giống Móng Cái, tiến tới đăng ký, xây dựng thương hiệu. Dự kiến Khu chăn nuôi tổng hợp Hải Hà có 10 xã, trong đó có 5 xã thuộc KKTCK Móng Cái với quy mô 460 nghìn con, phù hợp với quy hoạch của Tỉnh đã được phê duyệt.

Ngoài ra, KKTCK Móng Cái sẽ phát triển chăn nuôi lợn tập trung trong các trang trại nhỏ ở các xã thuộc thành phố Móng Cái. Đến năm 2020, bố trí các trang trại, với tổng diện tích khoảng 75 ha. Đến năm 2030, bố trí riêng thành phố Móng Cái khoảng 210 ha.

(3). Vùng chăn nuôi bò sữa, bò thịt tập trung: Dự kiến bố trí nuôi bò sữa ở xã Hải Tiến, xã Quảng Nghĩa, vùng chăn nuôi bò cái sinh sản tập trung bố trí ở các xã: Quảng Phong, Quảng Thành. Đến năm 2020 có: 39 ha nuôi bò sữa. Sản lượng sữa đạt 7.200 tấn. Vùng chăn nuôi bò thịt và bò cái sinh sản tập trung bố trí ở xã Quảng Phong và Quảng Thành (đồng thời, kết hợp với các xã Quảng Sơn, Quảng Chính trong huyện Hải Hà tạo thành vùng chăn nuôi bò thịt tập trung).

(4). Vùng trồng rừng tập trung gắn kết với du lịch sinh thái: Gắn kết trồng rừng với du lịch sinh thái và bố trí vùng trồng rừng tập trung. Rừng nguyên liệu tập trung ở các xã vùng núi, cây trồng chủ yếu cây thông. Dự kiến năm 2020 có 10.297 ha, năm 2030 có 11.597 ha.

(5). Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung: Nuôi trồng thủy sản là một thế mạnh của KKTCK Móng Cái. Vật nuôi chủ yếu là tôm, ghẹ, tuy vậy, vật nuôi cụ thể còn phụ thuộc vào thị trường của từng thời kỳ. Dự kiến, đến năm 2020 có khoảng 550 ha nuôi hải sản tập trung, quy mô mỗi tiểu vùng khoảng 20 ha, sản lượng khoảng 1.900 tấn. Đến năm 2030, có khoảng 1.680 ha nuôi hải sản tập trung, sản lượng ước tính khoảng 7.000 tấn. Sản phẩm nuôi trồng thủy sản tập trung ở KKTCK Móng Cái liên kết với các nhà máy chế biến nông sản trong KCN Hải Yên và liên kết với nhà máy chế biến nông sản KCN Đầm Hà.

4.6. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

STT	Tên dự án	Nguồn vốn	Giai đoạn
1	- Dự án đột phá ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao vào chăn nuôi, trồng trọt	Nguồn vốn tư nhân	2016-2030
2	- Dự án ưu tiên đầu tư xây dựng vùng nuôi trồng thủy sản theo hướng công nghiệp ở các xã là vùng chuyên môn hóa	Nguồn vốn tư nhân	2016-2030
3	- Dự án ưu tiên đầu tư trồng rau, chè hàng hóa an toàn ở các xã, phường là vùng sản xuất tập trung.	Nguồn vốn tư nhân	2016-2030

4	- Dự án đột phá: Ưu tiên đầu tư phát triển các khu chăn nuôi lợn tập trung theo hướng công nghiệp gắn với vùng an toàn dịch bệnh và đảm bảo môi trường sinh thái, gồm lợn thịt, lợn nái Móng Cái	Nguồn vốn tư nhân và hỗ trợ của ngân sách	2016-2030
5	- Dự án ưu tiên phát triển vùng nguyên liệu cho chế biến lâm sản theo hướng hiện đại, trang trại, kết hợp trồng rừng với trồng cây dược liệu và du lịch sinh thái	Nguồn vốn tư nhân	2016-2030
6	- Dự án ưu tiên đầu tư xây dựng vùng nuôi trồng ong lấy mật tập trung ở các xã là vùng chuyên môn hóa	Nguồn vốn tư nhân	2016-2030
7	- Dự án đầu tư xây dựng cơ sở chế biến gỗ ở các xã: Bắc Sơn, Hải Sơn, Quảng Nghĩa	Nguồn vốn tư nhân	2016-2020
8	- Dự án quy hoạch chi tiết áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung ở các xã là vùng tập trung	Nguồn vốn tư nhân	2016-2030
9	- Dự án nghiên cứu cơ chế chính sách hình thành mối liên kết từ khâu sản xuất-chế biến-phân phối-tiêu thụ	Hỗ trợ từ ngân sách và Nguồn vốn tư nhân	2016-2030

4.7. Chương trình hành động ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp

a) Các hành động chung

Giải pháp	Thành phần	Thời hạn
1. Thành lập trung tâm giống xã Quảng Minh	Ban quản lý KKTCK xúc tiến đầu tư thu hút doanh nghiệp tư nhân vào đầu tư theo Luật Doanh nghiệp	1 năm
2. Xây dựng cơ chế chính sách hình thành mối liên kết: sản xuất-chế biến-phân phối-tiêu thụ.	Lãnh đạo các xã có dự án và Phòng Kinh tế, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Đô thị làm thành viên.	1 năm
3. Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng vùng sản xuất tập trung của KKTCK Móng Cái	Lãnh đạo các xã có dự án và Phòng Kinh tế, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Đô thị làm thành viên.	1 năm
4. Tạo mặt bằng xây dựng, lập đề án chi tiết, kiến nghị các chủ trương chính sách lên cấp trên	Lãnh đạo các xã có dự án và Phòng Kinh tế, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Đô thị làm thành viên.	1 năm

b) Chăn nuôi hiện đại, tập trung

Giải pháp	Thời gian triển khai
1. Thành lập trung tâm giống xã Quảng Minh	1 năm

2. Kế hoạch hành động phát triển lợn Móng Cái	
2.1. Xây dựng thương hiệu lợn Móng Cái cho KKTCK	1 năm
2.2. Chỉ đạo lập dự án chi tiết đầu tư các khu nuôi lợn thịt, lợn nái Móng Cái tập trung	1 năm
2.3. Về công tác giống	5 năm
2.4. Sản xuất thức ăn gia súc	1 năm
3. Xúc tiến đầu tư nuôi bò sữa tập trung	
Israel nuôi bò sữa	1 năm
Xúc tiến nuôi bò sữa VinaMilk, TH Nghệ An	1 năm
Cty TNHH chăn nuôi Đại Tiến-Quảng Tây-Trung Quốc	1 năm
Cty XNK Quảng Ninh xin đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi bò sữa	1 năm

c) Thủy sản

Giải pháp	Thời gian triển khai
1. Nuôi trồng thủy sản quy mô công nghiệp ở các xã ven biển và đảo Cái Chiên	5 năm
2. Chỉ đạo lập dự án chi tiết áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung ở các xã có vùng nuôi trồng thủy sản tập trung	6 tháng
3. Chỉ đạo lập dự án chi tiết vùng nuôi ong lấy mật tập trung ở các xã: Bắc Sơn, Hải Sơn, Quảng Nghĩa	7 tháng
4. Xúc tiến đầu tư nuôi thủy sản công nghệ cao Israel	1 năm

d) Lâm nghiệp

Giải pháp	Thời gian triển khai
1. Chỉ đạo lập dự án chi tiết đầu tư phát triển nguyên liệu gỗ, xây dựng cơ sở chế biến gỗ ở các xã: Bắc Sơn, Hải Sơn, Quảng Nghĩa	1 năm
2. Trồng rừng nguyên liệu	5 năm
3. Trồng dược liệu dưới tán rừng	5 năm
4. Xúc tiến đầu tư trồng rừng sản xuất: Các nhà đầu tư trong nước	1 năm

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI**1. Định hướng phát triển nguồn nhân lực****1.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển**

a). Phát triển nguồn nhân lực là một yếu tố quan trọng trong phát triển kinh tế. Để đạt được các mục tiêu tăng trưởng, KKTCK Móng Cái cần có đủ lao động cả về lượng và chất, trên cơ sở xây dựng một thị trường lao động hiệu quả và minh bạch về nhu cầu lao động và đáp ứng nhu cầu về lao động đã qua đào tạo.

b). Đến năm 2020, việc làm mới của các ngành tăng thêm khoảng 37,6

nghìn, đưa tổng số nhu cầu lao động lên gần 100 nghìn. Trong đó, tỷ lệ lao động trình độ thấp còn 52%; lao động có trình độ trung bình 38% và từ 7% lên 10% đối với lao động có trình độ, tay nghề cao. Tương ứng với 16.800 lao động có trình độ trung bình và 4.000 có tay nghề cao trong các ngành kinh tế.

1.2. Nhiệm vụ và giải pháp

Nhiệm vụ chính của KKTCK Móng Cái trong thời gian tới là bù đắp thiếu hụt về lao động cần thiết để đạt được các mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Sau khi tính toán số lượng lao động mới từ tăng trưởng dân số tự nhiên, số lượng lao động thiếu hụt cần bù đắp là 26.300 lao động. Đa số thiếu hụt này (trên 17.000 lao động) là ở Móng Cái và gần 9.000 lao động¹⁰ ở Hải Hà chủ yếu cho các nhà máy dệt may và linh kiện ô tô phụ trợ.

(1). *Dịch chuyển lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp*: Đến năm 2020, các ngành nông lâm ngư nghiệp sẽ giảm bớt 9.200 lao động. Các lao động này sẽ được đào tạo lại/nâng cao tay nghề và chuyển sang các ngành khác. Mặc dù công tác đào tạo sẽ cần sự hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước và doanh nghiệp tư nhân trực tiếp thuê lao động, dòng dịch chuyển lao động về bản chất sẽ sang các công việc trả lương cao hơn.

(2). *Tăng năng suất lao động*: Là khu kinh tế đi đầu, tính bình quân, KKTCK Móng Cái có thể đạt năng suất cao hơn năng suất tỉnh 15% dựa trên so sánh số liệu của các địa phương đạt hiệu quả cao hơn tại Việt Nam (như Hải Phòng, Ninh Bình, Hà Nam và Bắc Ninh). Do năng suất tăng, các ngành khác sẽ giảm bớt 7.000 lao động.

(3). *Tăng tỉ lệ nữ giới tham gia lao động*: Sẽ có thêm 2.900 nữ giới tham gia vào lực lượng lao động do tỉ lệ nữ giới tham gia vào lao động tăng thêm 5% (để đạt mức bình quân toàn quốc).

(4). *Lao động từ các địa phương khác*: Sau khi đã triển khai triệt để tất cả các biện pháp nội bộ, vẫn cần phải thu hút thêm 7.100 lao động từ các tỉnh thành khác vào KKTCK Móng Cái.

(5). *Nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý Nhà nước*: Chú trọng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ hoạt động trong khu vực Nhà nước. Điều này đặc biệt quan trọng cho nhân lực trong bộ máy quản lý Nhà nước để đáp ứng được những nhu cầu và thách thức mới trong những năm sắp tới. Việc đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực tư sẽ được chia sẻ phần lớn với các doanh nghiệp và nhà đầu tư trên địa bàn, nhất là một khi có cơ hội làm việc tốt thì sẽ dễ dàng thu hút nhân lực chất lượng cao hơn. Trước mắt, phương án tối ưu hơn để đảm bảo đủ nguồn nhân lực có tay nghề trong các ngành yêu cầu cao hơn như tài chính, ngân hàng, thương mại điện tử, v.v. sẽ là thu hút từ các nơi khác đến như phương án (4) nêu trên.

¹⁰Tính toán dựa trên tăng trưởng trong quá khứ, tỷ trọng GDP giữa Hải Hà và Móng Cái và dự báo GDP trong các ngành dệt may và linh kiện ô tô

1.3. Các dự án phát triển ưu tiên

STT	Dự án ưu tiên	Nguồn vốn	Thời gian triển khai
1	Thu hút nhân lực từ nơi khác tới làm việc tại KKTCK Móng Cái	Ngân sách nhà nước	2015 – 2020
2	Chuyển dịch lao động từ khu vực nông lâm ngư nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ	Ngân sách nhà nước	2015 – 2020
3	Đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu xã hội góp phần tăng năng suất lao động	Ngân sách nhà nước và nguồn vốn tư nhân	2015 – 2020
4	Tăng tỷ lệ lao động nữ trong lực lượng lao động	Ngân sách nhà nước	2015 – 2020
5	Nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý Nhà nước	Ngân sách nhà nước	2015 – 2020

1.4. Chương trình hành động phát triển nguồn nhân lực**1. Thu hút nhân lực từ nơi khác tới làm việc tại KKTCK**

STT	Hoạt động	Thời gian triển khai
1.1	Tổ chức các sự kiện tìm kiếm việc làm như hội chợ việc làm, lễ tốt nghiệp và hội thảo	Thường xuyên
1.2	Thu xếp đề các quan chức quan trọng hay nhân sự từ khu vực tư nhân tới nói chuyện tại các sự kiện liên quan để quảng bá KKTCK Móng Cái	Thường xuyên
1.3	Thu hút các tổ chức hỗ trợ tìm kiếm và tuyển dụng lao động	Thường xuyên
1.4	Tiếp cận gián tiếp thông qua quảng cáo và trang web riêng về lao động	Thường xuyên
1.5	Ban hành các chính sách và hướng dẫn cần thiết để xây dựng một môi trường sống và làm việc hấp dẫn: trợ giá mua nhà, ưu đãi lương thưởng, giảm thuế, bảo hiểm y tế và xã hội	Thường xuyên

2. Chuyển dịch lao động từ khu vực nông lâm ngư nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ

STT	Hoạt động	Thời gian triển khai
2.1	Hỗ trợ nông dân nắm bắt kiến thức sơ bộ khi làm việc và sống ở đô thị, bao gồm cung cấp các tài liệu và chứng nhận cần thiết và đào tạo cơ bản như về sơ cấp cứu, cách thức hoạt động của thị trường lao động, cách tìm kiếm công việc phù hợp, v. v.	Thường xuyên
2.2	Xây dựng hệ thống trợ cấp và trợ cấp cho người lao động trong giai đoạn chuyển tiếp	Thường xuyên
2.3	Nâng cao nhận thức của lao động về quyền và nghĩa vụ, kiến	Thường

STT	Hoạt động	Thời gian triển khai
	thức về chính sách và quy định liên quan	xuyên
2.4	Giới thiệu các chương trình đào tạo lại trong các ngành mục tiêu. Tham khảo chương trình hành động về giáo dục dạy nghề trong phần Giáo dục	Thường xuyên

3. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu xã hội góp phần gia tăng năng suất lao động - tham khảo chương trình hành động cho các cơ sở đào tạo nghề trong phần Giáo dục.

4. Tăng tỷ lệ lao động nữ trong lực lượng lao động

STT	Hoạt động	Thời gian triển khai
4.1	Xây dựng các cơ sở chăm sóc trẻ em và người già	Thường xuyên
4.2	Làm việc với các doanh nghiệp để đưa ra các giải pháp bố trí công việc linh hoạt như làm việc bán thời gian	Thường xuyên
4.3	Làm việc với các doanh nghiệp để xây dựng cơ chế nghỉ sinh hấp dẫn	Thường xuyên

5. Nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý Nhà nước

STT	Hoạt động	Thời gian triển khai
5.1	Tự chỉ định một tổ chuyên trách thiết kế các khóa học nội bộ và tổ chức đào tạo nội bộ cho các cán bộ công chức trên địa bàn	Thường xuyên
5.2	Tiếp cận tới các chương trình và tổ chức đào tạo để xây dựng quan hệ hợp tác	Thường xuyên
5.3	Lựa chọn các cán bộ phù hợp và gửi đi đào tạo tại các chương trình đào tạo hỗ trợ riêng cho khu vực công	Thường xuyên
5.4	Tăng cường quảng bá thông tin tuyển dụng công chức Nhà nước tới các ứng viên của khu vực tư	Thường xuyên

2. Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo

2.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển

Phát triển hệ thống giáo dục có ý nghĩa then chốt đối với phát triển kinh tế và cũng là ưu tiên chính của KKTCK Móng Cái do thiếu hụt lực lượng lao động đã qua đào tạo.

Giáo dục mầm non: Duy trì chuẩn giáo dục mẫu giáo chung cho trẻ 5 tuổi từ năm 2013. Đến năm 2020, ít nhất 40% trẻ trong độ tuổi đi học nhà trẻ và 90% trẻ trong độ tuổi đi học mẫu giáo được quan tâm và dạy dỗ tại các cơ sở mầm non. Để đạt được mục tiêu trên, đến năm 2020 cần xây thêm 3 cơ sở mẫu giáo mới tại KKTCK Móng Cái.

Giáo dục tiểu học và THCS: Duy trì cơ sở hạ tầng giáo dục vững mạnh. Đảm bảo tất cả các xã phường có đủ trường tiểu học và THCS đạt chuẩn quốc gia; Tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp tiểu học và THCS đạt 99% và 95%; 30% học sinh tốt nghiệp THCS đi học nghề. Phấn đấu đến năm 2020 mở thêm 4 trường tiểu học và 4 trường THCS (theo Quy hoạch ngành Giáo dục của Tỉnh Quảng Ninh).

Giáo dục THPT: Mở rộng giáo dục THPT tại các xã miền núi hải đảo để đảm bảo công bằng trong giáo dục; Tăng cơ chế khuyến khích học sinh hoàn thành việc học và giảm tỷ lệ bỏ học xuống mức thấp hơn hoặc bằng mức bình quân cả nước.

Đào tạo nghề và giáo dục đại học, cao đẳng: Xây dựng hệ thống đào tạo nghề vững mạnh, hỗ trợ đủ cho nhu cầu lao động đã qua đào tạo trong các ngành mục tiêu, trọng điểm. Đến năm 2020, phát triển hệ thống đào tạo nghề gắn với nhu cầu của các doanh nghiệp trên địa bàn cũng như nhu cầu lao động có tay nghề trong những ngành, lĩnh vực then chốt, chủ đạo, tạo ra giá trị gia tăng cao cho KKTCK Móng Cái.

2.2. Nhiệm vụ và giải pháp

a). *Nhiệm vụ chủ yếu:* Trong giai đoạn 2014-2020, KKTCK Móng Cái có 3 nhiệm vụ chủ yếu để củng cố hệ thống giáo dục và đào tạo tại KKT: (1) Củng cố giáo dục THPT và dạy nghề tại các xã miền núi hải đảo; (2) Phát triển quy mô đào tạo đại học, cao đẳng và trung cấp, đặc biệt là đào tạo nghề nhằm đáp ứng nhu cầu của các ngành kinh tế; (3) Thu hút học sinh đi học THPT và các bậc học cao hơn.

b). Giải pháp

- Đảm bảo chất lượng giáo dục thống nhất trên địa bàn KKTCK Móng Cái. Chủ động tuyên truyền và quảng bá. Vận dụng sáng tạo, linh hoạt, hiệu quả chính sách hỗ trợ của Trung ương và của Tỉnh cho đối tượng là học sinh vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc.

- Thành lập mới các cơ sở dạy nghề tại KKTCK Móng Cái để hỗ trợ nhu cầu lao động của các ngành nghề. Bên cạnh đó, đến năm 2030, KKTCK Móng Cái có thể cân nhắc mở một trường đại học hoặc một phân viện hợp tác với các trường đại học hàng đầu.

- Khuyến khích học sinh học lên đại học, cao đẳng, trung cấp và dạy nghề; Cung cấp cho học sinh những thông tin cần thiết về định hướng cơ hội nghề nghiệp cũng như lợi ích của giáo dục, và tích cực phổ biến thông tin.

- Thay đổi nhận thức của xã hội về dạy nghề và làm việc trong nhà máy. Hỗ trợ những người gặp khó khăn về tài chính tiếp cận giáo dục với chi phí hợp lý hơn.

2.3. Các dự án ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục

STT	Dự án ưu tiên	Nguồn vốn	Thời gian triển khai
1	Mở rộng giáo dục dạy nghề kết hợp bổ túc văn hóa lưu động đến các vùng miền núi hải đảo	Ngân sách nhà nước + ODA	2015
2	Thành lập mới các cơ sở dạy nghề hợp tác công-tư để hỗ trợ các ngành mục tiêu	Ngân sách nhà nước + ODA + nguồn vốn tư nhân	2015-2020
3	Xây dựng bộ phận Thu hút học sinh có trách nhiệm cung cấp cơ sở dữ liệu về giáo dục và cơ hội việc làm, tổ chức các chiến dịch thu hút học sinh	Ngân sách nhà nước + ODA	2015-2016

2.4. Chương trình hành động phát triển giáo dục và đào tạo

1. Mở rộng giáo dục bổ túc văn hóa kết hợp học nghề tại các xã miền núi hải đảo

STT	Công việc	Thời gian triển khai
1.1	Xây dựng kế hoạch mở rộng	1 tháng
1.2	Chuẩn bị cơ sở hạ tầng giảng dạy	2 tuần
1.3	Phân bổ nguồn nhân lực	1 tuần
1.4	Thu hút học sinh	1 tháng

2. Xây dựng hệ thống đào tạo nghề

STT	Công việc	Thời gian triển khai
2.1	Tổ chức thảo luận bước đầu với doanh nghiệp để hiểu rõ nhu cầu đào tạo	1 tháng
2.2	Xây dựng mô hình hợp tác đào tạo	2 tháng
2.3	Xây dựng, chỉnh sửa bộ tiêu chuẩn kiến thức và chương trình đào tạo	3 tháng
2.4	Phát triển đội ngũ giáo viên	1 tháng
2.5	Lên kế hoạch cơ sở hạ tầng đào tạo	2 tháng

3. Thu hút học sinh học lên đại học, cao đẳng, trung cấp và dạy nghề

STT	Công việc	Thời gian triển khai
3.1	Thành lập bộ phận Thu hút học sinh và thống nhất phạm	2 tuần

	vi nhiệm vụ	
3.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về cơ hội nghề nghiệp và lựa chọn đào tạo	2 tháng
3.3	Tuyên truyền, phổ biến thông tin đến đối tượng học sinh	1 tháng

3. Định hướng phát triển y tế

3.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển

Phát triển đầy đủ đội ngũ y tế và hệ thống y tế toàn diện nhằm đảm bảo cung cấp hiệu quả dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe cho dân số ngày càng tăng tại KKTCK Móng Cái.

Các mục tiêu chính của ngành y tế KKTCK Móng Cái được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng Mục tiêu y tế

Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	Mục tiêu năm 2015	Mục tiêu năm 2020
Chỉ tiêu đầu vào				
Số bác sỹ	Bác sỹ/vạn dân	5,4	6,4	7,2
Tỷ lệ các xã có bác sỹ	%	76,5	100	100
Số giường bệnh	Giường bệnh/vạn dân	21,3	26,2	27,2
Chỉ tiêu hoạt động				
Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm phòng đầy đủ	%	68,57	98	98
Tỷ lệ xã phải đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế	%	52,9	100	100
Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100	100	100
Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	46	> 85	> 95
Chỉ tiêu đầu ra				
Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi	Phân nghìn	2,95	2,5	1,7
Tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi	Phân nghìn	0,97	0,7	0,4
Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi	%	8,5	8,4	8

Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS	%	0,32	<0,29	<0,29
----------------------	---	------	-------	-------

3.2. Nhiệm vụ và giải pháp

a). Nhiệm vụ chủ yếu: Để đạt mục tiêu này, có 3 nhiệm vụ chủ yếu đối với ngành y tế KKTCK Móng Cái: (1) Thu hút đội ngũ bác sỹ thông qua cải thiện chương trình thu hút bác sỹ. (2) Tái cơ cấu lực lượng cán bộ trong ngành y; (3) Nâng cao dịch vụ chăm sóc sức khỏe tới vùng sâu vùng xa và mở rộng công suất cho hạ tầng y tế.

b). Giải pháp: Đẩy mạnh chương trình thu hút bác sỹ. Cơ cấu lại đội ngũ y tế; Nâng cao dịch vụ chăm sóc sức khỏe tới vùng sâu vùng xa; Nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên y tế thôn bản. Tăng tần suất tổ chức các trạm y tế lưu động đến các khu vực miền núi, hải đảo.

3.3. Các dự án ưu tiên đầu tư phát triển y tế

STT	Dự án ưu tiên	Nguồn vốn	Thời gian triển khai
1	Cải thiện chương trình thu hút bác sỹ – chuyển từ trợ cấp tiền mặt sang hỗ trợ mua nhà	Ngân sách nhà nước	2015-2016
2	Xây dựng và đào tạo mạng lưới nhân viên y tế thôn bản	Ngân sách nhà nước	2015-2020
3	Xây dựng các trạm y tế lưu động hàng tháng hỗ trợ cho các xã vùng sâu vùng xa	Ngân sách nhà nước hoặc nguồn vốn tư nhân	2015-2016
4	Mở rộng công suất và nâng cao trang thiết bị/cơ sở hạ tầng của bệnh viện đa khoa khu vực Móng Cái	Ngân sách nhà nước	2015-2020

3.4. Chương trình hành động phát triển y tế**1. Cải thiện chương trình thu hút bác sỹ**

STT	Công việc	Thời gian
1.1	Thay đổi cơ chế thu hút đội ngũ bác sỹ	2 tháng
1.1.1	Tìm hiểu về khả năng hỗ trợ kinh phí cho chương trình thu hút bác sỹ (nguồn tỉnh, thành phố và bệnh viện, ví dụ thông qua hình thức phỏng vấn lãnh đạo bệnh viện và chính quyền)	2 tuần
1.1.2	Lập đề án cho cơ chế khuyến khích mới để thu hút bác sỹ (vd: hỗ trợ mua nhà hoặc xây chung cư)	2 tuần

1.1.3	Lập đề án cho phương pháp hợp lý hóa gia đình cho bác sỹ tuyển về	3 tuần
1.1.4	Kiểm tra tính hấp dẫn của cơ chế khuyến khích mới thông qua phỏng vấn nhóm/ khảo sát với bác sỹ mới ra trường	3 tuần
1.1.5	Điều chỉnh cơ chế khuyến khích dựa vào phản hồi nhận được từ khảo sát nhóm trọng tâm	1 tuần
1.1.6	Trình xin phê duyệt đề án cơ chế khuyến khích mới	1 tuần
1.1.7	Cập nhật thông tin về cơ chế khuyến khích mới trên quảng cáo tuyển dụng	1 tuần
1.2	Cải thiện công tác quảng bá cho chương trình thu hút đội ngũ bác sỹ	2 tháng
1.2.1	Thu thập thông tin về thành tựu của bệnh viện Móng Cái để đưa vào quảng cáo tuyển dụng	1 tuần
1.2.2	Bổ sung thông tin về các thành tựu và cơ hội phát triển tại BV Móng Cái vào quảng cáo tuyển dụng hiện nay	1 tuần
1.2.3	Xác định các trường ĐH/CD ngành y là nguồn tuyển dụng mục tiêu	1 tuần
1.2.4	Xây dựng tài liệu thuyết trình/ quảng bá cho công tác tuyển dụng – trong đó trình bày thông tin giới thiệu về bệnh viện, thành tựu đạt được và cơ hội phát triển cho những sinh viên tốt nghiệp tại bệnh viện Móng Cái, các bác sỹ hiện tại chia sẻ kinh nghiệm khi chuyển tới Móng Cái làm việc, v.v.	1 tuần
1.2.5	Đến các trường y mục tiêu để thuyết trình tuyển dụng	2 tuần
1.2.6	Xác định và thu thập thông tin liên hệ của các sinh viên/ứng viên tiềm năng trong buổi thuyết trình	2 tuần
1.2.7	Tiếp tục liên lạc, theo sát các ứng viên tiềm năng, tổ chức mời họ đến tham quan bệnh viện Móng Cái	1 tuần

2. Tái cơ cấu đội ngũ y tế

STT	Công việc	Thời gian
2.1	Đưa đội ngũ bác sỹ hiện tại từ trạm xá về phòng khám trung tâm và bệnh viện	1 tháng
2.1.1	Thu thập số liệu về lưu lượng bệnh nhân tại mỗi trạm xá	1 tuần

2.1.2	Tổng hợp danh sách trạm xá cần tái phân bổ đội ngũ bác sỹ do lưu lượng bệnh nhân quá thấp	1 tuần
2.1.3	Trình xin Sở Y tế Quảng Ninh phê duyệt	2 tuần
2.1.4	Tổ chức đào tạo liên tục cho các bác sỹ chuyển về trung tâm	2 tuần
2.2	Nâng cấp kỹ năng cho đội ngũ y tá và y sỹ hiện nay tại các trạm xá	3,5 tháng
2.2.1	Cập nhật mô tả công việc của y tá, y sỹ theo cơ cấu lực lượng y bác sỹ mới	2 tuần
2.2.2	Xác định những kỹ năng cần được nâng cao và bổ sung cho đội ngũ y sỹ, y tá tại trạm xá thông qua: - Đối chiếu bản mô tả công việc mới với bản mô tả công việc hiện tại - Khảo sát nhóm trọng tâm / phỏng vấn lực lượng lao động hiện tại về những khía cạnh cần nâng cao kỹ năng	1 tuần
2.2.3	Tổ chức các lớp đào tạo để củng cố những kỹ năng còn yếu kém: - Tìm kiếm cán bộ đào tạo từ đội ngũ bác sỹ có kinh nghiệm hiện nay - Tổ chức công tác hậu cần cho lớp học (ngày giờ, địa điểm, gửi thư mời, v.v)	3 tháng

3. Nâng cao dịch vụ chăm sóc y tế tại các xã vùng sâu vùng xa

STT	Công việc	Thời gian
3.1	Phát triển/ tăng tần suất phòng khám di động ở vùng miền núi hải đảo	3 tháng
3.1.1	Xây dựng đề án tăng tần suất phòng khám di động, bao gồm kinh phí cần có	2 tuần
3.1.2	Nộp xin chính quyền địa phương phê duyệt	2 tuần
3.1.3	Lên kế hoạch tận dụng các phương tiện và trang thiết bị y tế sẵn có	1 tuần
3.1.4	Mua bổ sung trang thiết bị nếu cần	2 tuần
3.1.5	Khuyến khích đội ngũ nhân viên y tế trong khu vực để tham gia chương trình (VD: trợ cấp)	1 tháng
3.1.6	Lập lịch trình hàng quý cho phòng khám di động đến thăm các xã	1 tuần
3.1.7	Quảng bá về các phòng khám lưu động và lịch khám ở các xã trên các phương tiện thông tin đại chúng	1 tháng
3.2	Củng cố năng lực đội ngũ y tá thôn bản	3 tháng

3.2.1	Xác định những kỹ năng, hiểu biết cần bổ sung cho đội ngũ y tá thôn bản	1 tuần
3.2.2	Nộp đề xuất xin cấp kinh phí cho việc đào tạo lại đội ngũ nhân viên y tế cộng đồng	2 tuần
3.2.3	Tổ chức các hoạt động tập huấn tập trung để bồi dưỡng năng lực đội ngũ y tá thôn bản	2 tháng

4. Văn hóa, thông tin và thể dục thể thao

4.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển

*** Quan điểm:** (1) Nâng cao từng bước đời sống văn hóa, thông tin, đồng thời rút ngắn dần sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị với nông thôn, với vùng sâu vùng xa; (2) Đẩy lùi các hủ tục lạc hậu và các mặt tiêu cực khác; sáng tạo ra các sản phẩm văn hóa, thông tin có giá trị cao; phát huy vốn văn hóa truyền thống; (3) Phong trào văn hóa thể thao phát triển bền vững, toàn diện, rộng khắp.

*** Mục tiêu phát triển:**

- Phần đầu đến năm 2020, số người tập luyện TDTT thường xuyên đạt 20% dân số; Số gia đình đạt danh hiệu gia đình thể thao đạt trên 30% tổng số hộ; Số cán bộ, hướng dẫn viên, cộng tác viên TDTT ở xã, thị trấn được bồi dưỡng và đào tạo nghiệp vụ về TDTT đạt 100%.

- 100% xã, phường quy hoạch đất dành cho các khu luyện tập thể thao. Xây dựng sân vận động đạt tiêu chuẩn cho cấp thành phố khi Móng Cái đạt chuẩn đô thị loại II trong tương lai. Phần đầu nâng cao thành tích trong các môn thể thao đối ngoại.

- 100% xã, thôn, làng có nhà văn hóa khang trang đủ diện tích hạng mục theo quy định của tỉnh và đủ thiết bị cho hoạt động, trên 95% gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa, trên 80% thôn, khu đạt chuẩn đơn vị văn hóa. Xây dựng hoàn chỉnh trung tâm văn hóa thành phố đủ tiêu chuẩn cho đô thị cấp tỉnh. Đẩy mạnh công tác bảo tồn, tôn tạo, sưu tầm và phát huy các giá trị di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) trên địa bàn Khu Kinh tế.

4.2. Nhiệm vụ và giải pháp

a). **Nhiệm vụ:** (1) Bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, đồng thời khôi phục và tổ chức tốt các lễ hội truyền thống gắn với các loại hình du lịch. (2) Đầu tư nâng cấp, xây dựng hiện đại hệ thống đài phát thanh và truyền thanh thành phố. Đào tạo, tập huấn cán bộ chuyên trách truyền thanh cấp xã đảm bảo chuyên môn nghiệp vụ trong công tác thông tin và truyền thông.

b). **Giải pháp phát triển:** (1). Hoàn chỉnh quy hoạch phát triển hệ thống các di tích văn hóa lịch sử trên địa bàn khu kinh tế cửa khẩu; (2). Hoàn thành việc trùng tu, tôn tạo, tu bổ các di tích, đặc biệt là các di tích đã được xếp hạng cấp Quốc gia như đình Trà Cổ, chùa Nam Thọ, chùa Xuân Lan ... Duy

trì và phát huy 4 lễ hội đã được phục dựng lại mang giá trị tín ngưỡng đặc sắc trên địa bàn, trong đó có hát Nhà Tơ và hát Cửa Đình; (3). Đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động văn hoá; (4). Xây dựng các thiết chế văn hóa thể thao đồng bộ, hiện đại, các công trình văn hóa quy mô lớn, hiện đại mang tính biểu tượng của KKTCK; (5). Tăng cường quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hoá; (6). Tiếp tục tăng cường, mở rộng giao lưu văn hóa với thành phố Đông Hưng, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc; (7). Tiếp tục đầu tư, nâng cấp trang thiết bị để đến 2020 các cơ sở vật chất trong ngành Thể dục thể thao đảm bảo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân và vận động viên tham gia luyện tập, thi đấu; (8). Duy trì phong trào thể dục thể thao quần chúng sâu rộng, vững chắc. Phát triển nhiều loại hình thể thao, trong đó chú trọng những môn thể thao mà thành phố và tỉnh có thế mạnh; (9). Tập trung đầu tư, xây dựng và phát triển các môn thể thao thành tích cao, trọng điểm, đóng góp nhiều vận động viên có chất lượng cho các đội tuyển thành phố, tỉnh; (10). Huy động các nguồn lực tham gia phát triển thể dục, thể thao; (11). Quy hoạch dành quỹ đất cho xây dựng các cơ sở, các trung tâm thể dục thể thao, tương xứng với vị thế đô thị loại II đến năm 2020; (12). Tập trung xây dựng lực lượng nhân lực đủ trình độ.

4.3. Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

STT	Chương trình/Dự án	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
1.	Chương trình tổng thể đầu tư, tôn tạo, tu bổ các di tích đặc biệt là các di tích đã được xếp hạng cấp Quốc gia trên địa bàn KKTCK Móng Cái (đình Trà Cổ, chùa Nam Thọ, chùa Xuân Lan ...).	Ngân sách nhà nước	2015-2020
2.	Dự án đầu tư đồng bộ các thiết chế văn hóa thông tin cơ sở cho các xã/phường/thị trấn trên địa bàn KKTCK.	Ngân sách nhà nước	2015-2020
3.	Dự án xây dựng Khu Liên hợp thể thao đảm bảo đủ năng lực tổ chức các hoạt động thể dục thể thao đối nội và đối ngoại.	Ngân sách nhà nước	2016-2020
4.	Dự án xây dựng công viên cây xanh phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, ngắm cảnh của nhân dân trên địa bàn KKTCK Móng Cái.	Ngân sách nhà nước	2015-2020
5.	Dự án tăng cường tuyên truyền, quảng cáo để nâng cao nhận thức của nhân dân về vai trò, vị trí của TDTT trong giai đoạn mới, biến thể dục thể thao thành phong trào tự giác rèn luyện.	Ngân sách nhà nước	2015-2020
6.	Dự án đầu tư, nâng cấp trang thiết bị thể dục thể thao cho hệ thống thể thao cơ sở của KKTCK	Ngân sách nhà nước	2015-2020

	Móng Cái.		
--	-----------	--	--

4.4. Chương trình hành động phát triển văn hóa và thể dục thể thao**(1) Về lĩnh vực văn hóa**

STT	Hoạt động	Thời gian triển khai
1.1	Xây dựng quy hoạch phát triển hệ thống các di tích văn hóa lịch sử trên địa bàn	1 năm
1.2	Xây dựng kế hoạch quảng bá nhằm kết hợp với du lịch tạo nên các sản phẩm du lịch đặc thù phục vụ du khách	3 tháng
1.3	Tổ chức các chương trình truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản	Thường xuyên
1.4	Tuyên truyền, vận động, khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, tu bổ, tôn tạo các di tích và kinh doanh các dịch vụ văn hóa lành mạnh	Thường xuyên
1.5	Tổ chức quy hoạch quỹ đất dành cho xây dựng các thiết chế văn hoá	1 năm
1.6	Quảng bá, giới thiệu và thu hút khách người Trung Quốc sang du lịch, tham quan, nghỉ dưỡng tại Móng Cái và Quảng Ninh	Thường xuyên

(2) Về lĩnh vực thể thao

STT	Hoạt động	Thời gian triển khai
1.1	Chiến dịch nâng cao nhận thức của người dân và vận động viên để tham gia luyện tập thường xuyên thể dục thể thao	Thường xuyên
1.2	Xây dựng kế hoạch phát triển các loại hình thể thao, trong đó chú trọng những môn thể thao mà thành phố và tỉnh có thế mạnh	3 tháng
1.3	Huy động xã hội hóa các nguồn lực tham gia phát triển thể dục, thể thao	Thường xuyên
1.4	Xây dựng kế hoạch tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng lực lượng vận động viên có chất lượng cho các đội tuyển thành phố, tỉnh	Thường xuyên
1.5	Xây dựng kế hoạch dài hạn về giao lưu thể thao trong nước và quốc tế	3 tháng
1.6	Tổ chức quy hoạch quỹ đất dành cho xây dựng các thiết chế thể dục, thể thao trên địa bàn	1 năm

5. Định hướng phát triển khoa học công nghệ**5.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển**

a). Đẩy nhanh phát triển, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KH&CN

cho các ngành, lĩnh vực là thế mạnh của KKTCK Móng Cái như nuôi trồng thủy sản, dệt may, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản ...

b). Mục tiêu: Phấn đấu đổi mới công nghệ với tốc độ bình quân từ 10-15%. Khuyến khích các doanh nghiệp lớn thực hiện nghiên cứu và triển khai, hợp tác chuyên gia khoa học - công nghệ, xây dựng đội ngũ nhân lực khoa học - công nghệ đủ về số lượng, có trình độ ngày càng cao nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới.

5.2. Nhiệm vụ và giải pháp

Để đẩy nhanh phát triển KH&CN, cần tăng cường thể chế cả về quản lý nhà nước và chế tài trong lĩnh vực KH&CN. Đặc biệt là việc kiểm soát, đánh giá công nghệ trong các dự án đầu tư, phải coi đây là một trong những nội dung bắt buộc cần xem xét trước khi cấp phép đầu tư.

5.3. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

STT	Dự án ưu tiên	Nguồn vốn	Thời gian triển khai
1	Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực KHCN	Ngân sách nhà nước	2015 – 2020
2	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù cho KKTCK Móng Cái	Ngân sách nhà nước	2015 – 2020
3	Xây dựng trung tâm thông tin và sàn giao dịch KHCN nhằm quảng bá thông tin, kết nối cung - cầu KHCN.	Ngân sách nhà nước và nguồn vốn ngoài nhà nước	2025-2030
4	Đẩy mạnh đào tạo nhân lực KHCN đáp ứng nhu cầu của xã hội	Ngân sách nhà nước và ngoài nhà nước	2015 – 2020
5	Chương trình, dự án hình thành khu nông nghiệp công nghệ cao để phát triển các sản phẩm chủ lực, có thương hiệu như lợn Móng Cái, cây dược liệu, một số giống thủy sản ...	Ngân sách nhà nước và ngoài nhà nước	2015 – 2020

5.4. Chương trình hành động phát triển lĩnh vực KHCN

(1) Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực KHCN

STT	Hoạt động	Thời gian triển khai
1.1	Tổ chức các sự kiện xúc tiến đầu tư ở trong và ngoài nước	1 năm
1.2	Quảng bá, giới thiệu tiềm năng, cơ hội đầu tư của KKTCK Móng Cái trên các phương tiện thông tin đại chúng, các nhà	1 năm

	đầu tư trong và ngoài nước	
1.3	Xác định các nhà đầu tư hướng đến các dự án mục tiêu và tìm hiểu nhu cầu của họ: từ yêu cầu về diện tích đất đến nhu cầu về nhân lực...	1 năm
1.4	Cập nhật danh sách các dự án ưu tiên đi kèm với những hướng dẫn về yêu cầu đầu tư, bao gồm cả các tiêu chí phê duyệt; Cung cấp cho nhà đầu tư tiềm năng những thủ tục pháp lý, nội dung yêu cầu cụ thể từ phía Tỉnh, Thành phố	1 năm
1.5	Giảm thời gian tiếp nhận, xử lý và phê duyệt hồ sơ, cấp phép đầu tư thông qua việc áp dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử trong thông tin, cấp phép và hỗ trợ đầu tư	1 năm
1.6	Hỗ trợ, tư vấn cho nhà đầu tư nghiên cứu xác định địa điểm, tiếp cận thông tin, dữ liệu, tiếp xúc và làm việc với các cơ quan hữu quan, doanh nghiệp và người dân trong suốt quá trình tìm hiểu, xây dựng và triển khai công trình, dự án	1 năm
1.7	Hỗ trợ và duy trì mối quan hệ chặt chẽ với nhà đầu tư hiện tại và tiềm năng bằng cách thiết lập và duy trì cơ sở dữ liệu trực tuyến và thường xuyên liên lạc thông qua mạng internet và các phương tiện thông tin, truyền thông khác	1 năm

(2) Xây dựng cơ chế chính sách đặc thù cho KKTCK Móng Cái

STT	Hoạt động	Thời gian triển khai
2.1	Rà soát cơ chế, chính sách phát hiện những bất cập trong ưu đãi đối với hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, kinh doanh trong lĩnh vực KHCN	5 tháng
2.2	Xây dựng, ban hành những cơ chế, chính sách đặc thù nhằm ưu đãi, khuyến khích cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp như: chính sách miễn giảm thuế, chính sách hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng, nhập khẩu, tiền thuê đất, đảm bảo hạ tầng thiết yếu...	5 tháng

(3) Xây dựng Trung tâm thông tin và sàn giao dịch KHCN nhằm quảng bá thông tin và kết nối cung-cầu về KHCN

STT	Hoạt động	Thời gian triển khai
3.1	Xây dựng Trung tâm thông tin về KHCN (giới thiệu quảng	5 tháng (sau năm 2025)

	bá, cập nhật những tiến bộ KHCN mới nhất phục vụ đời sống nhân dân và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp) khuyến khích doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức đổi mới, ứng dụng KHCN vào hoạt động sản xuất, kinh doanh	
3.2	Xây dựng sàn giao dịch KHCN kết nối giữa cung – cầu về KHCN; giữa các doanh nghiệp, nhà sản xuất, nghiên cứu trong và ngoài nước	5 tháng

(4). Đào tạo phát triển nhân lực KHCN, đáp ứng nhu cầu xã hội

STT	Hoạt động	Thời gian triển khai
4.1	Tiến hành dự báo, nắm bắt cung – cầu nhân lực trong lĩnh vực KHCN theo từng trình độ, ngành nghề, từng giai đoạn để tiến hành đào tạo nhân lực	5 tháng
4.2	Tiến hành đào tạo hoặc liên kết với các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh, Trung ương nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho doanh nghiệp, người sử dụng lao động trên địa bàn	5 tháng
4.3	Tiến hành đào tạo bồi dưỡng, nâng cao nhân lực cho các doanh nghiệp, người sử dụng lao động có nhu cầu	5 tháng

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG

1. Giao thông vận tải

1.1. Quan điểm và mục tiêu

- Đẩy mạnh và tập trung đầu tư phát triển hạ tầng giao thông đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Móng Cái đến năm 2020 và xa hơn. Đảm bảo kết nối thuận lợi giữa Móng Cái với các địa phương trong vùng và cả nước, kết nối với các địa phương thuộc tỉnh Quảng Tây – Trung Quốc. Tạo điều kiện đẩy mạnh giao lưu thương mại giữa Móng Cái với các tỉnh trong vùng, cả nước và với các địa phương thuộc tỉnh Quảng Tây – Trung Quốc.

- Tập trung nâng cấp, cải tạo, nâng cao chất lượng và năng lực vận tải trên các tuyến đường hiện có. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển các hình thức giao thông khác như đường thủy, đường biển và có thể cả đường sắt (trong dài hạn).

1.2. Nhiệm vụ và giải pháp

Phát triển hạ tầng giao thông đến năm 2020 sẽ bao gồm một số dự án lớn cấp Nhà nước/cấp tỉnh và các dự án nhỏ do chính quyền KKTCK Móng Cái thực hiện, cụ thể như sau:

- Dự án đường Cao tốc Nội Bài - Hạ Long - Móng Cái đã được phê duyệt tại Quyết định số 1734/QĐ-TTg ngày 01/12/2008.

- Quy hoạch mạng lưới đường bộ ven biển đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 18/01/2010.

- Cầu Bắc Luân II: Dự án xây dựng cầu Bắc Luân II được đầu tư theo chủ trương của Chính phủ và kết quả đàm phán với Trung Quốc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tại Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 24/01/2011.

- Tuyến đường dẫn từ cầu Bắc Luân II thuộc quy hoạch vành đai III của thành phố Móng Cái giai đoạn I nối đến đường tỉnh lộ 335 (đầu vào điểm cuối dự kiến của đường cao tốc Hạ Long - Móng Cái) đã được phê duyệt hướng tuyến và cắm mốc lộ giới.

- Quy hoạch mạng lưới đường thủy Hạ Long - Móng Cái, có chiều dài 149,5 km, bao gồm các đoạn Vịnh Hạ Long, Hòn Gai, Lạch Bùm, Cái Bàu - Cửa Mô, Sông Ka Long, Móng Cái.

- Đường sắt: theo quy hoạch phát triển thành phố điều chỉnh đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2025, dự kiến đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Hạ Long - Móng Cái kết nối với Đông Hưng, Trung Quốc.

- Cùng với dự án đường Cao tốc Nội Bài - Hạ Long - Móng Cái, tập trung đầu tư xây dựng cảng biển Hải Hà. Điều này sẽ biến vận tải cảng biển và kho vận trở thành một đòn bẩy then chốt trong kế hoạch phát triển của KKTCK Móng Cái. Nếu cảng biển Hải Hà có tác động tiêu cực lên nông nghiệp (như nuôi tôm), KKTCK Móng Cái cần cân nhắc cấp “chứng nhận khu vực biển” cho các hộ nông dân để ngăn các phương tiện di chuyển trong vùng sản xuất nông nghiệp (nuôi trồng thủy, hải sản).

Ngoài ra, có một số cân nhắc về việc xây dựng một sân bay dân sự nhỏ tại KKTCK Móng Cái, tuy nhiên cần nghiên cứu kỹ lưỡng tính khả thi về nhu cầu và lợi nhuận nếu triển khai dự án này.

1.3. Dự án ưu tiên đầu tư (do KKTCK Móng Cái trực tiếp thực hiện)

STT	Dự án ưu tiên	Nguồn vốn	Thời gian triển khai
1	Nâng cấp cơ sở hạ tầng (đường, điện) cho các xã nông thôn mới	Ngân sách nhà nước, ODA và nguồn vốn tư nhân	2014 – 2015
2	Xúc tiến, đồng bộ triển khai hạ tầng các khu đô thị mới	Ngân sách nhà nước, ODA và nguồn vốn tư nhân	2014 – 2018 (tùy thuộc vào dự án/khu vực)
3	Nâng cấp cơ sở hạ tầng điện trên toàn địa bàn, bao gồm lưới điện và các	Ngân sách nhà nước, ODA và	2014 – 2015

	trạm biến thế	nguồn vốn tư nhân	
4	Xây dựng tuyến đường Hải Tiến - Pò Hèn - Bắc Phong Sinh	Ngân sách nhà nước, ODA và nguồn vốn tư nhân	2014 – 2018
5	Nâng cấp tuyến đường từ Móng Cái - Trà Cổ	Ngân sách nhà nước, ODA và nguồn vốn tư nhân	2014 – 2018
6	Xây đường ven biển Trà Cổ - Bình Ngọc	Ngân sách nhà nước, ODA và nguồn vốn tư nhân	2014 – 2020
7	Nâng cấp, mở rộng cảng Vạn Gia và nâng cấp cơ sở hạ tầng (đường, điện) trên đảo Vĩnh Thực	Ngân sách nhà nước, ODA và nguồn vốn tư nhân	2014 – 2020

1.4. Chương trình hành động phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải

(1). Nâng cấp cơ sở hạ tầng (đường, điện) cho các xã nông thôn mới

STT	Hoạt động	Thời gian triển khai
1.1	Huy động nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước và nguồn vốn ODA	Thường xuyên
1.2	Nông dân làm chủ thể - đóng góp một phần ngân sách, công sức xây dựng, giải phóng mặt bằng	Thường xuyên

(2). Xúc tiến, đồng bộ triển khai hạ tầng các khu đô thị mới

STT	Hoạt động	Thời gian triển khai
2.1	Đồng hành với các doanh nghiệp, hỗ trợ thủ tục pháp lý, giải phóng mặt bằng và các thủ tục khác	Thường xuyên
2.2	Yêu cầu các doanh nghiệp sắp xếp vốn, đẩy nhanh tiến độ; làm việc với các doanh nghiệp, xác định thách thức và cùng xây dựng giải pháp	Thường xuyên

(3). Nâng cấp cơ sở hạ tầng điện trên toàn địa bàn, bao gồm lưới điện và các trạm biến thế

STT	Hoạt động	Thời gian triển khai
3.1	Khảo sát và giải phóng mặt bằng	2 tháng
3.2	Lập thiết kế kỹ thuật chi tiết	4 tháng
3.3	Lắp đặt thiết bị	8 tháng
3.4	Hòa lưới điện thành phố	3 tháng

(4). Xây tuyến đường Hải Tiến - Pò Hèn - Bắc Phong Sinh

STT	Hoạt động	Thời gian triển khai
4.1	Xin duyệt chủ trương cho dự án	7 tháng
4.2	Tiến hành khảo sát tiền khả thi và thiết kế để xác định tổng giá trị đầu tư cần thiết	2 tháng
4.3	Lập tờ trình và xin duyệt ngân sách	4 tháng
4.4	Tổ chức đấu thầu/kêu gọi nhà thầu	3 tháng
4.5	Triển khai	2 năm

(5). Nâng cấp tuyến đường Móng Cái - Trà Cổ

STT	Hoạt động	Thời gian triển khai
5.1	Xin duyệt chủ trương cho dự án	7 tháng
5.2	Tiến hành khảo sát tiền khả thi và thiết kế để xác định tổng giá trị đầu tư cần thiết	2 tháng
5.3	Lập tờ trình và xin duyệt ngân sách	4 tháng
5.4	Tổ chức đấu thầu/kêu gọi nhà thầu	3 tháng
5.5	Triển khai	3 năm

(6). Xây đường ven biển Trà Cổ - Bình Ngọc

STT	Hoạt động	Thời gian triển khai
6.1	Xin duyệt chủ trương cho dự án	1 năm
6.2	Tiến hành khảo sát tiền khả thi và thiết kế để xác định tổng giá trị đầu tư cần thiết	2 tháng
6.3	Lập tờ trình và xin duyệt ngân sách	1 năm
6.4	Tổ chức đấu thầu/kêu gọi nhà thầu	1 năm
6.5	Triển khai	4 năm

(7). Nâng cấp, mở rộng cảng Vạn Gia và nâng cấp cơ sở hạ tầng (đường, điện) trên đảo Vĩnh Thực

STT	Hoạt động	Thời gian triển khai
7.1	Xin duyệt chủ trương cho dự án	1 năm
7.2	Tiến hành khảo sát tiền khả thi và thiết kế để xác định tổng giá trị đầu tư cần thiết	2 tháng
7.3	Lập tờ trình và xin duyệt ngân sách	1 năm
7.4	Tổ chức đấu thầu/kêu gọi nhà thầu	3 tháng
7.5	Triển khai	4 năm

2. Định hướng phát triển hạ tầng cấp điện

2.1. Mục tiêu

Tập trung đầu tư xây dựng và nâng cấp các hạ tầng nguồn điện và lưới điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện phục vụ cho phát triển công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp và điện sinh hoạt. Đảm bảo chất lượng cung cấp điện và an

toàn nguồn điện, lưới điện.

- Tổng tiêu thụ điện năng dự kiến sẽ tăng hơn 2,5 lần vào năm 2020, tương đương tốc độ tăng trưởng gần 15%/năm.

- Tỷ trọng tiêu thụ điện năng sẽ dần chuyển từ điện sinh hoạt (hiện tại chiếm hơn 55% tổng tiêu thụ) sang điện công nghiệp và thương mại (50% tổng tiêu thụ vào năm 2020 và sẽ tiếp tục tăng lên).

2.2. Các giải pháp phát triển

- Tập trung cải tạo và nâng cấp hạ tầng lưới điện để hỗ trợ mở rộng các ngành thương mại và công nghiệp với chất lượng cao và đảm bảo an toàn lưới điện.

- Phối hợp với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp cảng biển Hải Hà đầu tư xây dựng nhà máy điện, bổ sung cho nguồn điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện đảm bảo ổn định, chất lượng và an toàn, đặc biệt đối với nhà máy điện của tập đoàn.

3. Định hướng cấp, thoát nước, và thủy lợi

3.1. Hạ tầng cấp, thoát nước

(1). Cấp nước:

a) Giảm dần sử dụng nước của sông Ka Long vào sinh hoạt, tiến tới khai thác, sử dụng toàn bộ nguồn nước ngọt, sạch từ các hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn và các địa phương lân cận để phục vụ nhu cầu dân sinh, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ của KKTCK.

Các hộ sử dụng tài nguyên nước cần không ngừng nâng cao trách nhiệm đối với khai thác, sử dụng các nguồn nước để đảm bảo tính bền vững cho cả KKTCK Móng Cái.

b) Về nguyên tắc cấp nước và công trình cấp nước: i) Tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch tại các đô thị đạt 100%, với tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 150 l/ng/ng.đ (theo tiêu chuẩn cấp nước đối với đô thị loại II), chất lượng nước đạt tiêu chuẩn theo quy định. Tỷ lệ thất thoát thất thu tại các đô thị dưới 18% vào năm 2020; ii) Các khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế được cấp nước đầy đủ theo nhu cầu sử dụng với mức 22-35 m³/ha/ngày, cũng như áp lực nước; iii) Đến năm 2015, sẽ có khoảng 80-90% dân số được sử dụng nước sạch; iv) Nâng cấp nhà máy nước thị trấn Quảng Hà (6.000 m³/ngày đêm); Xây dựng trạm cấp nước sạch (nước hợp vệ sinh) xã Quảng Minh, Quảng Phong, Cái Chiên (80.000 m³/ngày đêm); Xây dựng mới nhà máy nước hồ Tràng Vinh (30.000 m³/ngày); Xây dựng nhà máy nước trong khu công nghiệp – cảng biển Hải Hà (30.000 m³/ngày và 60.000 m³/ngày, theo từng giai đoạn); Xây dựng mới nhà máy nước Quất Đông (50.000 m³/ngày). Đồng thời, phát triển mạng lưới cấp nước cho các đô thị khu công nghiệp – cảng biển Hải Hà và thành phố Móng Cái

(2). *Thoát nước*: i) Thoát nước mặt phải phù hợp với quy hoạch phát triển của đô thị, khu cụm công nghiệp và khu kinh tế. Hệ thống thoát nước mặt phải phù hợp với hệ thống tiêu thoát thủy lợi. Phù hợp với các dự báo về biến đổi khí hậu như lượng mưa, chế độ thủy triều, thuận tiện cải tạo nâng cấp công trình trong tương lai. ii) Đối với hệ thống thoát nước cải tạo tùy tình hình thực tế tận dụng tối đa hiệu quả của các công trình hiện có. Tận dụng triệt để và cải tạo các ao hồ hiện có với chức năng là hồ điều hoà, kết hợp thoát nước mặt với tạo cảnh quan, giữ gìn và bảo vệ môi trường nước.

3.2. . Hạ tầng thủy lợi

– Nâng cao năng lực của các công trình thủy lợi. Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp đưa vào cấp kỹ thuật đối với các công trình thủy lợi hiện có.

– Phát triển hạ tầng thủy lợi, nhằm giải quyết nước sinh hoạt và sản xuất cho các vùng núi cao, biên giới và vùng sâu, vùng xa. Chú trọng giải quyết mục tiêu phục vụ xoá đói giảm nghèo, ổn định cuộc sống của đồng bào dân tộc, giữ dân an ninh chính trị, quốc phòng, giảm thiểu tổn thất do lũ, lụt gây ra.

– Đầu tư xây dựng hạ tầng thủy lợi dẫn nước phục vụ nhu cầu tưới, tiêu và nuôi trồng thủy sản (cần có nghiên cứu quy hoạch cụ thể đối với các vùng nuôi trồng thủy sản để có phương án đầu tư phù hợp).

– củng cố và tu bổ hệ thống đê sông, đê biển, các hồ, suối lớn, các công trình tiêu úng thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

3.3. Chương trình hành động phát triển kết cấu hạ tầng cấp nước, thoát nước, và thủy lợi

(1) Dự án cấp nước

STT	Tên dự án	Công suất	Dự kiến khởi công-hoàn thành	Ghi chú
1	Nâng cấp nhà máy nước thị trấn Quảng Hà	6.000 m ³ /ngàyđêm	*2015	
2	Xây dựng trạm cấp nước sạch (nước hợp vệ sinh) xã Quảng Minh, Quảng Phong, Cái Chiên	80.000 m ³ /ngày đêm	2016-2020	
3	Xây dựng cấp nước hệ thống phát triển	20.000 m ³ /ngày đêm	*2015	

QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI KHU KINH TẾ CỬA KHẨU MÓNG CÁI

4	Xây dựng mới nhà máy nước hồ Trảng Vinh	30.000 m ³ /ngày	*2015	Cấp nước cho khu công nghiệp – cảng biển Hải Hà
5	Xây dựng nhà máy nước trong khu công nghiệp – cảng biển Hải Hà	30.000 m ³ /ngày và 60.000 m ³ /ngày	2016-2020	Theo từng giai đoạn phát triển, lấy nguồn nước từ Hồ Trảng Vinh
6	Xây dựng mới nhà máy nước Quất Đông	50.000 m ³ /ngày	2016-2020	Thay thế cho nhà máy nước Ka Long
7	Phát triển mạng lưới cấp nước cho các đô thị khu công nghiệp – cảng biển Hải Hà và thành phố Móng Cái		2014-2020	

Ghi chú: *Ngay sau khi quy hoạch được phê duyệt và có hiệu lực

(2) Dự án thoát nước

STT	Tên dự án	Công suất	Thời gian thực hiện*	Ghi chú
1	Xây dựng, nâng cấp hệ thống thoát nước mưa	145.460 m	2020	Trên địa bàn thành phố Móng Cái, thị trấn Quảng Hà
2	Xây dựng, nâng cấp hệ thống thoát nước thải	106.490 m	2020	Trên địa bàn thành phố Móng Cái, thị trấn Quảng Hà
3	Xây dựng, nâng cấp các trạm bơm nước thải	19 trạm	2020	Trên địa bàn thành phố Móng Cái, thị trấn Quảng Hà

Ghi chú: * Khởi công ngay sau khi quy hoạch được phê duyệt

(3) Dự án thủy lợi

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện*	Ghi chú
1	Xây dựng, nâng cấp hệ thống thủy lợi	2020	
2	Xây dựng, nâng cấp hệ thống đê	2020	Kể cả đê sông và đê biển
3	Đầu tư hệ thống kênh cấp thoát nước thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản	2020	Khu Bình Ngọc, Lục Lâm, Hải Hòa,

		Vạn Ninh
--	--	----------

3.4. Giải pháp phát triển hạ tầng nước

(1) Giải pháp phát triển hạ tầng thủy lợi: Tiếp tục đầu tư nâng cấp và xây dựng, hoàn thiện hệ thống kênh các cấp và kênh mương nội đồng. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống đập và đê điều để phục vụ công tác bảo vệ môi trường.

(2) Giải pháp phát triển hạ tầng cấp, thoát nước: Đẩy mạnh xã hội hoá ngành cấp nước. Ưu tiên nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA cho các đô thị nghèo, khó khăn về cấp nước. Tăng cường quản lý và chống thất thoát nước để đảm bảo nhà máy nước hoạt động hết công suất thiết kế; Tiến hành kiểm tra đánh giá chất lượng đường ống, cần thay thế các ống cũ được lắp đặt từ lâu; Tăng cường công tác tuyên truyền Luật Tài nguyên nước. Giải pháp cơ chế, chính sách cho ngành nước. Giải pháp công nghệ, vật tư thiết bị ngành nước. Thoát nước: Đẩy mạnh xã hội hoá các công trình thoát nước; cần xây dựng cơ chế giá, phí đối với dịch vụ thu gom, xử lý nước thải; Khuyến khích xây dựng và hỗ trợ phương tiện xử lý nước thải.

4. Định hướng phát triển mạng thông tin liên lạc – bưu chính viễn thông¹¹

4.1. Quan điểm và mục tiêu

Xây dựng và phát triển bưu chính viễn thông của KKTCK Móng Cái đồng bộ với quy hoạch phát triển bưu chính viễn thông của quốc gia, của tỉnh Quảng Ninh và phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và địa bàn KKTCK Móng Cái nói riêng.

Mạng thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông không chỉ tạo điều kiện kết nối người dân, cung cấp chương trình giải trí mà còn phục vụ mục đích kinh doanh, đóng vai trò quan trọng về chính trị và quản lý, củng cố năng lực nhà nước.

Mục tiêu của KKTCK Móng Cái từ nay về sau là tiếp tục nâng cao hạ tầng mạng thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông để thực hiện hiệu quả các chức năng mô tả ở trên.

4.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Đầu tư nâng cấp, xây dựng hiện đại hệ thống đài phát thanh và truyền thanh, đẩy mạnh quá trình chuyển đổi mạng phát thanh, truyền hình cáp tương tự sang cáp số phù hợp xu hướng hội tụ công nghệ và dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và phát thanh - truyền hình, khai thác có hiệu quả hệ thống thiết bị, phân đầu xây dựng chương trình bằng hệ thống máy vi tính, kỹ thuật số đảm bảo độ chính xác cao. Đào tạo, tập huấn cán bộ chuyên trách

¹¹Dịch vụ vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc được gộp vào cùng một nhóm dịch vụ giao thông tĩnh.

truyền thanh cấp xã đảm bảo chuyên môn nghiệp vụ trong công tác thông tin và truyền thông.

- Nâng cấp Trung tâm truyền thông tin thuộc công ty TNHH Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam (VISHIPEL) để cung cấp thông tin cho các phương tiện trên biển, an toàn giao thông trên biển, cứu hộ cứu nạn...

- Tập trung xây dựng lực lượng nhân lực đủ trình độ, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, đồng bộ cho hệ thống truyền thanh, truyền hình trên địa bàn cơ sở để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ thông tin của nhân dân, đồng thời đáp ứng nhiệm vụ chính trị về tuyên truyền, vận động, thông tin chính sách của Đảng và Nhà nước đến cấp cơ sở.

4.3. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

STT	Chương trình/Dự án	Nguồn vốn	Thời gian triển khai
1.1	Dự án đầu tư nâng cấp, xây dựng hiện đại hóa hệ thống đài phát thanh và truyền thanh từ cấp thành phố đến cấp cơ sở	Ngân sách nhà nước	2014-2020
1.2	Dự án đầu tư nâng cấp, xây dựng hiện đại hóa hệ thống đài truyền hình cho thành phố Móng Cái và 9 xã Hải Hà	Ngân sách nhà nước	2014-2020

4.4. Chương trình hành động phát triển hạ tầng phát thanh, truyền hình

STT	Hoạt động	Ngày dự kiến bắt đầu	Thời gian triển khai
1.1	Xây dựng kế hoạch đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, đồng bộ cho hệ thống phát thanh, truyền thanh, truyền hình	10/2014	12/2014
1.2	Tổ chức sản xuất chương trình, tin bài phục vụ cho hoạt động của hệ thống phát thanh, truyền thanh, truyền hình	10/2014	Thường xuyên
1.3	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho lực lượng nhân lực ngành phát thanh, truyền thanh, truyền hình	10/2014	Thường xuyên

5. Phát triển các khu dân cư và điểm dân cư đô thị

(1) Phát triển các Khu Đô thị tại Móng Cái: quy hoạch phát triển thành phố Móng Cái về phía Tây, Đông và Nam lấy sông Ka Long làm trục cảnh quan chính của đô thị. Không gian chính thành phố Móng Cái tập trung tại khu trung tâm, Khu vực phía Nam chủ yếu phát triển du lịch Trà Cổ, Bình Ngọc và du lịch cao cấp đảo Vĩnh Trung, Vĩnh Thực; Khu vực phía Tây (giữa trung tâm Hải Hà và trung tâm Móng Cái) phát triển đô thị trung tâm KKTCK Móng Cái (đây sẽ là trung tâm hành chính, hạt nhân của KKT); Khu vực phía

Bắc phát triển khu du lịch sinh thái lòng hồ; các khu biên giới, phục vụ cho an ninh quốc phòng.

- Khu trung tâm đô thị hiện hữu: Tiếp tục phát triển thành khu trung tâm dịch vụ thương mại cửa khẩu gắn liền với cửa khẩu Bắc Luân I và cửa khẩu Bắc Luân II hình thành khu hợp tác thương mại; phát triển mật độ cao trong khu vực tiếp giáp với cửa khẩu Bắc Luân I, II và khu hợp tác kinh tế biên giới Móng Cái; phát triển mạnh các dịch vụ hỗ trợ du lịch, hỗ trợ đời sống và dịch vụ cho các thương gia từ nước ngoài cũng như các thương gia đến từ Trung Quốc. Hình thành các tuyến phố dịch vụ thương mại, tài chính ngân hàng, nối kết 2 bên sông Ka Long cùng với hệ thống công viên, cây xanh mặt nước; các tuyến phố này cần tăng cường thiết kế đô thị, cải tạo chỉnh trang, gắn với bảo tồn hệ sinh thái cây xanh mặt nước tại khu Trung tâm.

- Khu hợp tác kinh tế được bố trí xây dựng tại khu vực cầu Bắc Luân 2, có diện tích khoảng 1350 ha. Đây sẽ là khu vực giao thương giữa Việt Nam – Trung Quốc, ASEAN – Trung Quốc.

(2) Khu vực Hải Hà: Phát triển Khu công nghiệp – cảng biển Hải Hà là khu công nghiệp bao gồm nhiều loại hình công nghiệp như công nghiệp dệt may, công nghiệp phụ trợ, trung tâm vận tải logistic, cảng nước sâu. Trên cơ sở đô thị Hải Hà cũ, mở rộng ra các xã Quảng Trung, Quảng Chính, Quảng Thắng, Quảng Minh nhằm kết nối không gian kinh tế và đô thị với đô thị kinh tế cửa khẩu.

(3) Khu Trung tâm đô thị tích hợp mới: dự kiến tại xã Hải Đông, đây là khu vực ở giữa Móng Cái và Hải Hà, đáp ứng được yêu cầu về quỹ đất cho việc phát triển, thuận lợi trong việc kết nối với hệ thống giao thông. Khu đô thị này bao gồm các chức năng chính: Khu Trung tâm tài chính thương mại, hành chính khu kinh tế, Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu đô thị mới.

(4) Khu Dịch vụ thương mại vùng biên và phát triển nông thôn mới: Xây dựng thương mại dịch vụ vùng biên, tăng cường phát triển nông nghiệp và chăn nuôi, giúp phát triển nông nghiệp công nghệ cao của KKTCK, đồng thời đảm bảo an ninh lương thực, tăng cường ổn định kinh tế cho khu vực vùng biên.

6. Phát triển hạ tầng các cụm, điểm công nghiệp

Các khu sản xuất CN-TTCN phát triển từng bước trên cơ sở của khu công nghiệp tập trung Hải Yên. Bên cạnh đó, cần định hướng quy hoạch khu công nghiệp phía Tây Thành phố. Việc cấp phép đầu tư các dự án sản xuất tuân thủ theo đúng quy hoạch khu, cụm công nghiệp, không cấp phép các dự án sản xuất công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp ngoài các khu, cụm công nghiệp.

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN LÃNH THỔ

1. Định hướng phát triển không gian phân bổ các cơ sở dịch vụ, thương mại, xuất nhập khẩu, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

Đến năm 2020, KKTCK Móng Cái cần tạo được ấn tượng rõ ràng và trực diện theo tiêu chí "một tâm, hai cánh công nghiệp, các điểm đột phá du lịch". Định hướng này sẽ tạo sự cân đối và thể thống nhất giữa các bộ phận khác nhau trong KKTCK, và tận dụng được những thế mạnh nổi bật nhất: gần Trung Quốc, thẳng ra biển và cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp.

Thành phố Móng Cái sẽ là trung tâm chính trị, hành chính, thương mại và văn hóa, đồng thời là cánh cửa cho hoạt động thương mại và vui chơi giải trí với Trung Quốc. Thông qua Khu hợp tác kinh tế, đây sẽ là trung tâm và là nền tảng cốt lõi cho mối quan hệ dài hạn với Trung Quốc. Tập trung phát triển mật độ cao trong khu vực tiếp giáp với cửa khẩu Bắc Luân I, II và khu hợp tác kinh tế biên giới Móng Cái. Tại đây phát triển mạnh các dịch vụ hỗ trợ du lịch, hỗ trợ đời sống và dịch vụ cho các thương gia từ nước ngoài cũng như các thương gia đến như Trung Quốc có thể ở ngắn hạn như khu vực giữa 2 cửa khẩu Bắc Luân I và II, khu phía Nam khu hợp tác kinh tế Móng Cái. Ngoài ra phát triển khu đô thị mới phía Tây khu đô thị hiện hữu, nằm giữa khu công nghiệp Hải Yên và khu đô thị hiện hữu. Các khu vực trên trục đường đi thẳng ra cầu Bắc Luân I, phía khu vực Trà Cổ và Bình Ngọc, bố trí một số các đô thị để phát triển các khu nhà biệt thự sinh thái, thân thiện với môi trường và gắn với hoạt động phát triển du lịch tại khu vực Trà Cổ, Bình Ngọc và các đảo Vĩnh Trung Vĩnh Thực. Tại trung tâm của KKTCK Móng Cái, ven khu vực trung tâm hành chính của KKTCK, bố trí xây dựng khu đô thị hỗ trợ cho cụm công nghiệp Dân Tiến và Trung tâm hành chính KKT Móng Cái. Dự trữ quỹ đất cho 2 đô thị trên đồi dọc tỉnh lộ 341. Các khu vực phía Nam đường cao tốc, nằm hai bên của trung tâm thương mại, trường học và bệnh viện Móng Cái và khu vực phía Nam trung tâm hành chính KKT Móng Cái.

Huyện Hải Hà: Mở rộng trung tâm thị trấn Quảng Hà sang khu vực phía Đông, hình thành khu đô thị mới ở phía Đông thị trấn Quảng Hà – là nơi sinh sống của những người lao động làm việc ở khu công nghiệp, từ đó hình thành khu vực sản xuất có nhà ở và nơi làm việc tiếp giáp nhau. Nghiên cứu xây dựng nhà ở xã hội và đô thị phụ trợ tại khu vực phía Bắc Khu công nghiệp cảng biển Hải Hà để giải quyết nhu cầu nhà ở giai đoạn đầu cho các nhà đầu tư vào xây dựng khu công nghiệp và cảng biển Hải Hà. Xây dựng đô thị mới song song với xây dựng tuyến đường kết nối với Móng Cái. Quy hoạch 2 khu đô thị trong rừng ở phía Bắc đường cao tốc Hạ Long – Móng Cái và dọc đường QL18.

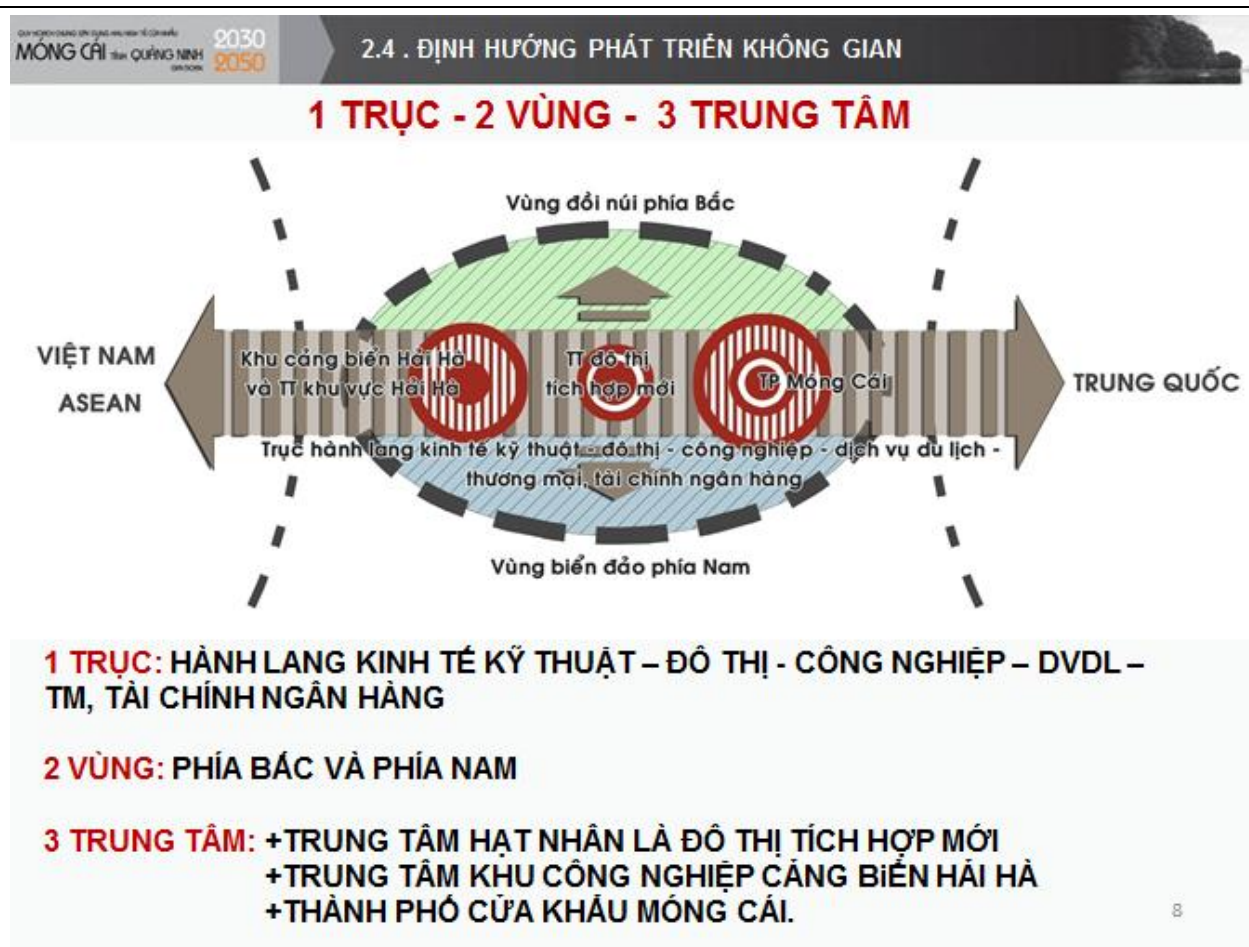
KCN Hải Yên và Hải Hà sẽ là hai cực tăng trưởng kinh tế và nguồn cấp điện của KKTCK, khi toàn bộ các hoạt động công nghiệp then chốt (dệt may,

chế biến thực phẩm và đồ uống, sản xuất linh kiện ô tô phụ trợ) đều nằm ở hai khu công nghiệp này. Trong KCN Hải Hà sẽ có ngành dệt may và sản xuất linh kiện ô tô phụ trợ (do có thể tiếp cận vận tải biển) còn KCN Hải Yên sẽ tiếp tục chiếm một phần nhỏ ngành dệt may cũng như phát triển mới ngành thực phẩm và đồ uống. Sau năm 2020, KCN Hải Hà sẽ bao gồm một nhà máy điện than và một cảng biển.

Bãi biển Trà Cổ, Đảo Vĩnh Thực, và Trung tâm Mua sắm tích hợp dạng outlet sẽ là các động lực chủ đạo thúc đẩy tăng trưởng du lịch ở KKTCK Móng Cái, với những nhà hàng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng và cửa hàng bán lẻ với chất lượng cao nhất.

Sau năm 2020, với tầm nhìn đến năm 2050, phát triển không gian tại KKTCK Móng Cái sẽ theo định hướng “1 Trục – 2 Vùng – 3 Trung tâm”

Một trục là những trụ cột kinh tế, kỹ thuật, đô thị, công nghiệp, du lịch, thương mại, ngân hàng và tài chính – trọng tâm của mọi hoạt động kinh tế - xã hội của KKTCK Móng Cái. Hai cánh bao gồm Du lịch sinh thái và nông nghiệp, phát triển nông thôn mới và quốc phòng ở phía Bắc, và du lịch biển đảo cao cấp và đặc sắc ở phía Nam. Ba trung tâm là thành phố Móng Cái (trọng tâm phát triển của KKTCK Móng Cái), Khu công nghiệp Cảng biển Hải Hà và Trung tâm đô thị tích hợp mới sẽ được xây dựng sau năm 2020.



Ngoài ra, KKTCK Móng Cái sẽ có sự khác biệt với hệ thống giao thông đối ngoại gồm 4 tuyến đường bộ: Quốc lộ 18, Đường Cao tốc Hạ Long - Móng Cái, và hai cây cầu dẫn sang Trung Quốc. Trong dài hạn (sau 2025), sẽ có tuyến đường sắt kết nối KKTCK Móng Cái với Hà Nội và có thể với Đông Hưng, Trung Quốc.

KKTCK Móng Cái sẽ được công nhận là một trong những cảng biển lớn nhất Việt Nam - cảng biển Hải Hà nằm trong KCN Hải Hà, phục vụ 30 triệu tấn hàng hóa mỗi năm. Cảng sẽ là cửa ngõ từ KKTCK Móng Cái tới các tỉnh thành khác ở Việt Nam và cả khu vực Đông Nam Á.

2. Hình thành và phát triển đô thị, mạng lưới các khu dân cư

Sau năm 2025, KKTCK Móng Cái sẽ có ba trung tâm đô thị chính: Thành phố Móng Cái, Trung tâm Hải Hà và Trung tâm tích hợp mới.

Do tăng trưởng kinh tế và những hạn chế ở phía đông, Móng Cái sẽ mở rộng đáng kể về phía Tây của nhánh sông Ka Long, từ đó tạo nên một khu đô thị mới mang tên "Móng Cái Mới". Khu đô thị phía Đông sông Ka Long sẽ là khu "Móng Cái Cũ".

Chủ yếu nhờ hoạt động kinh tế trong KCN Hải Hà, một khu đô thị mới cũng sẽ được thành lập ở Hải Hà, nằm ở phía đông KCN. Cư dân huyện Hải Hà sẽ sống trong khu vực đô thị và khu nhà ở bên trong KCN.

Nhìn chung, đến năm 2020, KKTCK Móng Cái sẽ xây dựng các khu dân cư cho gần 25.000 dân số mới phát sinh từ tăng trưởng dân số tự nhiên và lao động nhập cư cùng với gia đình của họ.

Sau năm 2020 và từ năm 2030 trở đi, quá trình phát triển đô thị ở phía Đông (khu đô thị Móng Cái) và phía Tây (khu đô thị Hải Hà) của KKTCK Móng Cái sẽ dẫn đến sự cần thiết phải phát triển một trung tâm đô thị mới ở giữa - Trung tâm tích hợp mới. Trung tâm này sẽ dần trở thành trung tâm đô thị chính của KKTCK Móng Cái và là trung tâm cho các hoạt động thương mại, khoa học, kỹ thuật, sáng tạo, tài chính, giáo dục đào tạo, văn hóa, triển lãm và dịch vụ kinh doanh. Trung tâm này sẽ là trung gian kết nối giữa Móng Cái và Hải Hà thông qua hai tuyến đường cao tốc. Trung tâm tích hợp mới sẽ thu hút nhân tài từ khắp nơi trong cả nước và nước ngoài và sẽ có một trường đại học quốc tế đặt tại đây. Trung tâm tổng hợp sẽ đặt mục tiêu trở thành "thành phố thông minh" thân thiện với môi trường, áp dụng các công nghệ mới nhất trong dịch vụ công.

3. Hình thành các khu trung tâm điều hành và dịch vụ công cộng

Sau năm 2025, trung tâm hành chính sẽ chuyển từ Móng Cái về Trung tâm tích hợp mới. Cả hai khu đô thị Móng Cái và Hải Hà sẽ vẫn có bộ máy hành chính theo phân cấp về địa phương, tuy nhiên các cơ quan chức năng phụ trách các vấn đề chính trị, pháp lý và kinh tế chủ đạo vẫn sẽ nằm tại Trung tâm tích hợp mới. Các sở ban ngành liên quan đến việc hợp tác với

Trung Quốc sẽ vẫn nằm ở Móng Cái, vì thành phố vẫn tiếp tục phát triển quan hệ với Trung Quốc thông qua Khu hợp tác kinh tế và hai cây cầu nối liền hai biên giới.

4. Định hướng phát triển không gian lâm nghiệp và dải cây xanh

4.1. Quan điểm và mục tiêu

a. *Quan điểm phát triển:* Phát triển không gian lâm nghiệp và dải cây xanh hợp lý, bền vững, đáp ứng quan điểm và yêu cầu phát triển KKTCK Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh trong thời gian dài, đặt trong bối cảnh CNH và hợp tác ASEAN với Trung Quốc, hợp tác Việt Nam - Trung Quốc.

b. *Mục tiêu chung:* Xây dựng và quản lý 3 loại rừng (phòng hộ, đặc dụng và sản xuất) và dải cây xanh hợp lý và bền vững, đáp ứng mục tiêu chung và yêu cầu xây dựng KKTCK Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh trong thời gian dài trên cơ sở khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế, đặt trong bối cảnh CNH và hợp tác Việt - Trung.

4.2. Định hướng phát triển không gian lâm nghiệp và dải cây xanh bền vững KKTCK Móng Cái

a. *Nguyên tắc phát triển không gian lâm nghiệp 3 loại rừng và dải cây xanh bền vững KKTCK Móng Cái* dựa trên các nguyên tắc sau: *Thứ nhất*, rừng đặc dụng tăng lên do mới được quy hoạch khu Ramsan Móng Cái; *Thứ hai*, rừng phòng hộ cũng tăng nhưng ít do một phần khá lớn diện tích chuyển sang rừng đặc dụng (khu Ramsar Móng Cái); *Thứ ba*, rừng sản xuất giảm xuống chút ít do được chuyển sang rừng phòng hộ.

b. *Định hướng phát triển không gian lâm nghiệp và dải cây xanh bền vững KKTCK Móng Cái.* Định hướng chung: KKTCK Móng Cái đến năm 2030, tầm nhìn tới năm 2050, xây dựng và quản lý bền vững hệ thống 3 loại rừng và dải cây xanh, tăng diện tích thêm 5,7% so với hiện nay, đạt 38.227 ha, chiếm 55% tổng diện tích tự nhiên.

- Xây dựng hệ thống rừng phòng hộ bền vững với tổng diện tích 12.821 ha, chiếm 33,5% tổng diện tích rừng:

Rừng phòng hộ đầu nguồn: Xây dựng và quản lý bền vững rừng phòng hộ đầu nguồn trên các xã vùng đồi, núi, nhất là khu bảo tồn và bảo vệ hồ trên vùng núi phía bắc và đỉnh các đảo Trà Cổ, Vĩnh Thục, Vĩnh Trung, nơi độ dốc >25⁰, với các loài cây cụ thể (keo, thông, sa mộc và cây bản địa, cây đặc sản rừng);

Rừng phòng hộ biên giới: Xây dựng và quản lý bền vững theo đúng quy định và quy hoạch của ngành Lâm nghiệp đưa ra, trên các xã giáp biên giới với Trung Quốc, với các loài cây keo, thông, sa mộc và cây bản địa, cây đặc sản rừng;

Rừng phòng hộ ven biển, ven sông Ka Long, ven suối và ven các đảo

trên các xã, phường, cụ thể: i) Xây dựng và quản lý bền vững rừng phòng hộ ven biển phân bố dọc theo bờ biển KKTCK Móng Cái (trừ diện tích khu bảo tồn rừng ngập mặn) và xung quanh các đảo, nhất là 3 đảo lớn đã nêu ở phần trên, với các loài cây phi lao, cây bản địa và keo, cây bản địa ... ii) Xây dựng và quản lý bền vững rừng phòng hộ giảm thiểu sạt, lở bờ sông Ka Long, hệ thống các bờ suối và tôn tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường, với các loại cây keo, tre, cây bản địa, cây thông, xà cừ...

- *Xây dựng khu rừng đặc dụng bền vững (khu bảo tồn rừng ngập mặn) với tổng diện tích 13.759,0 ha, chiếm 36,0% tổng diện tích rừng.* Xây dựng và quản lý Khu bảo tồn rừng ngập mặn ven biển (khu Ramsar Móng Cái), nhằm duy trì và phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn, cùng sự đa dạng sinh học, đồng thời nâng cao khả năng phòng hộ ven biển của rừng.

- *Xây dựng khu rừng sản xuất với tổng diện tích 11.647 ha, chiếm 30,5% tổng diện tích rừng KKTCK Móng Cái.* Rừng sản xuất chủ yếu phân bố trên các xã vùng đồi núi ở độ dốc < 25⁰ phía Bắc và Tây Bắc, với loại cây trồng là thông nhựa, sa mộc, keo các loại, cây bản địa và cây đặc sản rừng.

**Cơ cấu diện tích rừng và cây xanh KKTCK Móng Cái
đến năm 2030**

TT	Sử dụng đất	Đơn vị	Theo thời gian
			Đến 2030
A	Tổng diện tích đất lâm nghiệp	Ha	38.227,0
	So với tổng diện tích	%	55,0
1	Rừng phòng hộ	Ha	12.821,0
2	Rừng đặc dụng	Ha	13.759,0
3	Rừng sản xuất	Ha	11.647,0
B	Tổng diện tích tự nhiên KKTCK	Ha	69.503,35

- Định hướng cụ thể phát triển dải cây xanh bền vững:

+ *Xây dựng công viên:* Trong KKTCK Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xây dựng công viên quốc tế tại khu liên hợp thể dục thể thao Hải Hòa trên diện tích quy hoạch. Trong đó, quy hoạch phân khu chức năng và trồng cây xanh theo chủ đề từng phân khu, cùng thực hiện quản lý bền vững.

+ *Xây dựng hệ thống cây xanh tại các khu đô thị, KCN...:* Quy hoạch, thiết kế, lựa chọn cây trồng và quản lý bền vững cây xanh tại các khu hành chính, khu đô thị, trung tâm giáo dục và bệnh viện quốc tế, đại học quốc tế Móng Cái, Khu hợp tác kinh tế biên giới, KCN Hải Yên, trung tâm tài chính...

+ *Đặc biệt tập trung quy hoạch và xây dựng hệ thống cây xanh ở các công trình khác như sau:* Tập trung quy hoạch và xây dựng hệ thống cây xanh

các công trình cụ thể như Sân golf, Khu du lịch sinh thái lòng hồ phía Bắc xã Hải Sơn, Bắc Sơn, Khu du lịch sinh thái tại các đảo, Khu quốc phòng.

+ *Trồng cây xanh ven đường giao thông, đường phố và ven ruộng:* Thiết kế, lựa chọn các loài cây và trồng trên tất cả các đường phố cần trồng cây xanh, tạo cảnh quan đẹp và bảo vệ môi trường hợp lý và quản lý đúng quy định.

Thiết kế, lựa chọn các loài cây và trồng trên tất cả các tuyến đường giao thông, nhất là đường quốc lộ 18, tỉnh lộ 335, 340, 341 hợp lý và quản lý cây xanh đúng quy định.

Thiết kế, lựa chọn các loài cây và trồng trên bờ vùng, bờ thửa khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, góp phần phòng hộ, bảo vệ môi trường và tăng thêm vẻ đẹp cảnh quan.

4.3. Giải pháp thực hiện phát triển không gian lâm nghiệp 3 loại rừng và dải cây xanh bền vững KKTCK Móng Cái

4.3.1. Giải pháp huy động nguồn vốn phát triển không gian lâm nghiệp 3 loại rừng và dải cây xanh bền vững

Để phát triển không gian 3 loại rừng và dải cây xanh bền vững, góp phần bảo vệ môi trường, làm đẹp cảnh quan trong KKTCK Móng Cái, vốn đầu tư được huy động thông qua ban hành cơ chế, chính sách và quy chế quản lý cụ thể:

- *Rừng phòng hộ nguồn, rừng đặc dụng (khu Ramsar Móng Cái):* Ngân sách cấp từ trung ương và tỉnh, huyện;

- *Rừng sản xuất:* Nguồn vốn huy động từ các doanh nghiệp tham gia vào sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp;

- *Rừng cảnh quan, môi trường và dải cây xanh:* Nguồn vốn từ các doanh nghiệp trong các khu vực cụ thể (sân golf, KCN...) và hỗ trợ của nhà nước.

4.3.2. Giải pháp kỹ thuật và quản lý phát triển không gian 3 loại rừng và dải cây xanh bền vững

Thực hiện quy hoạch, thiết kế và lựa chọn cây trồng theo đúng quy trình, quy phạm được ngành Lâm nghiệp và Sở, ngành của đối với rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.

Tiếp đến là thực hiện quản lý 3 loại rừng (rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng ...) theo đúng quy định đã được ngành lâm nghiệp ban hành, chú trọng tính địa phương.

4.3.3. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực phát triển không gian lâm nghiệp 3 loại rừng và dải cây xanh bền vững

Xây dựng và quản lý rừng, dải cây xanh bền vững tại KKTCK Móng Cái rất phức tạp do có cả 3 loại rừng.

Hơn nữa, với tính đặc thù của khu du lịch, khu hợp tác kinh tế, khu tài chính và quốc lộ, đường phố ..., việc xây dựng và quản lý dải cây xanh rất

khó.

Vì vậy tập trung đào tạo theo từng loại rừng như sau:

- *Đối với rừng phòng hộ*: Quản lý cụ thể các loại rừng phòng hộ, gắn liền với nghiên cứu làm rõ vai trò phòng hộ và du lịch của rừng.
- *Đối với rừng đặc dụng*: Quản lý rừng đặc dụng bền vững gắn liền điều tra đa dạng sinh học và phát triển du lịch sinh thái.
- *Đối với sản xuất*: Thâm canh rừng nguyên liệu, chú trọng khâu giống và quản lý bền vững, cấp chứng chỉ rừng, cùng chế biến.

5. Định hướng sử dụng đất năm 2020 và 2030

Để nhanh chóng triển khai quy hoạch, trước mắt chưa thay đổi lớn về quy hoạch sử dụng đất của KKTCK Móng Cái, đã được xác định trong Quy hoạch đất của tỉnh Quảng Ninh đến năm 2015, 2020. Tuy vậy, trong trường hợp có sự chồng chéo về sử dụng đất, cần tuân thủ một số nguyên tắc ưu tiên theo thứ tự sau đây:

- Ưu tiên cao nhất cho đất quốc phòng, an ninh;
- Ưu tiên thứ hai cho xây dựng các cơ sở thương mại, dịch vụ;
- Ưu tiên thứ ba cho xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp;
- Ưu tiên thứ tư cho xây dựng đô thị;
- Trong lĩnh vực nông nghiệp, ưu tiên cho xây dựng cơ sở sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hóa nông nghiệp trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao (nhất là ưu tiên cho chăn nuôi bò sữa công nghệ cao; trồng rau sạch công nghệ cao), sản xuất nông nghiệp tập trung.
- Hàng năm cần thực hiện thống kê sử dụng đất, sau năm 2020 cần lập quy hoạch sử dụng đất KKTCK Móng Cái đến năm 2030.
- Chế tài: Đất nông nghiệp chuyển sang đất chuyên dùng khác, bị bỏ hoang trên 3 tháng, thì cơ quan sử dụng đất phải chịu phạt theo giá trị của hoa lợi sinh ra trong các tháng bỏ hoang đó. Tiền phạt nộp vào tiền thu ngân sách địa phương trên địa bàn.

VI. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Định hướng phát triển và bảo vệ môi trường

1.1. Quan điểm và mục tiêu bảo vệ môi trường

Khai thác sử dụng tài nguyên đất: Tỷ lệ đất nông nghiệp ở KKTCK Móng Cái sẽ giảm từ 70,4% năm 2013 xuống 67,3% vào năm 2020. Tỷ lệ đất công nghiệp sẽ tăng từ 2% lên 6%, còn tỷ lệ đất rừng (bao gồm đất chưa sử dụng) sẽ giảm còn 43%. Tỷ lệ đất ở sẽ tăng từ 9% lên 14%.

Đa dạng sinh học: Độ che phủ vẫn duy trì ở mức cao. tổng thể tác động

đối với đa dạng sinh học của khu dự kiến không lớn.

Thực hiện Quyết định số 2149/2009/QĐ-TTg ngày 17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ duyệt Chiến lược Quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, tầm nhìn 2050. *Xử lý nước thải* thực hiện theo thông tư số: 09/2009/TT-BXD, ngày 21/5/2009.

1.2. Nhiệm vụ bảo vệ môi trường

Chính sách môi trường của Móng Cái trong tương lai tập trung vào một số thách thức ngắn hạn như xói mòn đất, ô nhiễm nước và ô nhiễm không khí. Thách thức trung hạn chính gồm thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu và tăng cường hiệu suất sử dụng tài nguyên thông qua Giải pháp KCN sinh thái KKTCK Móng Cái. Cùng với đó, KKTCK Móng Cái cần triển khai một chiến lược quản lý chất thải toàn diện.

1.3. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

- **Đất:** Để chống xói mòn đất, chính quyền có thể tiến hành nhiều biện pháp, cụ thể:

Giáo dục nâng cao nhận thức: Các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản của Việt Nam và nước ngoài có thể tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho nông dân về những tập quán canh tác xanh tiên tiến nhất và tác động của việc tích trữ quá nhiều hoặc chặn thả quá mức ảnh hưởng đến lợi nhuận của nhà nông trong trung và dài hạn.

Luật định: Chính quyền thành phố hoặc huyện có thể quy định bắt buộc áp dụng một số tập quán canh tác xanh nhất định, như tần suất luân canh trên một ha.

Phạt hành chính và các biện pháp chế tài khác: Nếu các nỗ lực tuyên truyền nâng cao nhận thức và luật định không đem lại hiệu quả mong muốn, có thể áp dụng phạt hành chính và các biện pháp chế tài khác đối với những hộ nông dân áp dụng tập quán canh tác làm tình trạng xói mòn đất trở nên xấu đi.

- **Môi trường nước:** Cần xây dựng nhà máy xử lý nước cho KKTCK Móng Cái để đáp ứng nhu cầu xử lý lượng nước thải gia tăng. Việc xây dựng nhà máy xử lý nước thải đã được đề cập trong Quy hoạch Môi trường Tỉnh Quảng Ninh. Dự án đáng lẽ phải được khởi động trong năm 2014. Tuy nhiên, bản Quy hoạch Môi trường Tỉnh Quảng Ninh không chỉ rõ chi phí xây dựng và công suất của nhà máy này.

- **Môi trường không khí:** Để giảm thiểu ô nhiễm không khí, KKTCK Móng Cái có thể thiết lập các khu vực có mức phát thải thấp ở các khu vực dân cư và du lịch then chốt như bãi biển Trà Cổ. Các khu vực có mức phát thải thấp này sẽ giúp giảm ô nhiễm không khí, trong khi không phải giảm lưu lượng xe cộ phục vụ các hoạt động thương mại nói chung. Các khu vực có

mức phát thải thấp còn tạo động lực để người dân mua sắm các loại phương tiện xe cộ sạch hơn. Theo dự báo trong Quy hoạch tổng thể môi trường của Móng Cái, đến năm 2020 KKTCK Móng Cái sẽ đối mặt với tình trạng ô nhiễm không khí nghiêm trọng đặc biệt là bụi và SO₂ dẫn tới mưa axit và NO₂ kéo theo sương mù. Do vậy những biện pháp kể trên càng có vai trò thực sự cần thiết.

Bên cạnh đó, KKTCK Móng Cái cũng nên cân nhắc thiết lập quan hệ hợp tác bảo vệ môi trường không khí qua biên giới với Đông Hưng và tỉnh Quảng Tây để làm giảm ô nhiễm không khí ở khu vực biên giới. Các hoạt động hợp tác bao gồm trao đổi các thông lệ tốt nhất trong ngành công nghiệp và nông nghiệp, cũng như cùng đặt ra các mục tiêu giảm ô nhiễm không khí chung.

Ngoài ra, theo Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 12-5-2010 phê duyệt Quy hoạch Phát triển Cụm công nghiệp tỉnh Quảng Ninh, cần xây dựng và đầu tư nâng cấp năng lực của hệ thống giám sát môi trường tại KKTCK Móng Cái. Với hệ thống giám sát môi trường, tình hình chất lượng môi trường có thể được đánh giá kịp thời, chính xác và sẽ được kiểm soát chặt chẽ cũng như mức độ ô nhiễm không khí, nước, tiếng ồn và tác động đến môi trường xung quanh.

2. Hệ thống thu gom, và xử lý chất thải rắn

2.1. Định hướng chung về quy hoạch phát triển và phân bổ hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn

Chất thải rắn đô thị thu gom tại KKTCK Móng Cái được chôn lấp tại xã Quảng Nghĩa. Công suất xử lý của bãi chôn lấp hiện nay đạt ~95-150 tấn/ngày. Hiện KKTCK Móng Cái đang chờ nhà máy xử lý chất thải rắn được hoàn thiện và đi vào hoạt động. Ước tính nhà máy này sẽ hoàn thành vào tháng 6/2015. Nhà máy xử lý rác thải bằng công nghệ xử lý phân vi sinh để tái chế chất thải. Nhà máy xử lý rác thải cho Hải Hà, dự kiến bố trí ở xã Quảng Thành.

2.2. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

Trong khi tình hình chất thải tại KKTCK Móng Cái ngày càng trở nên trầm trọng, thành phố đã triển khai các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trọng điểm để giải quyết các thách thức này. Một lò đốt rác thải có thể thay thế cho nhà máy xử lý chất thải.

2.3. Các giải pháp

Ngoài các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư nói trên, các giải pháp hỗ trợ phòng chống rác thải cũng được đề xuất để giảm thiểu lượng phát thải trong tương lai gần: *Các chiến dịch và cuộc thi nâng cao nhận thức; Chính sách về thùng rác nơi công cộng; Phạt hành chính và biện pháp chế tài khác; Tăng cường giám sát, thanh tra việc thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn.*

3. Chương trình hành động bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

Giải pháp	Thời gian
1. Chống xói mòn đất (cung cấp kiến thức cho người nông dân, xử phạt)	9 tháng
2. Xây dựng nhà máy xử lý nước	19 tháng
3. Thành lập các khu phát thải thấp (LEZ)	1 năm
4. Hợp tác bảo vệ môi trường với Đông Hưng và Quảng Tây	10 tháng
5. Giảm nhẹ biến đổi khí hậu – Khoanh vùng các khu rừng cần được bảo vệ và bảo tồn	1 năm
6. Giảm nhẹ biến đổi khí hậu – Đánh giá xu hướng khí hậu trong tỉnh Quảng Ninh như mực nước biển, lượng mưa, lũ lụt	Liên tục
7. Xây dựng khu công nghiệp sinh thái	1 năm
8. Các biện pháp ngăn chặn rác thải	9 tháng
9. Xây dựng nhà máy xử lý chất thải	1 năm

VII. ĐỊNH HƯỚNG CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI**1. Quan điểm hợp tác**

(1). Trong hoạt động kinh tế đối ngoại, phải chú trọng đảm bảo độc lập tự chủ, chủ quyền, an ninh và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi.

(2). Các hoạt động kinh tế đối ngoại của Móng Cái và Đông Hưng phải đặt trong khuôn khổ chung của các hợp tác kinh tế song phương Việt Nam-Trung Quốc. Đối với từng vấn đề hợp tác, hai bên cần đối thoại trên cơ sở vì lợi ích tổng thể của quan hệ kinh tế thương mại song phương, trên tinh thần hữu nghị, bình đẳng cùng có lợi.

(3). Thúc đẩy hợp tác để tận dụng lợi thế, cơ hội phát triển kinh tế, gia tăng lợi ích kinh tế; kết hợp hài hòa sự phát triển của địa phương mình với các vùng kinh tế có liên quan; chú trọng gắn hợp tác kinh tế đối ngoại với đảm bảo sự bền vững kinh tế - xã hội - an ninh - môi trường của mỗi bên.

2. Mục tiêu hợp tác

(1). Phát triển kinh tế đối ngoại mạnh mẽ để thúc đẩy phát triển toàn diện kinh tế-xã hội của thành phố Móng Cái, nhất là trong các lĩnh vực thương mại, du lịch, dịch vụ, đầu tư.

(2). Thông qua hoạt động kinh tế đối ngoại nâng cao vị thế của thành phố Móng Cái; đưa thành phố trở thành một trong những địa phương đi đầu về hội nhập kinh tế quốc tế.

(3). Hướng tới hoàn thành một số chỉ tiêu kinh tế đối ngoại cụ thể trong thời gian đến năm 2020 như: Kim ngạch xuất khẩu qua các cửa khẩu của Móng Cái đạt 7-8 tỷ USD; Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu qua biên giới tăng bình quân tăng 14%-15%/năm ...

3. Một số định hướng, giải pháp ưu tiên

Đề tận dụng được tiềm năng, lợi thế, vượt qua các Hạn chế và khó khăn thách thức, đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế, trong thời gian tới, KKTCK Móng Cái cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ chủ yếu dưới đây.

(1). Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đối ngoại địa phương nói chung và kinh tế đối ngoại nói riêng. Theo đó, tiếp tục chỉ đạo xây dựng Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm; tiếp tục thực hiện nghiêm theo các quy định về thống nhất quản lý các hoạt động đối ngoại theo Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ, làm cơ sở để tập trung thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại của địa phương, theo cơ chế phân công phân nhiệm rõ ràng.

(2). Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại, nhất là đối ngoại kinh tế. Theo đó, Bộ phận Ngoại vụ là đầu mối thu thập các thông tin về kinh tế, chính trị, các cơ chế chính sách của phía Trung Quốc, từ đó đưa ra những nhận định, dự báo để kịp thời tham mưu đề xuất với thành phố, tỉnh, trung ương có những chủ trương, chính sách đối ngoại thích hợp khi tình hình thay đổi.

(3). Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, thương mại và quảng bá du lịch; xây dựng chương trình xúc tiến kinh tế đối ngoại hàng năm tại các thị trường trọng điểm, thực hiện các hoạt động chuẩn bị tài liệu kêu gọi đầu tư và quảng bá du lịch. Đồng thời, chú trọng phối hợp cùng với thành phố Đông Hưng và Khu Phòng Thành (Trung Quốc) tạo điều kiện tuyên truyền, quảng bá các chương trình, dự án kêu gọi đầu tư và các loại sản phẩm, hàng hoá sản xuất tại mỗi địa phương và mỗi nước được bán tại bên kia theo đúng thoả thuận hiện hành giữa 2 nhà nước; đồng thời tạo điều kiện cho nhau tham dự các hội nghị quốc tế về hợp tác kinh tế quốc tế và khu vực; tham gia các cuộc triển lãm về đầu tư, thương mại, du lịch ... được tổ chức ở mỗi bên.

(4). Tăng cường công tác phối hợp quản lý biên giới, bảo đảm các hoạt động kinh tế, thương mại, du lịch qua biên giới phát triển lành mạnh, hợp pháp. Theo đó, xây dựng quy định và tổ chức quản lý tốt biên giới theo Hiệp định quản lý biên giới Việt Nam – Trung Quốc; hợp tác xây dựng các công trình biên giới đã được Chính phủ hai nước phê duyệt, thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của lãnh đạo hai nước, góp phần xây dựng biên giới Việt – Trung ổn định, hoà bình và cùng phát triển ...

(5). Sớm xây dựng và triển khai hiệu quả một số đề án phục vụ thiết

thực hoạt động kinh tế đối ngoại như: Đề án Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác đối ngoại, ngoại giao nhân dân thành phố Móng Cái giai đoạn 2012-2015, tầm nhìn đến năm 2020; Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác đối ngoại địa phương (ở nước ngoài và trong nước) để có chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu hội nhập và có khả năng dự báo, phân tích tình hình và tham mưu hiệu quả trong công tác đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế. . .

(6) Tăng cường ngoại giao quốc phòng nhằm tăng cường sự hiểu biết về mục đích gìn giữ hòa bình, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

(7). Đề giải pháp giải quyết những bất cập trong quan hệ kinh tế - thương mại – đầu tư với Trung Quốc hiện nay, cần hài hòa các thủ tục hải quan thông qua cơ chế phối hợp giữa cơ quan chức năng hai nước.

(8). Đề giảm sự phụ thuộc vào một đối tác và đảm bảo tính cạnh tranh, thì ngoài các giải pháp thúc đẩy quan hệ kinh tế - thương mại, thu hút nguồn vốn, kỹ thuật từ Trung Quốc, cần chú trọng xây dựng các chính sách thúc đẩy quan hệ và thu hút đầu tư từ các nước khác.

(9) Việc đơn giản hóa thủ tục nhập cảnh đối với du khách Trung Quốc liên quan đến vấn đề an ninh quốc phòng và trật tự xã hội (như buôn lậu, lao động, tội phạm xuyên biên giới ...), do đó cần đảm bảo phù hợp với chủ trương, chính sách của ta trong quan hệ với Trung Quốc cũng như các thỏa thuận giữa ta và Trung Quốc về vấn đề này.

(10) KKTCK Móng Cái thuộc sự quản lý hành chính cấp huyện, do đó cần bảo đảm phù hợp với quy định tại Điểm 6, Điều 7 của Nghị định 37/2014/NĐ-CP ngày 5/5/2014 về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

VIII. PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI BẢO VỆ AN NINH QUỐC PHÒNG VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

1. Mục tiêu quốc phòng, an ninh

Tăng cường tiềm lực, lực lượng quốc phòng, an ninh, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân trên địa bàn, xây dựng khu vực phòng thủ địa phương ngày càng vững chắc; phát huy tiềm năng, vị thế của thành phố, của tỉnh, kết hợp chặt chẽ kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh, tạo sức mạnh tổng hợp bảo vệ vững chắc vùng đất, vùng biển, vùng trời, biên giới, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

(1). Đẩy mạnh xây dựng khu vực phòng thủ theo Nghị quyết 28-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chỉ thị 07 của Ban bí thư, Nghị định 152 của Chính phủ; (2). Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng - an ninh; (3). Nâng cao chất lượng xây dựng lực lượng quốc

phòng, an ninh vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; (4). Bổ sung, hoàn chỉnh các quyết tâm, kế hoạch, phương án; (5). Đẩy mạnh công tác an ninh, chủ động phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, các loại tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ.

IX. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUAN TRỌNG, ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Mục này lựa chọn ra một số dự án, trong số những dự án ưu tiên, có tính cấp thiết cao, mang tính chất đột phá cho phát triển. Tiêu chí chính để lựa chọn các dự án với cấp độ ưu tiên cao hơn bao gồm: dự án có tính lan tỏa cao, tác động kinh tế cao và mức độ phức tạp của quá trình triển khai (ví dụ các dự án nằm trong thẩm quyền triển khai của địa phương sẽ được ưu tiên trước).

Theo đó, các dự án ưu tiên chọn lọc trong các ngành kinh tế - xã hội chủ chốt được đề xuất như dưới đây:

1. *Thương mại*: Tổ chức các hoạt động giáo dục và đào tạo về thương mại điện tử cho các doanh nghiệp địa phương, thu hút các nhà đầu tư thương mại điện tử. Vốn tư nhân (ví dụ từ các doanh nghiệp thương mại), kết hợp với một phần từ vốn ngân sách nhà nước nếu cần thiết, giai đoạn 2014-2016.

2. *Du lịch*: Cải thiện trải nghiệm mua sắm, đặc biệt khu vực gần bãi biển Trà Cổ, cụ thể là xây dựng một trung tâm mua sắm dạng outlet. Vốn chủ yếu từ khu vực tư nhân, giai đoạn 2014-2016.

3. *Công nghiệp*: Tập trung thu hút các nhà đầu tư về lĩnh vực ô tô phụ trợ (do quy mô đầu tư nhỏ nhất về mặt tương đối so với tác động tiềm năng tới GDP như đã phân tích ở trên). Phương pháp thu hút nhà đầu tư cũng đã được trình bày rõ trong phần chương trình hành động của ngành công nghiệp. Vốn đầu tư toàn bộ từ khu vực tư nhân, giai đoạn thực hiện 2014-2020.

4. *Nông, lâm, ngư nghiệp*:

- Dự án đột phá ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao (chăn nuôi bò sữa, nuôi trồng hải sản, trồng rau sạch, ..). Vốn: Doanh nghiệp, vốn dân và hỗ trợ từ ngân sách, giai đoạn 2016-2030.

- Dự án đột phá ưu tiên đầu tư phát triển các khu chăn nuôi lợn tập trung theo hướng công nghiệp gắn với vùng an toàn dịch bệnh và đảm bảo môi trường sinh thái, gồm lợn thịt, lợn nái Móng Cái, tập trung ở các xã, phường là vùng chuyên môn hóa (xã Bắc Sơn, Hải Sơn, Hải Tiến, Hải Đông, Hải Xuân, Quảng Nghĩa, Vĩnh Thực, Vĩnh Trung, Quảng Phong¹²). Vốn: Doanh nghiệp, vốn dân, hỗ trợ từ ngân sách. Thực hiện trong giai đoạn 2016-

¹²Xã đảo Cái Chiên ưu tiên cho du lịch, đề nghị không bố trí là vùng chăn nuôi lợn tập trung

2020 và 2021-2030.

- Xây dựng các mô hình nuôi trồng thủy sản thâm canh, vùng sản xuất tập trung, nông thôn mới theo hướng sản xuất tập trung, công nghệ cao, sản phẩm sạch. Vốn: Ngân sách nhà nước, giai đoạn 2016-2020.

5. *Phát triển nguồn nhân lực*: Thu hút nhân lực từ nơi khác tới làm việc tại KKTCK Móng Cái thông qua các biện pháp cụ thể như hợp tác với các công ty nhân sự, quảng bá và tổ chức các sự kiện việc làm. Vốn: Ngân sách nhà nước, có thể kêu gọi đóng góp của các công ty tư nhân đang có nhu cầu tìm kiếm nhân sự trong KKT, giai đoạn 2014 – 2020

6. *Giáo dục và đào tạo*: Thành lập các sở dạy nghề công-tư để phục vụ nhu cầu đào tạo của các doanh nghiệp trong KKT. Vốn kết hợp giữa ngân sách nhà nước và doanh nghiệp tư nhân, giai đoạn 2014-2020.

7. *Y tế*: Cải thiện chương trình thu hút bác sỹ – chuyển từ trợ cấp tiền mặt sang hỗ trợ mua nhà.

8. *Kết cấu hạ tầng*:

- Tuyến đường dẫn từ cầu Bắc Luân II thuộc quy hoạch vành đai III của thành phố Móng Cái giai đoạn I nối đến đường tỉnh lộ 335 (đầu vào điểm cuối dự kiến của đường cao tốc Hạ Long - Móng Cái) đã được phê duyệt hướng tuyến và cắm mốc lộ giới. Vốn: Ngân sách nhà nước, giai đoạn 2015-2020.

- Dự án đường Cao tốc Nội Bài - Hạ Long và Hạ Long - Móng Cái theo như được phê duyệt tại Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 25/2/2013. Vốn Ngân sách Nhà nước, ODA, hoặc thông qua hình thức PPP.

- Đẩy nhanh tiến độ Dự án xây dựng cầu Bắc Luân II được đầu tư theo chủ trương của Chính phủ và kết quả đàm phán với Trung Quốc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tại Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 24/01/2011.

- Kéo điện lưới ra đảo Cái Chiên, vốn Ngân sách nhà nước, giai đoạn 2016-2020.

- Nâng cấp nhà máy nước thị trấn Quảng Hà; Xây dựng nhà máy nước Quảng Minh (80.000m³/ngày đêm). Xây dựng các trạm cấp nước sạch xã Quảng Minh, Quảng Phong, Cái Chiên. Vốn ngân sách nhà nước, giai đoạn 2014-2020.

PHẦN THỨ BA: CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỔNG THỂ

1. Vốn đầu tư

1.1. Yêu cầu vốn đầu tư

Nhu cầu vốn đầu tư cho KKTCK Móng Cái được ước theo hai cách.

Cách thứ nhất là tính toán từ trên xuống dựa trên Hệ số sử dụng vốn (Incremental Capital Output Ratio - ICOR).

Cách thứ hai là kiểm tra chéo tính toán từ dưới lên (bottom-up) dựa trên chi phí đầu tư cho các dự án ưu tiên từ từng ngành kinh tế xã hội: công nghiệp, thương mại, du lịch, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, y tế và giáo dục. Như thảo luận ở trên, đã xác định các giải pháp ưu tiên cho các ngành tại KKTCK Móng Cái để triển khai theo thứ tự nhằm hiện thực hóa các mục tiêu phát triển.

Hai phương pháp tính toán cho thấy KKTCK Móng Cái cần khoảng 5,5 – 6 tỷ USD¹³ cho đến năm 2020 để thực hiện được mục tiêu tăng trưởng trong các ngành. Tuy nhiên, trong số này, có khoảng 3,7 tỷ USD là một phần trong chương trình của các dự án của quốc gia và tỉnh Quảng Ninh (ví dụ: dự án đường cao tốc Nội Bài – Hạ Long – Móng Cái, cầu Bắc Luân II, dự án mạng lưới đường ven biển – *xem chi tiết thêm trong phần Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng phía trên*). Các dự án lớn này có ảnh hưởng rất quan trọng để đảm bảo việc thực hiện các mục tiêu phát triển của KKTCK Móng Cái, tuy nhiên việc huy động vốn cho các dự án này về cơ bản thuộc về trách nhiệm của tỉnh Quảng Ninh và Chính phủ (đối với dự án tầm quốc gia) và các dự án thuộc trách nhiệm của tỉnh Quảng Ninh theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 2622/QĐ-TTg năm 2013. Do vậy, tuy là đòn bẩy quan trọng để phát triển kinh tế, nhưng phần 3,7 tỷ USD này sẽ không bị lặp lại khi tính toán lượng vốn thực tế mà KKTCK Móng Cái cần phải tự huy động.

Tóm lại, *lượng vốn toàn diện* cần cho sự phát triển của KKTCK Móng Cái là khoảng 5,5-6 tỷ USD, và *lượng vốn đầu tư thực tế* mà thuộc trách nhiệm huy động của địa phương là khoảng 1,8 tỷ USD tính đến năm 2020, tức là trung bình khoảng 300 triệu USD mỗi năm. Chi tiết trình bày trong phụ lục, đính kèm theo.

1.2. Giải pháp huy động vốn đầu tư

1.2.1. Nguồn cấp vốn

Dựa trên Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đã được phê duyệt, tỉnh sẽ cần hơn 40 tỷ USD vốn đến năm 2020, trong đó các nguồn cấp vốn chính là đầu tư nước ngoài (~60%), ngân sách nhà nước (~10%), vay ngân hàng cho các lĩnh vực công (~17%), phần còn lại huy động

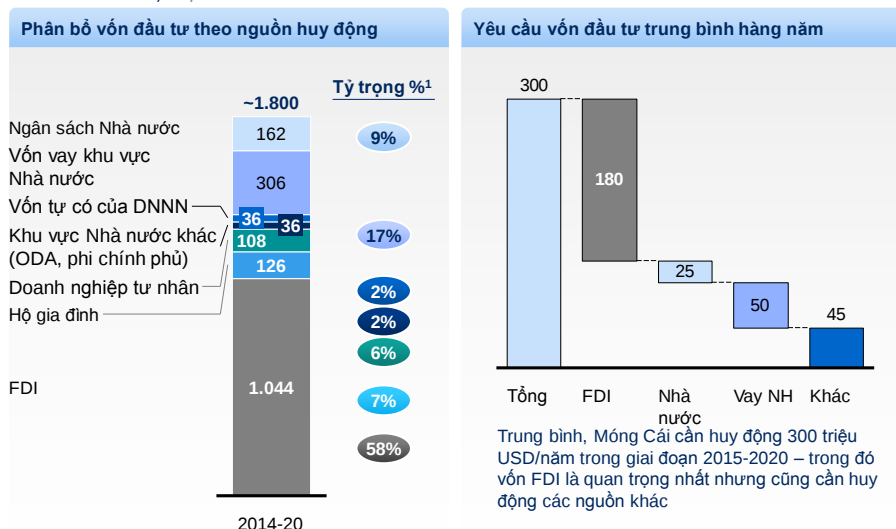
¹³Tất cả các nhu cầu đầu tư ở đây dựa trên giá cơ sở năm 2010

rải rác từ các doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình và các nguồn khác (ODA, vay từ các tổ chức phi chính phủ). Cơ cấu nguồn vốn này là kết quả dự đoán từ cơ cấu nguồn vốn chi tiết trước đây do tỉnh cung cấp.

Do KKTCK Móng Cái không có phân tích chi tiết nguồn vốn trước đây cho toàn nền kinh tế của khu kinh tế, nên khi áp dụng cơ cấu vốn của tỉnh Quảng Ninh cho KKTCK Móng Cái sẽ đưa ra kết quả dưới đây:

UBND, Ban Xúc tiến Đầu tư (IPA) và Đơn vị Triển khai của KKTCK Móng Cái phải ưu tiên thu hút đầu tư FDI có sự hỗ trợ của chính quyền tỉnh QN

Giá so sánh 2010; Triệu USD



¹ Theo tỷ lệ của Quảng Ninh lấy từ Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, với tầm nhìn đến năm 2030 đã được duyệt
 Nguồn: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh, Phân tích của tổ tư vấn

1.2.2. Các giải pháp thu hút đầu tư tư nhân

Như đã phân tích, KKTCK Móng Cái cần đặt mục tiêu huy động thêm rất nhiều vốn từ khu vực tư nhân để có thể triển khai các giải pháp phát triển. Điều này buộc chính quyền địa phương phải cung cấp khuôn khổ luật định hiệu quả và các đòn bẩy hỗ trợ nhằm thu hút đầu tư thành công. Đây rõ ràng là một lĩnh vực mà KKTCK Móng Cái cần tập trung nỗ lực và nguồn lực để giảm bớt sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước.

Sau khi cân nhắc các ví dụ chuyển đổi thành công trong thu hút đầu tư trên khắp thế giới, đã rút ra được bốn ý tưởng lớn mà KKTCK Móng Cái nên áp dụng để huy động vốn tư nhân. Dưới đây là mô tả chi tiết từng giải pháp.

(a) Tạo môi trường thân thiện cho doanh nghiệp và một xã hội hiện đại và văn minh

Một môi trường thân thiện với doanh nghiệp bao gồm 6 yếu tố cơ bản

- Dễ dàng hoạt động kinh doanh: xây dựng một môi trường kinh doanh thân thiện và hiệu quả, thúc đẩy hiện diện của các doanh nghiệp, bao gồm các chính sách thuế ưu đãi, các gói hỗ trợ tài chính...

- Các quy tắc và quản trị minh bạch: triển khai những quy định thân thiện với doanh nghiệp và khuyến khích các hoạt động kinh doanh
- Hệ thống pháp lý ổn định và hiệu quả: cải cách các quy định hiện hành và điều chỉnh các thủ tục pháp lý nhằm cải thiện khả năng cạnh tranh cũng như tăng niềm tin của nhà đầu tư
- Văn hóa/chất lượng cuộc sống: cải thiện chất lượng cuộc sống, bảo đảm các nhu cầu cơ bản và có đủ các dịch vụ sinh hoạt và giải trí
- Lao động có trình độ: phát triển một lực lượng lao động dồi dào với chất lượng cao (lao động địa phương hoặc nhập cư)
- Chăm sóc sức khỏe: cung cấp các cơ sở và dịch vụ y tế đầy đủ để thu hút du khách quốc tế và người nước ngoài đến làm việc

(b) Tạo ra một hệ thống tổng thể ngành sẵn sàng đi vào hoạt động

Điều này bao gồm ba nhóm điều kiện hỗ trợ quan trọng từ chính quyền địa phương:

- Cung cấp hạ tầng và năng lực vận tải quy mô lớn nhằm tăng cường kết nối với bên ngoài và nội bộ khu kinh tế
- Phát triển năng lực thông tin và truyền thông trong khu kinh tế
- Đảm bảo cung cấp điện nước đầy đủ và ổn định trong khu kinh tế

(c) Thành lập một cơ quan thu hút và triển khai đầu tư để đảm bảo chất lượng đầu tư của các khoản đầu tư đã cam kết và được triển khai

Cơ quan này sẽ có nhiệm vụ phát triển kinh doanh, quản lý hành chính và xúc tiến thu hút nhà đầu tư, đặc biệt trong các ngành kinh tế như các doanh nghiệp thương mại và công nghiệp.

Việc thành lập IPA cho KKTCK Móng Cái là hoàn toàn cần thiết mặc dù tỉnh Quảng Ninh đã có cơ quan IPA riêng của tỉnh. Lí do chính là:

- Cần có một đơn vị IPA chuyên biệt để tập trung phát triển định hướng thu hút đầu tư và thiết kế các hoạt động xúc tiến riêng cho KKTCK Móng Cái
- Đảm bảo đủ nguồn lực để có tiếp thể tiếp cận hết các nhà đầu tư tiềm năng
- Tạo ra một tiếng nói đại diện chung với các nhà đầu tư cho KKTCK Móng Cái

Tuy nhiên, cần lưu ý ở đây rằng, Quy hoạch và định hướng phát triển cho KKTCK Móng Cái phải thống nhất với Quy hoạch và định hướng phát triển của tỉnh Quảng Ninh, do vậy hoạt động của cơ quan IPA Móng Cái cũng phải thống nhất và có sự phối hợp chặt chẽ với cơ quan IPA hiện tại của tỉnh.

1.3. Chương trình hành động về huy động vốn đầu tư

Khoảng 60% lượng vốn đầu tư mà KKTCK Móng Cái cần huy động là từ nguồn vốn FDI, do đó đây có thể coi là nguồn vốn cần được ưu tiên nhất để tập trung huy động. Tiếp theo là các loại hình vốn khác như vốn đầu tư công, vốn ODA, vv.

Tóm tắt về chương trình hành động để thu hút vốn đầu tư được trình bày như bảng dưới đây. Phần chi tiết được nêu trong phần phân tích theo từng loại hình nguồn vốn ở dưới.

Tóm tắt chương trình hành động thu hút vốn đầu tư

Loại hình vốn	Các bước giải pháp	Đầu mối chịu trách nhiệm
<i>Vốn FDI, vốn từ các doanh nghiệp tư nhân</i>	- Đẩy nhanh thành lập cơ quan xúc tiến đầu tư IPA và Đơn vị triển khai - Tiếp cận các nhà đầu tư tiềm năng đã được sàng lọc - Quảng bá cơ hội đầu tư ở KKTCK Móng Cái tại các sự kiện xúc tiến - Làm việc với các nhà đầu tư tiếp cận được để đi đến kết quả đầu tư chính thức - Tiếp tục sàng lọc và tìm kiếm các nhà đầu tư tiềm năng mới	- UBND thành phố Móng Cái và huyện Hải Hà, hoặc cơ quan quản lý mới chuyên biệt của KKTCK Móng Cái - IPA và Đơn vị triển khai sẽ là đầu mối trực tiếp thực hiện các hoạt động xúc tiến, tiếp cận với các nhà đầu tư
<i>Vốn ODA</i>	- Xây dựng đề án thu hút đầu tư cho từng dự án - Kêu gọi sự hỗ trợ từ tỉnh Quảng Ninh trong việc tiếp cận với các tổ chức tài trợ - Tiếp tục nghiên cứu và chỉnh sửa các phân tích triển khai dự án theo yêu cầu và thỏa thuận với các nhà tài trợ có quan tâm	Tương tự như trên
<i>Vốn từ ngân hàng và các tổ chức tài chính</i>	- Xây dựng đề án thu hút đầu tư cho từng dự án, đặc biệt chú ý phân phân tích tài chính và kế hoạch thu hồi vốn cho ngân hàng - Kêu gọi sự hỗ trợ từ tỉnh Quảng Ninh trong việc tiếp cận với các ngân hàng và tổ chức tài chính - Tiếp tục nghiên cứu và chỉnh sửa các	Tương tự như trên

	phân tích triển khai dự án theo yêu cầu đề đi đến quyết định cấp vốn	
<i>Vốn từ khu vực công, ngân sách nhà nước</i>	- Xác định cụ thể nguồn ngân sách xin đề xuất cấp thêm. Xây dựng đề án cụ thể cho nguồn ngân sách xin tăng thêm - Nếu việc xin tăng chi ngân sách là khó khả thi hơn, có thể xin đề xuất ban hành cơ chế đặc thù từ Chính phủ để tăng cường nguồn lực từ khu vực công	Tương tự như trên

Để thu hút được đủ nguồn vốn đầu tư, KTKCK cần có cách tiếp cận riêng biệt cho từng loại hình vốn đầu tư. Cụ thể như sau:

Với loại hình vốn đầu tư tư nhân (bao gồm vốn FDI và từ các doanh nghiệp tư nhân)

Tính đến tầm quan trọng đặc biệt và quy mô của lượng vốn FDI cần huy động, đây là lĩnh vực mà KTKCK Móng Cái có thể bắt đầu thực hiện ngay từ bây giờ để đạt được mục tiêu huy động đủ vốn đầu tư là:

Bước đầu tiên quan trọng nhất là lập tức đẩy nhanh việc thành lập Cơ quan xúc tiến đầu tư riêng (IPA) và Đơn vị triển khai cho KTKCK Móng Cái. Đây là điểm khởi đầu then chốt để thực hiện các hoạt động thu hút đầu tư có bài bản và hiệu quả.

Các hoạt động cụ thể có thể được tiến hành ngay của cơ quan IPA và Đơn vị triển khai trong việc thu hút vốn FDI và vốn từ các doanh nghiệp tư nhân về cơ bản là:

- *Bước một:* Cần phải tiếp cận một cách có hệ thống và hiệu quả tới các nhà đầu tư tiềm năng trong các ngành kinh tế ưu tiên. Danh sách các nhà đầu tư chiến lược tiềm năng cho KTKCK Móng Cái đã được nêu ra trong Phụ lục 26 của Báo cáo quy hoạch, bao gồm hơn 250 công ty từ các khu vực khác nhau trên thế giới cũng như trong nước. Việc tiếp cận này cần phải được tiến hành càng sớm càng tốt, muộn nhất cần phải hoàn thành trong vòng 2-3 tháng sau khi Quy hoạch này được phê duyệt.

- *Bước hai:* Quảng bá về cơ hội đầu tư tại KTKCK Móng Cái thông qua các hội nghị hay sự kiện xúc tiến đầu tư trong nước và quốc tế. Tài liệu dùng để quảng bá đầu tư trong các sự kiện này đã được chuẩn bị và bàn giao, tập dượt cho cán bộ KTKCK Móng Cái.

- *Bước ba:* tiếp tục thảo luận và quảng bá với các nhà đầu tư đã liên lạc được, cùng hợp tác đến khi đi đến quyết định đầu tư chính thức

Song song với các bước thu hút đầu tư nêu trên, cơ quan IPA của KTKCK Móng Cái phải liên tục và thường xuyên tìm kiếm thêm các nhà đầu tư tiềm năng mới để tiếp cận. Việc cập nhật và tìm kiếm này đã được đưa vào

và bàn giao trong mô hình sàng lọc các nhà đầu tư tiềm năng, trong đó lần sàng lọc đầu tiên đã đưa ra danh sách các nhà đầu tư tiềm năng đầu tiên của hơn 250 công ty như Phụ lục 26 trong Báo cáo tổng hợp.

Với loại hình vốn đầu tư công:

Theo như phân tích phía trên, tính đến năm 2020 KKTCK Móng Cái cần khoảng 160 triệu USD từ Ngân sách nhà nước, tức là khoảng hơn 25 triệu USD mỗi năm. Mức vốn này cao hơn chỉ tiêu ngân sách hiện tại của địa phương (khoảng 10 triệu USD mỗi năm). Để thu hẹp khoảng cách này, địa phương cần có kế hoạch đề xuất xin tăng chi ngân sách, hoặc đề xuất một số cơ chế chính sách đặc thù như trước đây để đảm bảo tăng cường nguồn lực từ Ngân sách nhà nước cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.

Bước then chốt đầu tiên là đẩy nhanh hoàn thiện và phê duyệt Quy hoạch này. Tiếp theo là chủ động đề xuất và thống nhất cụ thể với chính quyền tỉnh Quảng Ninh cũng như Chính phủ để xin ý kiến và chấp thuận về yêu cầu chi tiêu ngân sách mới, phân bổ các đầu mục chi ngân sách, cũng như một số ưu đãi đặc thù như nêu phía trên.

Ngoài ra, KKTCK Móng Cái có thể chủ động sáng tạo để đề xuất thêm các giải pháp nhằm tận dụng thêm ưu đãi từ nguồn ngân sách công, ví dụ như xin tăng thu phí cầu đường hoặc các địa điểm du lịch mới đang nằm trong kế hoạch. Tuy nhiên việc này cần được cân nhắc và phân tích kỹ lưỡng khi nghiên cứu từng dự án để cân đối với rủi ro là có thể làm giảm lượng khách du lịch hoặc lưu lượng hàng hóa vận chuyển.

Đơn vị đầu mối và có trách nhiệm trong các hoạt động tăng cường nguồn lực đầu tư từ khu vực công là cơ quan quản lý trực tiếp và có thẩm quyền của KKTCK Móng Cái – theo như phân tích ngay dưới đây thì phương án tối ưu nhất chính là UBND thành phố Móng Cái mới sau khi đã sáp nhập 9 xã của huyện Hải Hà, đồng thời cũng chính là cơ quan đứng đầu trực tiếp quản lý KKTCK Móng Cái.

Với loại hình vốn ODA

Để thu hút vốn ODA có hiệu quả, KKTCK Móng Cái cần xây dựng các kế hoạch rõ ràng và tinh giản để tiếp cận và đề xuất với các tổ chức cấp vốn ODA tiềm năng. Bản đề xuất phải được chuyên biệt hóa nhằm chỉ rõ lý do tại sao lĩnh vực và khu vực đầu tư như KKTCK Móng Cái lại phù hợp với định hướng hỗ trợ của từng tổ chức. Ví dụ, các tổ chức từ Na Uy và Canada thường hay hỗ trợ ODA cho lĩnh vực y tế và giáo dục, đặc biệt là cho phụ nữ và trẻ em. Nhật Bản thì thường hỗ trợ về lĩnh vực cơ sở hạ tầng với một mức độ hợp tác nhất định với các công ty bản địa của họ trong lĩnh vực chuyên môn kỹ thuật. Hoa Kỳ và Anh Quốc cũng là các quốc gia hỗ trợ nhiều cho lĩnh vực y tế, nhưng cũng đồng thời rất cởi mở cho các đề xuất mô hình PPP để phát triển kinh tế cho khu vực tư, cộng đồng các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tương tự như việc thu hút vốn từ khu vực công, đơn vị đầu mối cho thu hút vốn ODA cũng là cơ quan quản lý về mặt pháp lý của KKTCK Móng Cái, có thể là UBND thành phố Móng Cái sau khi đã sáp nhập 9 xã của Hải Hà và được trao quyền quản lý KKT.

Để thu hút vốn ODA, một số bước cụ thể mà cơ quan IPA và Đơn vị triển khai cần phải thực hiện là:

- Bước một: xây dựng đề xuất về yêu cầu nguồn vốn và chỉ ra lợi ích kinh tế - xã hội của từng dự án trong danh mục, bao gồm quy mô vốn của dự án cần hỗ trợ, mục tiêu của dự án, các kết quả và lợi ích dự kiến từ dự án

- Bước hai: chủ động đề nghị sự hợp tác từ phía tỉnh Quảng Ninh trong việc tiếp cận với các quốc gia, tổ chức quốc tế tài trợ ODA theo thứ tự ưu tiên. Danh sách 5 nhà tài trợ ODA song phương lớn cho Việt Nam bao gồm Nhật Bản, Pháp, Hàn Quốc, Đức và Úc hoặc các tổ chức đa phương như IDA (Hiệp hội Phát triển Quốc tế), Các tổ chức thuộc Liên minh Châu Âu, v.v (Bảng danh sách cụ thể trong Báo cáo tổng hợp)

- Bước ba: tiếp tục chỉnh sửa các phân tích, hệ thống giám sát và kế hoạch triển khai trong dự án theo như thỏa thuận làm việc với các nhà tài trợ để đi đến quyết định đầu tư

Với loại hình vốn vay từ ngân hàng và các tổ chức tài chính

Loại hình vốn vay này do các ngân hàng và tổ chức tài chính cấp cho các dự án mang tầm quốc gia có thể thu hồi vốn như đào tạo nghề (thu hồi vốn từ tiền học phí), xây dựng hạ tầng cầu đường (thu hồi vốn từ tiền thu phí cầu đường). Điểm then chốt khi huy động vốn cho các dự án này là đảm bảo tính khả thi của việc thu hồi vốn đầu tư cho các ngân hàng và Nhà nước. Các bước thu hút loại hình vốn này cụ thể như sau:

- Lập kế hoạch đầu tư cho từng dự án, đặc biệt chú trọng tới phân tích tài chính và kế hoạch thu hồi vốn cho các ngân hàng

- Kêu gọi hỗ trợ từ phía tỉnh Quảng Ninh để tiếp cận ngân hàng và các tổ chức tài chính

- Tiếp tục điều chỉnh phân tích, lịch trả nợ vay và kế hoạch triển khai theo yêu cầu của các tổ chức cho vay tiềm năng để ra quyết định vay vốn ngân hàng.

2. Cơ chế chính sách

2.1. Đề xuất cơ chế chính sách đặc thù

Việc đề xuất cơ chế chính sách đặc thù cần được chính quyền địa phương cân nhắc kỹ lưỡng do bối cảnh hiện tại ở KKTCK đã thay đổi nhiều, và đặc biệt là nguồn lực từ Nhà nước tương đối eo hẹp và khuyến khích giảm sự phụ thuộc vào ngân sách Nhà nước. Hơn nữa, các chính sách đặc thù có

thể chỉ được áp dụng trong thời gian ngắn chứ không phải là một nguồn lực cho trung và dài hạn.

Trước đây, với trường hợp của KKTCK Móng Cái, có hai văn bản pháp luật quy định một số cơ chế ưu đãi đặc thù. Một là Quyết định 675/1996/QĐ-TTg về việc áp dụng thí điểm một số chính sách tại khu vực cửa khẩu Móng Cái. Hai là Quyết định 53/2001/QĐ-TTg về chính sách đối với KKTCK biên giới. Sự ra đời của các cơ chế đặc thù trong các văn bản này (đặc biệt là cơ chế liên quan đến việc đầu tư trở lại từ thu ngân sách của địa phương để phát triển hạ tầng cho KKT) đã giúp KKTCK Móng Cái có sự hồi sinh ấn tượng trong giai đoạn ngắn đó. Tuy nhiên hiện tại các cơ chế đặc thù này đã bị bãi bỏ do sự ra đời của Luật ngân sách mới và Nhà nước giảm bớt các ưu đãi đặc thù với địa phương.

Nếu chính quyền tỉnh Quảng Ninh và KKTCK Móng Cái cần đề xuất một cơ chế chính sách đặc thù với Chính phủ, thì có thể cân nhắc một cơ chế tương tự như Quyết định 53/2001/QĐ-TTg nhưng ở mức độ nhỏ và khả thi hơn. Cụ thể: Để có đủ nguồn lực tài chính đầu tư đột phá phát triển hạ tầng kỹ thuật, trong đó cần hoàn thành sớm, dứt điểm một số hạng mục công trình quan trọng của thành phố, đề xuất Trung ương cho KKTCK Móng Cái được để lại 30-35% thuế thu được trên địa bàn để đầu tư vào kết cấu hạ tầng.

Ngoài ra, cho phép thành phố được huy động nguồn lực đầu tư theo nhiều hình thức khác nhau từ các thành phần kinh tế; được áp dụng hình thức hợp tác công tư - PPP đối với các lĩnh vực về hạ tầng, y tế, giáo dục và các công trình có khả năng thu hồi vốn.

Tuy nhiên, cần phải nhắc lại là việc đề xuất cơ chế chính sách đặc thù cần phải có thêm sự cân nhắc kỹ càng từ chính quyền địa phương, khả năng được chấp thuận từ phía Chính phủ trong tình hình hiện tại.

2.2. Giải pháp về cơ chế chính sách và mô hình tổ chức thực hiện

2.2.1. Mô hình tổ chức hành chính

KKTCK Móng Cái có đặc thù riêng là hình thành dựa trên sự kết hợp của hai đơn vị hành chính riêng biệt là thành phố Móng Cái và 9 xã của huyện Hải Hà. Đây là một trường hợp rất hiếm thấy ở các mô hình KKT trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Nói chung, kinh nghiệm trên thế giới và trong nước cho thấy, dù là sự kết hợp đặc biệt từ hai đơn vị hành chính riêng biệt nhưng KKTCK Móng Cái cuối cùng vẫn nên có một tổ chức lãnh đạo, quản lý hợp nhất thì mới đảm bảo sự hoạt động và phát triển hiệu quả.

Theo định hướng đó, có một số ý tưởng cho mô hình tổ chức hành chính trong tương lai của KKTCK Móng Cái như sau:

Phương án 1: Đề xuất để 9 xã của huyện Hải Hà nằm trọn trong địa giới thành phố Móng Cái, từ đó hợp thành KKTCK Móng Cái theo như quy mô được nghiên cứu trong Quy hoạch này. Sau khi sáp nhập, địa bàn thành

phố Móng Cái được mở rộng về tổ chức và bộ máy quản lý. Để đơn giản hóa và giúp bộ máy này hoạt động có hiệu quả, đặc biệt là có tính thống nhất khi quản lý và triển khai các dự án trên địa bàn, khi này cần đề nghị trao cho UBND thành phố Móng Cái mới thêm chức năng trực tiếp quản lý KKTCK Móng Cái, chứ không cần thành lập một Ban quản lý KKT mới. Điểm mạnh của giải pháp này không những giúp đạt được tính nhất quán trong mô hình tổ chức hành chính cho KKTCK Móng Cái, mà còn mang tính khả thi và đảm bảo chất lượng hoạt động hiệu quả do mô hình tổ chức theo ý tưởng này sẽ được trao quyền và có trách nhiệm đủ lớn.

Phương án 2: Giữ nguyên cấu trúc KKTCK Móng Cái gồm 2 cấu phần: thành phố Móng Cái và 9 xã Hải Hà như hiện tại, tuy nhiên KKT này sẽ được đặt dưới sự quản lý của Ban quản lý KKT. Điểm mạnh của giải pháp này là có sự tham gia đầy đủ của cả 3 đơn vị có liên quan: Móng Cái, Hải Hà và Ban quản lý KKT. Tuy nhiên điểm yếu của nó là tính hiệu quả hoạt động của mô hình có thể không cao vì hai lý do. Một là thẩm quyền của Ban quản lý KKT sẽ không toàn diện như các đơn vị hành chính hoạt động theo Luật Hội đồng nhân dân như thành phố Móng Cái và huyện Hải Hà. Hai là sự tham gia của quá nhiều bên sẽ gây ra chồng chéo, thiếu tính hợp nhất và giải trình rõ ràng trong quá trình hoạt động của KKT.

Tóm lại, phương án tổ chức hành chính tối ưu hơn cho KKTCK Móng Cái trong tương lai nên đưa 9 xã Hải Hà về thành phố Móng Cái, và đơn vị hành chính mới này đồng thời sẽ hoạt động trọn vẹn theo cơ chế của KKTCK Móng Cái như đang được nghiên cứu trong quy hoạch này.

Về mặt cơ cấu tổ chức hành chính, sau khi thống nhất đưa 9 xã Hải Hà về thành phố Móng Cái như Phương án 1 ở trên, có thể cân nhắc đề xuất thành lập mô hình chính quyền đô thị với sự phân quyền và tự chủ cao hơn trong việc tổ chức triển khai thực hiện. Cụ thể, một số ý tưởng cho việc thành lập chính quyền đô thị tại thành phố Móng Cái mới có thể được cân nhắc là:

- Về mô hình quản trị đô thị: trước mắt vẫn giữ mô hình chính quyền 2 cấp và kết cấu quyền lực hiện hành, nhưng gấp rút chuẩn bị chuyển đổi sang mô hình hỗn hợp, và xét đến triển vọng thành lập cấp Quận khi thành phố chuyển lên đô thị loại II, chẳng hạn nội thành hiện tại, khu công nghiệp cảng biển Hải Hà và khu du lịch Trà Cổ-Vĩnh Thực có thể trở thành ba Quận. Khu hợp tác kinh tế song phương có một ban quản lý do UBND Thành phố bổ nhiệm.

- Đề thành phố Móng Cái có đủ nguồn lực tài chính đột phá phát triển hạ tầng, đề nghị Chính phủ cho phép địa phương được giữ lại 30-35% tiền thuế thu trên địa bàn để đầu tư vào các dự án kết cấu hạ tầng quan trọng.

- Đề nghị UBND Tỉnh Quảng Ninh phân cấp cho Móng Cái rộng rãi hơn nữa quyền quản lý hạ tầng kinh tế và xã hội của Thành phố, kể cả quyền thu phí dịch vụ; được quyền rộng rãi trong quan hệ đối ngoại với chính quyền

Đông Hưng và huyện Phòng Thành.

- Đề nghị UBND thành phố Móng Cái xây dựng chiến lược phát triển năng lực cạnh tranh đô thị; có chính sách thu hút nhân tài cả nước về phát triển Móng Cái (chế độ tiền lương, nhà ở); có chính sách phát triển nông nghiệp đô thị.

2.2.1. Mô hình tổ chức thực hiện – Đơn vị triển khai

Mô hình tổ chức thực hiện dựa trên ý tưởng thành lập Đơn vị triển khai được coi là một điểm đột phá quan trọng trong giải pháp thực hiện quy hoạch này. Kinh nghiệm nghiên cứu các KKT thành công khác trên thế giới cho thấy, năng lực tổ chức triển khai là mấu chốt cho sự phát triển trong dài hạn. Trong khi các cơ chế ưu đãi đặc thù có thể được đề xuất áp dụng trong ngắn hạn, nhưng một bộ máy triển khai có năng lực và tổ chức tốt sẽ là chìa khóa để hiện thực hóa các mục tiêu đề ra trong dài hạn.

Giải pháp

Đơn vị triển khai sẽ là cơ chế then chốt để thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của KKTCK Móng Cái đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Đơn vị triển khai thường bao gồm khoảng 20 cán bộ toàn thời gian từ khu vực công, trực tiếp báo cáo lên cấp chính quyền cao nhất. Đơn vị này kết hợp các cấu phần từ cả khu vực công và khu vực tư.

Một Đơn vị triển khai có 3 đặc điểm chính:

- **Được trao quyền:** Quyền quyết định thực sự cho phép đơn vị hành động nhanh và tự chủ – như trong khu vực tư
- **Trách nhiệm:** Chịu trách nhiệm hoàn toàn về công tác triển khai các giải pháp và Chương trình hành động đã thống nhất – như trong khu vực công
- **Giải trình:** Đơn vị triển khai trực tiếp chịu trách nhiệm giải trình về tất cả những thành công hay thất bại trong thực hiện quy hoạch

Cơ sở thực hiện

Đơn vị triển khai là một công cụ mà hiệu quả đã được chứng minh, thuộc khu vực công tại các nước phát triển và đang phát triển, nhằm hỗ trợ đẩy nhanh việc triển khai các chương trình chuyển đổi đầy tham vọng. Một số ví dụ thành công bao gồm Đơn vị Triển khai Thái Lan, PEMANDU của Malaysia, Đơn vị Thúc đẩy Hiệu quả Bhutan (xem chi tiết trong báo cáo quy hoạch tổng hợp).

2.3. Chương trình hành động xây dựng cơ chế chính sách

Những nội dung chính trong chương trình hành động

Có 5 yêu cầu chính đối với Đơn vị triển khai đạt tiêu chuẩn thế giới: Sự minh bạch rõ ràng và được cung cấp đủ nguồn lực, lãnh đạo xuất sắc và chuyên tâm, cơ cấu nhân tài phù hợp, cơ cấu quản trị mạnh, và các công cụ thực hiện

và dữ liệu.

- **Sứ mệnh rõ ràng và được cung cấp đủ nguồn lực:** Một Đơn vị triển khai thành công cần có sứ mệnh rõ ràng để giám sát công tác thực hiện các ưu tiên đã thỏa thuận và không đổi gồm 4-6 ưu tiên quan trọng nhất cũng như phải có đủ nguồn lực để thực hiện cam kết đã đặt ra.
- **Lãnh đạo xuất sắc và chuyên tâm:** Một Đơn vị triển khai thành công cần có lãnh đạo uy tín, cam kết làm việc trọn thời gian tại đơn vị với thành tích hoàn thành công việc xuất sắc (chứ không chỉ giỏi chính sách). Người lãnh đạo phải hiểu cách làm việc của chính phủ nhưng cũng có mối quan hệ hiệu quả với khu vực tư.
- **Cơ cấu nhân tài phù hợp:** Đơn vị triển khai lý tưởng có cán bộ nhân viên từ cả khu vực công và tư, là những người có khả năng giải quyết vấn đề và gây ảnh hưởng xuất sắc, có đam mê tạo nên sự khác biệt và thực hiện công việc.
- **Cơ cấu quản trị mạnh:** Đơn vị triển khai lý tưởng này vừa có quyền tiếp cận lên các lãnh đạo cao nhất cấp thành phố hay quốc gia, cho phép ra quyết định nhanh, đồng thời có thể tiếp cận với các bên liên quan chính cần thiết để thống nhất về mặt chiến lược.
- **Các công cụ thực hiện và dữ liệu:** Đơn vị triển khai thành công sử dụng các công cụ và phương pháp luận xuất sắc để phân tích dữ liệu và quản lý công tác thực hiện. Bao gồm các công cụ như kiểm kê hàng tháng, đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm, công bố trên trang web của đơn vị.

Đơn vị triển khai của KKTCK Móng Cái phải có đủ 5 yêu cầu chính này. Nhiều khả năng Đơn vị triển khai sẽ bao gồm Ban xúc tiến Đầu tư và 6 bộ phận chuyên ngành sau:

- (a) Công nghiệp/Sản xuất chế biến;
- (b) Thương mại;
- (c) Du lịch;
- (d) Đào tạo nghề;
- (e) Cơ sở hạ tầng;
- (f) Phát triển xã hội khác (Y tế, giáo dục, v. v...).

Về vai trò và trách nhiệm của Đơn vị Triển khai, trong trường hợp lý tưởng nhất là KKTCK Móng Cái đặt dưới Ủy ban Nhân dân thành phố Móng Cái sau khi sáp nhập với 9 xã của huyện Hải Hà, Đơn vị Triển khai sẽ là đơn vị báo cáo trực tiếp lên một UBND duy nhất. Theo đó, Đơn vị Triển khai sẽ có chức năng như một phòng ban hiện tại của thành phố (như Tài chính Kế

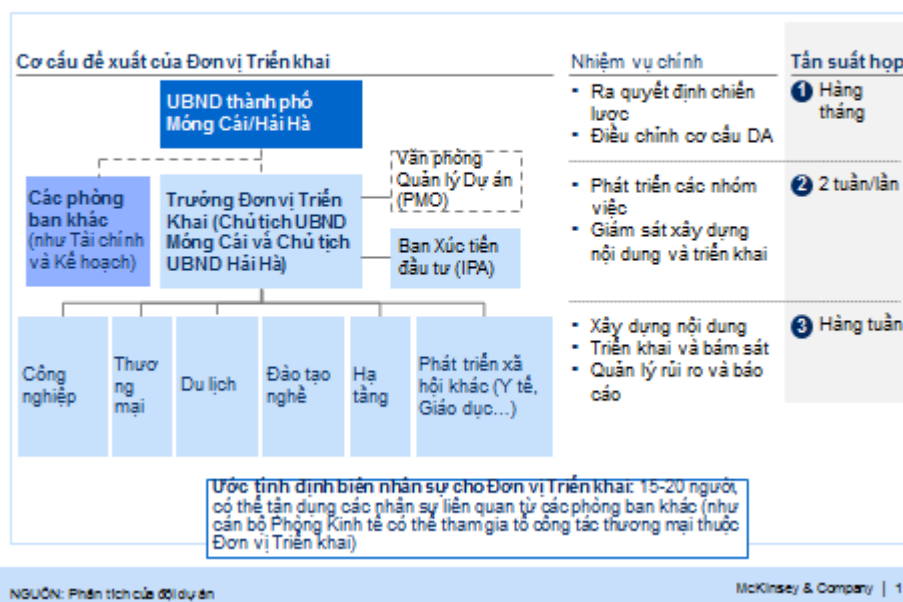
hoạch, Kinh tế, v.v) , tuy nhiên chức năng chuyên trách là triển khai, thực hiện các giải pháp và nhiệm vụ ưu tiên cho trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội. Trong trường hợp này, Đơn vị Triển khai cần tương tác với các phòng ban chức năng khác về mặt chuyên môn và nguồn lực. Nếu việc sáp nhập thành phố Móng Cái với 9 xã của huyện Hải Hà diễn ra, mô hình chi tiết trình bày dưới đây trong hình minh họa sẽ đơn thuần chỉ thay đổi từ hai Trưởng Đơn vị triển khai thành 1 Trưởng đơn vị duy nhất, cụ thể là Chủ tịch UBND Móng Cái sau sáp nhập.

Hàng tháng, các tổ trong đơn vị triển khai sẽ báo cáo lên UBND thành phố Móng Cái và huyện Hải Hà. Chủ tịch UBND thành phố Móng Cái và huyện Hải Hà sẽ đồng chủ trì đơn vị triển khai và quản lý tiến độ của đơn vị triển khai. Lưu ý: Móng Cái và Hải Hà sẽ đồng lãnh đạo Đơn vị triển khai (1 lãnh đạo từ phía Móng Cái và 1 lãnh đạo từ phía huyện Hải Hà) để đảm bảo trách nhiệm và lãnh đạo rõ ràng tất cả các hợp phần của KKTCK Móng Cái.

Hàng quý, các trưởng đơn vị triển khai sẽ họp báo cáo lên các cấp lãnh đạo có thẩm quyền của tỉnh Quảng Ninh (bao gồm Ban Quản lý các Khu kinh tế của tỉnh) để lấy ý kiến phản hồi và thống nhất quan điểm. Hàng năm, phải nộp báo cáo tiến độ đơn vị triển khai lên Thủ tướng.

UBND thành phố, các trưởng đơn vị triển khai và các tổ công tác đều có quyền tiếp cận các kế hoạch triển khai chi tiết, đây là một công cụ phát triển riêng cho KKTCK Móng Cái để theo dõi tiến độ triển khai của từng hợp phần công việc và từng giải pháp ở tầm khái quát. Nếu không thực hiện đúng theo thời hạn đặt ra trong kế hoạch triển khai chi tiết, các hoạt động sẽ được đánh dấu cảnh báo và sẽ vạch ra các bước khắc phục tiếp theo. Văn phòng Quản lý Dự án (PMO) sẽ chịu trách nhiệm chính theo dõi và giám sát tiến độ của các tổ công tác và toàn bộ Đơn vị Triển khai.

Đề xuất xây dựng một Đơn vị Triển khai



Dưới đây là những yếu tố đảm bảo quản lý hiệu quả hoạt động của đơn vị triển khai thành công:

- **Hiểu khó khăn thách thức:** Phải đánh giá và định lượng cẩn thận hiệu quả hoạt động trong quá khứ. Đồng thời phải phân tích những yếu tố thúc đẩy hiệu quả và các hoạt động liên quan.

- **Lập kế hoạch triển khai:** Phải đặt ra chỉ tiêu cụ thể cho công tác thực hiện, ví dụ số nhà đầu tư phải liên hệ mỗi tháng. Mỗi chỉ tiêu thực hiện phải có một Chương trình hành động chi tiết đi kèm.

- **Thúc đẩy công tác triển khai:** Thường xuyên báo cáo tiến độ hoạt động của đơn vị triển khai với công chúng. Hàng tháng đánh giá và giám sát hiệu quả hoạt động nội bộ và báo cáo với những người ra quyết định chính.

Đơn vị triển khai cũng là một ý tưởng tốt để thu hút, khởi động và giám sát các dự án hợp tác công – tư (PPP) lớn, đặc biệt trong lĩnh vực hạ tầng. Có thể thành lập các đội PPP trực thuộc đơn vị triển khai.

Đơn vị triển khai có vai trò thiết yếu trong việc đảm bảo triển khai thành công các chương trình chuyển đổi quy mô lớn đầy tham vọng như quy hoạch tổng thể của KKTCK Móng Cái. Tuy nhiên đơn vị triển khai không phải là giải pháp hoàn hảo cho mọi vấn đề. Ngay cả nếu đơn vị triển khai hoạt động hiệu quả, việc triển khai tổng thể bản quy hoạch có thể gặp nhiều thách thức lớn, thậm chí thất bại.

Chẳng hạn như nếu chính quyền trung ương hoặc tỉnh không tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi, đơn vị triển khai sẽ không thể thay đổi môi trường kinh doanh. Việc này thường đòi hỏi sự hỗ trợ từ phía Trung Ương để giúp đẩy

nh nhanh phát triển cơ sở hạ tầng ở KKTCK Móng Cái, đóng vai trò trọng yếu để KKTCK Móng Cái để hoàn thành các mục tiêu phát triển đầy tham vọng.

Bên cạnh phát triển về cơ sở hạ tầng, tất cả các bên liên quan trên địa bàn cần phối hợp và hỗ trợ các giải pháp chính của đơn vị triển khai để tạo đà thực hiện cần thiết, đặc biệt sự hỗ trợ mạnh mẽ từ phía các lãnh đạo đóng vai trò then chốt.

3. Giải pháp về phát triển khoa học công nghệ, môi trường

3.1. Các định hướng chung

a. Hỗ trợ phát triển các lĩnh vực mũi nhọn, khâu đột phá trong tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Hình thành nhiệm vụ KH&CN, tập trung giải quyết các vấn đề KH&CN liên quan tới phát triển mạnh mẽ một số sản phẩm có lợi thế của thành phố. Xây dựng các quan hệ liên kết KH&CN với các huyện, thị trong Tỉnh và với các địa phương khác trong cả nước.

b. KH&CN hỗ trợ phát triển CN-TTCN: Hình thành nhiệm vụ KH&CN trọng điểm về phát triển Công nghiệp - TTCN phục vụ CNH-HĐH. Khuyến khích và hỗ trợ cho hoạt động đổi mới công nghệ, đặc biệt trong các ngành công nghiệp chế biến sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến. Không nhập các thiết bị có công nghệ lạc hậu cũng như thiết bị gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

c. KH&CN hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, quản lý, bảo vệ tài nguyên và cải thiện môi trường sinh thái

d. KH&CN hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp và nông thôn: Tập trung phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới; Hình thành nhiệm vụ KH&CN trọng điểm về đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp và nông thôn theo hướng sản xuất tập trung, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

e. KH&CN góp phần phát triển xã hội hài hoà với phát triển kinh tế

3.2. Một số chương trình khoa học công nghệ cụ thể

- Đề án tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách KH&CN của Trung ương, của tỉnh

- Đề án xây dựng các chủ trương, chính sách phát triển KH&CN phù hợp với địa phương

- Xây dựng chương trình KH&CN phục vụ ngành du lịch

- Xây dựng cơ chế chính sách đào tạo, tuyển dụng và sử dụng cũng như thu hút và tuyển dụng chất xám đội ngũ trí thức, nhân lực KH&CN

- Đề án nâng cao trình độ của cán bộ quản lý, phát triển KH&CN cấp xã, phường

- Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào hoạt động KH&CN giải quyết các vấn đề liên quan biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững
- Xây dựng chương trình “KH&CN phục vụ điều tra cơ bản, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường”
- Ứng dụng và triển khai công nghệ mới vào xử lý triệt để chất thải, rác thải, nước thải y tế của các bệnh viện và các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố
- Chương trình “KH&CN phục vụ y tế và chăm sóc sức khỏe cho người dân thành phố”
- Nghiên cứu đề xuất triển khai các công nghệ mới trong quản lý giáo dục, công tác dạy học cũng như phương pháp dạy học mới, dạy học từ xa
- Xây dựng chương trình, dự án, đề án KH&CN phục vụ giáo dục đào tạo
- Nghiên cứu và đề xuất các chính sách phát triển nguồn nhân lực
- Xây dựng chương trình, dự án, đề án phát triển nguồn nhân lực KH&CN trên địa bàn thành phố.
- Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ xử lý ô nhiễm, công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường: Có cơ chế khuyến khích các hoạt động chuyển giao công nghệ xử lý ô nhiễm, công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường. Phát triển hệ thống các cơ quan nghiên cứu, triển khai về môi trường.
- Thực hiện chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ xử lý ô nhiễm, công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường nhằm phục vụ đắc lực cho công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường .

4. Nhóm giải pháp về hợp tác vùng, quốc gia, quốc tế

- Hợp tác trong nước:

- + Hợp tác giữa các vùng trong Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái: Hợp tác giữa khu vực thành thị với khu vực nông thôn, trong đó giao cho mỗi khu phố, mỗi cơ quan, nhà máy kết nghĩa với một xã nghèo, với trường học vùng nông thôn, hỗ trợ và cùng chia sẻ những khó khăn về vật chất và động viên tinh thần.
- + Hợp tác với các cửa khẩu Việt Nam giáp với Trung Quốc: Hợp tác với các cửa khẩu dọc theo tuyến hành lang đường 4B tạo thành hệ thống cửa khẩu.
- + Hợp tác với Hải Phòng: Phối hợp phát triển dịch vụ vận tải hàng hoá và kho vận như nhà kho, đóng gói và lưu giữ hàng hóa.
- + Hợp tác với Hà Nội: Hợp tác với Hà Nội để thu hút đầu tư và lao động tay nghề cao; Phát triển giáo dục, đào tạo; Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường.

+ Hợp tác với các tỉnh lân cận và các vùng còn lại của Việt Nam: Khai thác các lợi thế cạnh tranh của tỉnh Quảng Ninh, Móng Cái trong tạo việc làm và kết nối với vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng và các vùng còn lại của cả nước. Đảm bảo, cung cấp dịch vụ thương mại quốc tế kết nối các địa phương khác trong cả nước với Trung Quốc.

- Hợp tác quốc tế:

+ Hợp tác với Đông Hưng và các địa phương khác của Trung Quốc nhằm khai thác thị trường với dân số đông và nền kinh tế đang tăng trưởng mạnh về thương mại, sản xuất, du lịch và thu hút đầu tư. Triển khai hợp tác xây dựng khu hợp tác kinh tế biên giới Móng Cái – Đông Hưng.

+ Đẩy mạnh hợp tác với các bệnh viện lớn của Trung Quốc (Đông Hưng, Phòng Thành, Nam Ninh) để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân địa phương và du khách.

+ Hợp tác với các nước ASEAN: khai thác lợi thế là cửa ngõ giữa Trung Quốc và ASEAN để xây dựng các chiến lược thương mại và du lịch phù hợp với Hiệp định Xuyên Thái Bình dương (TPP).

+ Khai thác khoảng cách địa lý gần gũi, thỏa thuận thương mại tự do, chương trình miễn visa và vị trí là cửa ngõ sang Trung Quốc để thu hút đầu tư và du khách từ các nước ASEAN.

+ Để đảm bảo nguyên tắc kinh tế thị trường, thì thu hút nhà đầu tư phải tuân thủ luật cạnh tranh, phải thu hút các nhà đầu tư từ các vùng lãnh thổ khác nhau, quốc tịch khác nhau, nhằm chống độc quyền cá nhân và độc quyền nhóm trong hoạt động kinh tế.

PHẦN IV: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Kiến nghị hỗ trợ từ phía Chính phủ

1. Cơ chế chính sách đặc thù và mô hình tổ chức hành chính

- Phê duyệt thành lập Đơn vị triển khai với cấu trúc, quyền hạn và trách nhiệm như trình bày ở trên

- Phê duyệt thành lập cơ quan xúc tiến đầu tư IPA riêng cho KKTCK Móng Cái đặt dưới Đơn vị triển khai

- Xem xét đề xuất cho phép KKTCK Móng Cái được giữ lại 30-35% tiền thuế thu được trên địa bàn để đầu tư vào kết cấu hạ tầng

- Về mặt mô hình tổ chức hành chính, xem xét phê duyệt việc đưa 9 xã Hải Hà về chung thành phố Móng Cái, trao quyền quản lý trực tiếp KKTCK Móng Cái cho UBND thành phố Móng Cái mới. Cho phép thí điểm áp dụng Mô hình tổ chức hành chính là chính quyền đô thị trên toàn bộ địa giới Khu

kinh tế cửa khẩu Móng Cái.

2. Du lịch:

- Hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn môi trường và thực thi luật môi trường tại các điểm du lịch chính (như bãi biển Trà Cổ)
- Hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng cấp điện, đặc biệt là kết nối đảo Cái Chiên vào lưới điện Quốc gia
- Cho phép thành lập khu mua sắm miễn thuế
- Cấp chứng nhận quốc gia cho các di tích văn hóa tâm linh quan trọng, tăng cường nêu bật tầm quan trọng của các điểm di tích này tới du khách
- Phân cấp mạnh hơn và tạo điều kiện xử lý thủ tục xuất nhập cảnh miễn phí và nhanh gọn hơn cho du khách Trung Quốc tới KKTCK Móng Cái qua cửa khẩu (như không cần đăng ký với công an địa phương)

3. Thương mại

- Hỗ trợ đàm phán với Trung Quốc về chính sách thương mại khi Hiệp định Thương mại Tự do Trung Quốc - ASEAN có hiệu lực để bảo đảm các hoạt động thương mại dọc biên giới Việt Nam - Trung Quốc không bị đình trệ
- Phê duyệt Đề án các cơ chế vận hành Khu hợp tác kinh tế Móng Cái (Việt Nam) – Đông Hưng (Trung Quốc)
- Hoàn thiện thi công tuyến đường Hạ Long – Móng Cái càng sớm càng tốt để thúc đẩy dòng thương mại giữa Móng Cái, các khu vực khác và các cảng của tỉnh Quảng Ninh cũng như các tỉnh thành khác ở Việt Nam

4. Công nghiệp

- Hỗ trợ thảo luận với nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư đến từ các quốc gia ASEAN và Trung Quốc, đồng thời tổ chức các chuyến tham quan của các đoàn tới KKTCK Móng Cái
- Phê duyệt thêm các chính sách ưu đãi cho KKTCK Móng Cái như cắt giảm thêm thuế thu nhập doanh nghiệp và cá nhân cũng như kế hoạch mở rộng KCN Hải Hà và Hải Yên

5. Nông nghiệp

- Nới lỏng các quy định hạn chế đối với các trang trại có quy mô lớn (từ <1 ha lên xấp xỉ 5 – 50 ha) để đảm bảo lợi thế kinh tế nhờ quy mô và thu hút các doanh nghiệp tư nhân lớn
- Chính phủ hỗ trợ 70% kinh phí mua thiết bị thông tin liên lạc tầm xa (HF), GPS trang bị cho các tàu đánh cá xa khơi, để đủ điều kiện bảo hiểm tai nạn thuyền viên
- Sau khi dự án được phê duyệt Ban quản lý KKTCK Móng Cái tạo

điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư đến nghiên cứu để lập đề án đầu tư tiền khả thi cụ thể và chi tiết.

6. Phát triển xã hội

- Phân bổ nguồn vốn phát triển hệ thống đào tạo nghề, cao đẳng và đại học tại KKTCK Móng Cái để hỗ trợ các ngành mục tiêu

- Phê duyệt các chính sách ưu đãi để thu hút nhân tài về KKTCK Móng Cái tham gia đóng góp phát triển xã hội (như giáo viên và cán bộ đào tạo phục vụ ngành giáo dục và đội ngũ bác sĩ phục vụ ngành y tế)

- Cấp vốn nâng cấp và mở rộng cơ sở hạ tầng xã hội bao gồm trường lớp, bệnh viện và trang thiết bị y tế

7. Môi trường

- Hỗ trợ tài chính và đẩy nhanh phê duyệt xây dựng nhà máy xử lý chất thải như đề xuất

- Hỗ trợ đàm phán với Đông Hưng xây dựng cơ chế bảo vệ môi trường qua biên giới

- Đẩy nhanh phê duyệt KCN sinh thái Hải Yên và hỗ trợ thực hiện phân tích chuyển hóa rác thải thành nguyên liệu chế biến

- Cử một số cán bộ thanh tra môi trường từ tỉnh Quảng Ninh xuống KKTCK Móng Cái để giám sát việc tuân thủ theo các quy định quan trọng về môi trường

8. Kết cấu hạ tầng – Giao thông

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện thi công Cầu Bắc Luân II

- Đẩy nhanh tiến độ dự án tuyến đường cao tốc Hà Nội – Hạ Long – Móng Cái

- Hỗ trợ xây dựng mô hình hợp tác công tư (PPP) và thu hút nhà đầu tư cấp vốn tài chính cho các dự án hạ tầng

- Hội đàm với Trung Quốc về việc kết nối đường sắt với Đông Hưng

9. Kết cấu hạ tầng – Hạ tầng cấp điện và cấp nước

- Hỗ trợ nâng cấp mạng lưới điện và hòa vào lưới điện quốc gia

- Hỗ trợ nâng cấp mạng lưới cấp nước và xây dựng hệ thống quản lý chất thải

- Đảm bảo cấp điện và cấp nước đồng bộ ở các khu vực chiến lược, bao gồm các khu công nghiệp ưu tiên và các điểm đến du lịch lớn

10. Xây dựng các khu hành chính – kinh tế đặc biệt

- Tiếp tục hỗ trợ KKTCK Móng Cái trở thành một khu kinh tế trọng

điểm theo định hướng trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 là: xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái trở thành khu hành chính – kinh tế đặc biệt, Khu kinh tế cửa khẩu tự do, hướng ngoại, có độ mở cao.

PHỤ LỤC: NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ

STT	Ngành	Giải pháp chính	Vốn ước tính	Nguồn vốn chủ yếu	Đầu tư định kỳ	Giả định/so sánh
1	Công nghiệp	- Thêm 2 công ty dệt may - Thêm 3 công ty thực phẩm & đồ uống - 4 công ty linh kiện ô tô phụ trợ nhỏ	1,1 tỷ USD	- Hoàn toàn kinh phí tư nhân	Không	- Dệt may: tương đương quy mô Texhong - Thực phẩm & đồ uống: tương đương quy mô Baosteel ở Bình Dương - Tương đương Yazaki ở Quảng Ninh
2	Thương mại	- Kho lạnh - Phân phối trang thiết bị - Thương mại điện tử - Dịch vụ chuỗi cung ứng - Vận tải	180 triệu USD	- Toàn bộ là kinh phí tư nhân trừ một số dự án hạ tầng giao thông có thể liên quan đến PPP hoặc kinh phí công	Không	- So sánh với cấu trúc chi phí và mô hình kinh doanh tương tự hiện nay
3	Du lịch	- 20 nhà hàng ẩm thực quốc tế - 1 trung tâm outlet gần bãi biển Trà Cổ - Du lịch sinh thái đảo Vĩnh Thực và Cái Chiên (trường học sinh thái và cáp treo) - 5 khách sạn 4 sao mới	285 triệu USD	- Chủ yếu là nguồn vốn tư nhân, trừ đảo du lịch sinh thái có thể liên quan đến chi tiêu công	Không	- So sánh với cấu trúc chi phí của các doanh nghiệp hiện nay tại Việt Nam
4	Cơ sở hạ tầng	7 dự án ưu tiên sẽ triển khai tại địa phương ¹⁴	200 triệu USD	- Phần đầu tối đa hóa đóng góp từ kinh phí tư nhân	Không	- Rà soát phê duyệt ngân sách hiện có - Ý kiến tham gia từ chuyên gia tại

¹⁴Chi tiết cụ thể hơn được trình bày trong các phần phân tích sâu phía dưới

QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI KHU KINH TẾ CỬA KHẨU MÓNG CÁI

STT	Ngành	Giải pháp chính	Vốn ước tính	Nguồn vốn chủ yếu	Đầu tư định kỳ	Giả định/so sánh
						địa phương và trong ngành - So sánh với các dự án khác tại địa phương
5	Nguồn nhân lực	- Hỗ trợ dịch chuyển lao động ngành nông, lâm, ngư nghiệp - Hỗ trợ chăm sóc con cái để tăng tỷ lệ nữ giới tham gia lao động - Sự kiện việc làm để thu hút người lao động từ nơi khác	3 triệu USD	- Có thể thanh toán khoản hỗ trợ chăm sóc trẻ em trong 3 năm cho từng đối tượng - Kinh phí hoàn toàn từ chính quyền, trừ các sự kiện việc làm có thể huy động kinh phí từ các doanh nghiệp tham gia	Không	- So sánh với các chương trình tương tự tại Việt Nam và khu vực (ví dụ: Úc)
6	Y tế	- Chương trình thu hút bác sỹ - Chương trình nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên y tế thôn bản - Phòng khám lưu động - Nâng cấp bệnh viện Móng Cái	8 triệu USD	- Hoàn toàn từ nguồn kinh phí công	Có, trừ khoản đầu tư nâng cấp bệnh viện Móng Cái	- Ý kiến từ các chuyên gia địa phương - Hướng dẫn từ các văn bản hiện nay (ví dụ: quy hoạch Y tế Quảng Ninh đã được duyệt)
7	Giáo dục	- Mở rộng lớp học bổ túc văn hóa kết hợp dạy nghề tại các xã miền núi hải đảo - Xây dựng mô hình hợp tác công tư trong đào tạo nghề - Xây dựng đơn vị Thu hút học sinh	3 triệu USD	- Chủ yếu là kinh phí công, trừ trường dạy nghề theo mô hình hợp tác công tư có thể lấy 60% kinh phí từ khu vực tư nhân	Có	- So sánh với mô hình hiện có (ví dụ: các trường dạy nghề tại Quảng Ninh) - Rà soát các mức chi tiêu công hiện nay tại Việt Nam (ví dụ: chi tiêu bình quân/học sinh)

